

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Đỗ Linh Phương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU
VĂN BẢN THÔNG TIN CHO HỌC SINH LỚP 4, 5

Mã sinh viên: 2552020462

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Đỗ Linh Phương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU
VĂN BẢN THÔNG TIN CHO HỌC SINH LỚP 4, 5

Mã sinh viên: 2552020462

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Đỗ Hồng Lĩnh

NINH BÌNH, 2025

LỜI CẢM ƠN

Khóa luận tốt nghiệp được hoàn thành tại Trường Đại học Hoa Lư. Có được kết quả này, em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới Trường Đại học Hoa Lư, Khoa Sư phạm Tiểu học Mầm non, đặc biệt là ThS. Đỗ Hồng Lĩnh đã trực tiếp hướng dẫn, dìu dắt, giúp đỡ em với những chỉ dẫn khoa học quý giá trong suốt quá trình triển khai, nghiên cứu và hoàn thành đề tài “**Một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5**”.

Em rất mong nhận được sự đóng góp, phê bình của quý thầy cô, các nhà khoa học, độc giả để đề tài hoàn thiện hơn và có thể áp dụng rộng rãi hơn trong thực tế.

Xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày.....tháng 05 năm 2025

Tác giả

Đỗ Linh Phương

LỜI CAM ĐOAN

Khóa luận tốt nghiệp với đề tài “**Một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5**” là công trình nghiên cứu của bản thân và được hoàn thành dưới sự hướng dẫn của ThS. Đỗ Hồng Linh – Giảng viên khoa Sư phạm Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Hoa Lư.

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành khóa luận, tôi đã tham khảo và trích dẫn đầy đủ tài liệu, nguồn gốc, thông tin từ các tác giả khác đã được nêu rõ trong phần tài liệu tham khảo. Các kết quả trình bày trong khóa luận đều là trung thực và được nghiên cứu nghiêm túc. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm cho lời cam đoan của mình.

Ninh Bình, ngày.....tháng 05 năm 2025

Tác giả

Đỗ Linh Phương

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “**Một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5**” là công trình nghiên cứu của sinh viên Đỗ Linh Phương. Nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Đề tài đã được chỉnh sửa theo góp ý của hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp ngày 22 tháng 05 năm 2025

Ninh Bình, ngày tháng 05 năm 2025

Người hướng dẫn

ThS. Đỗ Hồng Linh

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nội dung
1	CTGDPT	Chương trình Giáo dục phổ thông
2	GV	Giáo viên
3	HS	Học sinh
4	SGK	Sách giáo khoa
5	VBTT	Văn bản thông tin
6	YCCĐ	Yêu cầu cần đạt

DANH MỤC CÁC BẢNG

STT	Tên	Nội dung	Trang
1	Bảng 1.1	Bảng yêu cầu cần đạt về việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4	14
2	Bảng 1.2	Bảng yêu cầu cần đạt về việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 5	14
3	Bảng 1.3	Bảng hệ thống các bài đọc VBTT lớp 4 (bộ sách KNTTVCS)	18
4	Bảng 1.4	Bảng hệ thống các bài đọc VBTT lớp 5 (bộ sách KNTTVCS)	18
5	Bảng 1.5	Tỷ lệ của VBTT trong SGK lớp 4, 5	19
6	Bảng 1.6	Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ GV đánh giá kĩ năng cần được phát triển trong dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5	26
7	Bảng 1.7	Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ GV đánh giá kĩ năng chưa đạt hiệu quả trong dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5	27
8	Bảng 1.8	Bảng thống kê khó khăn trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5	30
9	Bảng 1.9	Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra đọc hiểu VBTT	37
10	Bảng 2.1	Bảng so sánh đặc điểm nổi bật của Thành phố thông minh Mát – Xđa	77

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

STT	Tên	Nội dung	Trang
1	Biểu đồ 1.1	Biểu đồ sự đánh giá của GV về ý nghĩa của việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5	25
2	Biểu đồ 1.2	Biểu đồ thể hiện những thuận lợi trong việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5	29
3	Biểu đồ 1.3	Biểu đồ phương pháp dạy học thường dùng khi dạy học đọc hiểu VBTT	31
4	Biểu đồ 1.4	Biểu đồ tỷ lệ HS yêu thích đối với các giờ đọc hiểu	35

DANH MỤC SƠ ĐỒ

STT	Tên	Nội dung	Trang
1	Sơ đồ 2.1	Ý chính phân thành nhiều ý bổ trợ	55
2	Sơ đồ 2.2	Chủ đề -> Ý chính -> Ý bổ trợ	56
3	Sơ đồ 2.3	Chi tiết -> Ý chính	56
4	Sơ đồ 2.4	Ý chính, Ý bổ trợ đoạn 1 bài “Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú”	59
5	Sơ đồ 2.5	Sơ đồ bài “Lễ hội ở Nhật Bản”	73

DANH MỤC HÌNH ẢNH

STT	Tên	Nội dung	Trang
1	Hình 2.1	Quy trình hướng dẫn HS nhận biết mục đích giao tiếp của VBTT	44
2	Hình 2.2	Hình ảnh minh họa trong Bài 25. Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô-Rông-Gô-Rô	45
3	Hình 2.3	Hình ảnh trang sách Bài 21-Đọc:Làm thỏ con bằng giấy, SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (bộ sách NTTVCS)	47
4	Hình 2.4	Hình ảnh minh họa trong trang sách Bài 21-Đọc:Làm thỏ con bằng giấy, SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (bộ sách KNTTVCS)	48
5	Hình 2.5	Phiếu học tập trong hoạt động hướng dẫn HS nhận biết mục đích giao tiếp của văn bản Làm thỏ con bằng giấy	49
6	Hình 2.6	Phiếu học tập trong hoạt động HS trao đổi, thảo luận mục đích giao tiếp của văn bản Làm thỏ con bằng giấy	50
7	Hình 2.7	Đáp án phiếu học tập trong hoạt động HS trao đổi, thảo luận mục đích giao tiếp của văn bản Làm thỏ con bằng giấy	51
8	Hình 2.8	Quy trình hướng dẫn HS tìm ý và xác định chi tiết quan trọng trong VBTT	53
9	Hình 2.9	Hình ảnh trang sách Bài 11-Đọc: Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú, SGK Tiếng Việt 5, tập 1 (bộ sách KNTTVCS)	57
10	Hình 2.10	Hình ảnh trang sách Bài 12-Đọc: Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long, SGK Tiếng Việt 5, tập 1 (bộ sách KNTTVCS)	65
11	Hình 2.11	Hình ảnh trang sách Bài 29-Đọc: Lễ hội ở Nhật Bản, SGK Tiếng Việt 4, tập 2 (bộ sách NTTVCS)	71
12	Hình 2.12	Hình ảnh trang sách Bài 30 – Đọc : Thành phố thông minh Mát-xcơ, SGK Tiếng Việt lớp 5 tập 2 (Bộ KNTTVCS)	77

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	5
3.1. Mục đích.....	5
3.2. Nhiệm vụ	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
4.1. Đối tượng nghiên cứu.....	5
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	5
5.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận.....	5
5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn.....	5
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	6
6.1. Ý nghĩa khoa học.....	6
6.2. Ý nghĩa thực tiễn	6
NỘI DUNG.....	7
Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI	7
1.1. Cơ sở lí luận	7
1.1.1. Văn bản thông tin và những đặc điểm chung của văn bản thông tin.....	7
1.1.2. Những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh lớp 4, 5	12
1.1.3. Đặc điểm tâm lí và nhận thức của học sinh lớp 4, 5 ảnh hưởng đến việc đọc hiểu văn bản thông tin	15
1.2. Cơ sở thực tiễn	18
1.2.1. Nội dung dạy học đọc hiểu văn bản thông tin lớp 4, 5	18
1.2.2. Khảo sát năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh lớp 4, 5 ở một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.	21
1.2.3. Phân tích kết quả và đánh giá thực trạng	23
Kết luận chương 1	39
Chương 2: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN CHO HỌC SINH LỚP 4, 5	40

2.1. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5	40
2.1.1. Bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình Giáo dục phổ thông về dạy học văn bản thông tin	40
2.1.2. Bám sát đối tượng người học để thiết kế các nội dung, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá phù hợp với học sinh	40
2.1.3. Bám sát các đặc trưng của văn bản thông tin.....	42
2.2. Đề xuất một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5	43
2.2.1. Phát triển kỹ năng nhận biết mục đích giao tiếp của văn bản thông tin	43
2.2.2. Phát triển kỹ năng tìm hiểu ý và xác định chi tiết quan trọng trong văn bản thông tin.....	52
2.2.3. Phát triển kỹ năng nhận biết các yếu tố hình thức và các tác dụng của yếu tố hình thức.....	60
2.2.4. Phát triển kỹ năng tóm tắt văn bản thông tin	67
2.2.5. Phát triển kỹ năng liên hệ, so sánh, kết nối.....	74
Kết luận chương 2	81
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	82
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	84

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Quyết định số 404/QĐ-TTg, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, quy định Chương trình GDPT tổng thể [1] và chương trình các môn học, thay thế chương trình hiện hành. Thông tư xác định rõ mục tiêu, YCCĐ, nội dung chương trình, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả và định hướng triển khai nhằm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cho HS. Trong đó, chương trình môn Ngữ văn được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, với môn Tiếng Việt ở Tiểu học giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cho HS. Đặc biệt, VBTT cùng với văn bản văn học và văn bản nghị luận trở thành đối tượng dạy học trọng tâm trong chương trình đọc hiểu. Việc rèn luyện kỹ năng đọc hiểu VBTT giúp HS tiếp nhận chính xác, đầy đủ thông tin, từ đó hình thành tri thức phục vụ học tập và đời sống, cho thấy vai trò thiết yếu của việc phát triển năng lực đọc hiểu loại văn bản này ở cấp Tiểu học.

Trong quá trình học tập tại trường Đại học Hoa Lư, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học đã được tìm hiểu, dự giờ thực tế các tiết dạy đọc VBTT tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình để học hỏi thêm những kinh nghiệm giảng dạy. Các giờ dạy đọc hiểu VBTT đã được chú trọng trong phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Tuy nhiên, HS còn lúng túng trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin của văn bản; còn bị ảnh hưởng, chi phối nhiều bởi cách đọc hiểu VBHH. Vì nhiều HS cảm thấy VBTT khô khan, nhàm chán, không ứng dụng được vào thực tế, có nhiều từ ngữ mang tính khoa học hàn lâm, nên không yêu thích thể loại văn bản này.

Sách giáo khoa lớp 4 đã được phát hành và thực hiện từ năm học 2023 - 2024, Sách giáo khoa lớp 5 được phát hành và thực hiện từ năm học 2024 - 2025. Đây là 2 khối lớp cuối ở bậc Tiểu học, đòi hỏi khả năng đọc hiểu VBTT nhiều hơn các khối lớp khác. Đặc biệt đối với lớp 5, đây là năm đầu tiên sử dụng bộ sách mới trong quá trình giảng dạy, từ phía GV, HS đều có những khó khăn nhất định. Vì thế GV cần có những biện pháp giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT để tiếp thu những thông tin ở bậc học cao hơn.

Từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài “Một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5” với

mong muốn góp một phần công sức trong việc đổi mới phương pháp dạy học, đáp ứng yêu cầu của chương trình Ngữ văn 2018.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Ở nước ta, việc dạy học đọc hiểu VBTT luôn được quan tâm. Về mặt lý luận, dạy học đọc hiểu VBTT được đặt ra như một vấn đề độc lập được nghiên cứu khoảng năm 1990, sau này đưa vào chương trình GDPT môn Ngữ văn. Dưới đây là một số các bài viết, công trình nghiên cứu về VBTT nói chung và VBTT ở tiểu học nói riêng:

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn [2] của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) đã trình bày khái niệm, đặc điểm kiểu loại VBTT và định hướng giảng dạy phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe cho HS.

Bài viết *Văn bản thông tin trong Chương trình Ngữ văn phổ thông của một số nước trên thế giới [26]* của Nguyễn Thị Ngọc Thúy đã dựa trên cơ sở của việc tìm hiểu giảng dạy VBTT trong Chương trình Ngữ văn của một số nước trên thế giới, muốn xác định lại tên gọi cho hệ thống VBTT. Đồng thời tác giả cũng đã đưa ra một số gợi ý của việc giảng dạy VBTT trong Chương trình Ngữ văn phổ thông cho nước ta sau năm 2015.

Tác giả Nguyễn Thị Hạnh trong bài viết *Năng lực đọc trong môn Ngữ văn bậc phổ thông và cấp tiểu học [9]* đã trình bày các vấn đề năng lực đọc và xem trong môn Ngữ văn bậc phổ thông và cấp tiểu học. Tác giả đã xác định trực phát triển năng lực đọc và xem cho toàn bậc phổ thông để có cơ sở chọn nội dung dạy học, phương pháp dạy học phù hợp cho từng cấp, từng lớp. Bài viết đã làm rõ 4 mức độ trong trực phát triển năng lực đọc và xem văn bản nói chung và VBTT nói riêng cho HS tiểu học: (1) Đọc đúng và nhận biết các chi tiết; (2) Hiểu đúng ý nghĩa của các đơn vị ngôn ngữ, biết kết nối các chi tiết, thông tin đơn giản qua kênh chữ và kênh hình, chia sẻ thông tin và cảm nhận cá nhân, liên hệ thông tin với trải nghiệm cá nhân; (3) Hiểu ý chính của văn bản dựa trên những chi tiết quan trọng, suy luận, phán đoán thông tin mới, chọn thông tin tổng văn bản để giải quyết những vấn đề đơn giản trong thực tiễn; (4) Hiểu ý chính, ý kiến, quan điểm của tác giả, phân tích, đánh giá thông tin, ý kiến tác của tác giả, kết nối thông tin trong văn bản và trải nghiệm cá nhân để giải quyết vấn đề không phức tạp, chia sẻ thông tin trong văn bản cho người khác theo quan điểm cá nhân.

Trong cuốn *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học [22]*, Đỗ

Ngọc Thông và các cộng sự đã đưa ra các đặc điểm của VBTT, yêu cầu và quy trình dạy đọc hiểu VBTT, thiết kế một số bài dạy minh họa về dạy học đọc hiểu VBTT ở tiểu học. Các tác giả cũng đưa ra gợi ý về cách dạy HS tiếp nhận VBTT, đặc biệt là kỹ năng tìm hiểu ý và xác định chi tiết trong văn bản để hỗ trợ sử dụng VBTT.

Tác giả Đỗ Ngọc Thông và các cộng sự cho ra mắt độc giả hai cuốn sách: *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học cơ sở* [23] và *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông* [24]. Theo đó, đặc điểm của VBTT trong nhà trường trung học, yêu cầu và quy trình dạy đọc hiểu VBTT đã được các tác giả đề cập và có giới thiệu bài dạy minh họa.

Việc đổi mới cách ra đề khâu kiểm tra, đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong môn Ngữ văn những năm trở lại đây càng cho thấy tầm quan trọng của việc phát triển năng lực dạy đọc hiểu VBTT cho GV Ngữ văn, nhằm giúp họ hướng dẫn học sinh đọc hiểu tốt loại VBTT. Đề thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia môn Ngữ văn các năm 2014, 2015, 2016, đề minh họa năm 2016, 2017, 2018, 2019; đề thi chính thức năm 2017, 2018, 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đều có phần đọc hiểu với nội dung là các văn bản ngoài chương trình sách giáo khoa. Trong đó, VBTT được người ra đề rất quan tâm.

Tác giả Đỗ Xuân Thảo cũng chỉ rõ vai trò của VBTT trong trường tiểu học qua bài viết *Dạy đọc hiểu văn bản thông tin ở Tiểu học* [21]. VBTT không chỉ chiếm một lượng kiến thức lớn trong hệ thống ngôn ngữ mà còn được xác định là những yêu cầu cụ thể trong chuẩn đầu ra ở từng cấp học, từng lớp học. Xuất phát từ tầm quan trọng của VBTT, ông đã nêu ra một số yêu cầu và một số biện pháp đối với việc đọc hiểu VBTT ở trường tiểu học; coi việc đọc hiểu VBTT cũng quan trọng như việc đọc và thưởng thức một văn bản văn học.

Tác giả Lê Thị Phụng trên cơ sở nghiên cứu khái niệm, đặc trưng của VBTT, nội dung dạy học và các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu VBTT, các lý thuyết giáo dục hiện đại đã đề xuất các nguyên tắc và biện pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS Trung học cơ sở. Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần giải quyết những khó khăn, lúng túng của GV và HS trong những năm đầu thực hiện chương trình, Sách giáo khoa mới theo định hướng phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS, nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường. [19]

Trong bài viết *Đề xuất việc dạy học đọc hiểu VBTT ở trường trung học*

của Việt Nam trong thời gian tới [10], tác giả Phạm Thị Thu Hiền đã đề xuất việc dạy học đọc hiểu, những kiến thức của VBTT. Tác giả đã khẳng định, nhấn mạnh, vai trò của việc đưa các văn bản xuất hiện trong cuộc sống hằng ngày vào quá trình giảng dạy để nâng cao khả năng đọc hiểu, rèn luyện tư duy phản biện và cung cấp những kiến thức thực tế cho HS trung học. Việc làm này được xem như là một xu hướng giúp phát triển giáo dục, mang lại nhiều lợi ích cho sự phát triển toàn diện của HS.

Trịnh Thị Lan (2017), trong *Ngôn ngữ văn bản và việc dạy đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông* [15] trên cơ sở lí thuyết ngôn ngữ học văn bản đã đề xuất các yêu cầu, nhiệm vụ, định hướng vận dụng ngôn ngữ học văn bản vào dạy học đọc hiểu VBTT trong nhà trường.

Tác giả Nguyễn Thị Xuân Yến, Trần Thị Thanh Tuyền, trong bài viết *Xây dựng ngữ liệu đa phương thức rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4* [29] đã khẳng định ý nghĩa quan trọng của việc phát triển kĩ năng đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4 qua việc sử dụng ngữ liệu đa phương thức. Bài viết cũng đã tìm hiểu thực trạng rèn kĩ năng đọc hiểu cho HS hiện nay và nhu cầu sử dụng ngữ liệu đa phương thức để rèn kĩ năng đọc hiểu VBTT, đề ra nguyên tắc xây dựng, quy trình thiết kế ngữ liệu đa phương thức hỗ trợ rèn kĩ năng đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đã xây dựng được hệ thống ngữ liệu đa phương thức, những lưu ý cho GV khi dạy học đọc hiểu VBTT.

Trong bài viết *Văn bản thông tin trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 Chương trình 2018* [20] tác giả Đặng Thị Lệ Tâm đã tìm hiểu về nội dung của các văn bản này và đưa ra một số gợi ý dạy học VBTT trong sách giáo khoa Tiếng Việt 1, cụ thể: (1) Cần xác định đúng đích giao tiếp của VBTT, đó là thỏa mãn đích giao tiếp truyền thông xã hội hơn là giao tiếp thẩm mĩ, nên khai thác các vấn đề nội dung tư tưởng đặt ra ở mỗi văn bản, từ đó liên hệ, giáo dục tư tưởng tình cảm và ý thức cho HS; (2) Coi trọng khâu chuẩn bị về kiến thức và phương tiện dạy học ở cả 2 phía GV và HS; (3) Đáp ứng yêu cầu dạy học tích cực qua việc lựa chọn và kết hợp các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và phương tiện dạy học.

Qua việc tìm hiểu các công trình, bài viết, chúng tôi nhận thấy vấn đề đọc hiểu và dạy học đọc hiểu VBTT được nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu dưới các khía cạnh khác nhau, ở các đối tượng khác nhau từ nghiên cứu lí luận đến nghiên

cứu thực tiễn. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy chưa có đề tài nào đi sâu nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5. Vì vậy chúng tôi chọn nghiên cứu vấn đề này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

- Nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

3.2. Nhiệm vụ

- Xác định cơ sở lí luận của dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.
- Xác định cơ sở thực tiễn của dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.
- Nghiên cứu tìm hiểu các bài đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.
- Đề xuất các biện pháp dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5 ở bộ sách Kết nối Tri thức với Cuộc sống.
- Năng lực đọc hiểu VBTT của HS lớp 4, 5 ở một số trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được đề tài này, tôi sử dụng một số phương pháp nghiên cứu:

5.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

- Phương pháp nghiên cứu luận: Được sử dụng xuyên suốt quá trình thực hiện đề tài, để nghiên cứu lịch sử vấn đề và cơ sở lý thuyết của việc phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

5.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

5.2.1. Phương pháp điều tra

- Chúng tôi sử dụng phiếu Khảo sát để tìm hiểu thực tiễn dạy học và kiểm tra, đánh giá đối với thể loại VBTT ở một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Ngoài ra, chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn để đảm bảo cơ sở đáng tin cậy trong khi điều tra, lấy ý kiến của GV về các biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT trong tổ chức dạy học; xác định, nắm bắt được mức độ yêu thích, thái độ và kết quả học tập của HS đối với hoạt động học đọc hiểu, cụ

thể là đọc hiểu VBTT.

5.2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

- Sau khi đã thu thập được số liệu, ý kiến qua khảo sát, chúng tôi sàng lọc các nhóm dữ liệu đã thu thập được, xử lý và thống kê để đưa ra kết luận.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Hệ thống hóa các biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Khát quát được thực trạng trong dạy học phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 ở một số trường tiểu học tại địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Đề xuất một số biện pháp giúp GV dạy học phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

- Giúp cho GV, sinh viên ngành sư phạm trong việc thiết kế bài dạy học trong nội dung phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Văn bản thông tin và những đặc điểm chung của văn bản thông tin

1.1.1.1. Khái niệm văn bản thông tin

Nhắc tới VBTT, hiện nay trên thế giới và trong nước đã có những tài liệu đề cập đến khái niệm của dạng văn bản này.

Chương trình Ngữ văn của một số quốc gia đã sử dụng những tên gọi khác nhau để đưa ra cách hiểu về loại văn bản có nội dung liên quan trực tiếp đến thế giới hiện thực, không sử dụng những yếu tố hư cấu, tưởng tượng, thực hiện chức năng chủ yếu là cung cấp thông tin. Chẳng hạn như:

Trong chuẩn Chương trình chung cốt lõi của bang California coi VBTT là: *“kiểu văn bản trình bày về lịch sử, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và nghệ thuật”, “là các văn bản chuyên môn, bao gồm các định hướng, hình thức và thông tin được trình bày dưới dạng biểu đồ, đồ thị hoặc bản đồ”, “là nguồn dữ liệu số trong một phạm vi nhiều chủ đề”*. [3]

“Tác giả Andrew Sedillo cho rằng VBTT là văn bản phi hư cấu, được viết với ý định thông báo cho độc giả về một chủ đề cụ thể; thường được tìm thấy trong tạp chí, sách khoa học hoặc lịch sử, sách tự truyện và hướng dẫn sử dụng. Nó được viết bằng các tính năng văn bản đặc biệt, cho phép người đọc dễ dàng tìm thấy thông tin quan trọng và hiểu được chủ đề chính. Tác giả sẽ thực hiện việc này bằng cách cung cấp tiêu đề cho các phần nhất định, bằng cách đặt từ vựng quan trọng, bằng kiểu chữ đậm và sử dụng các biểu diễn trực quan với phụ đề. Những hình ảnh đại diện có thể là hình ảnh hoặc thậm chí đồ họa, bao gồm các bảng biểu, sơ đồ, đồ thị và biểu đồ. Trong một số trường hợp, tác giả sẽ cung cấp cho người đọc một bảng mục lục hoặc một bảng thuật ngữ để giúp họ tìm kiếm thông tin dễ dàng”. [13]

Khi nghiên cứu về văn bản, Langer (1992) cho rằng văn bản được phân chia thành hai loại là văn bản văn chương và VBTT. VBTT khác với văn bản văn chương, chủ yếu được viết để truyền đạt thông tin hoặc kiến thức. Về cơ bản, chúng ta đọc loại VB này *“để chuyển hóa các thông tin hoặc kiến thức trong văn bản thành tri thức của mình với mục đích sử dụng trong học tập*

và đời sống hoặc làm tư liệu cho mai sau”, “người đọc sẽ có hai tư tưởng khi đọc VBTT, một là để trải nghiệm; hai là để định vị và ghi nhớ thông tin. Do đó, với hầu hết các VBTT, sự chú ý của người đọc sẽ tập trung chủ yếu vào những điều họ thu được từ việc đọc - tức là thông tin chứa đựng trong văn bản”. [30]

Tại Việt Nam, cách hiểu về VBTT cũng rất đa dạng. Cụ thể :

Trong Chương trình GDPT môn Ngữ Văn (2018), thuật ngữ VBTT được giải thích “là dạng văn bản dùng chủ yếu trong việc cung cấp thông tin. Dạng văn bản này giúp người đọc có được các thông tin cụ thể, khách quan, có tính chính xác cao”. [2]

Theo Đỗ Ngọc Thống, “VBTT là văn bản dùng chủ yếu để cung cấp thông tin về nhiều khía cạnh của cuộc sống, từ con người, sự vật, đến các hiện tượng xã hội. Đồng thời tác giả đã đề cập đến khái niệm văn bản đa phương thức (multimodal text), ám chỉ rằng VBTT có thể kết hợp với nhiều hình thức khác nhau như văn bản, hình ảnh, âm thanh, video nhằm tạo ra một hình thức truyền thông đa phương tiện để truyền tải thông tin một cách có hiệu quả hơn” .[22]

Đỗ Xuân Thảo dựa trên tầm quan trọng của VBTT trong Chương trình Ngữ văn 2018, ông đã đưa ra cách hiểu về dạng văn bản này “VBTT (informational text) là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về con người, sự vật, hiện tượng hoặc hướng dẫn thực hiện hoạt động dựa trên các số liệu, sự kiện khách quan và kiến thức khoa học. VBTT rất phổ biến trong xã hội dưới dạng các bài báo, tạp chí, từ điển, sách giáo khoa; sách viết về danh nhân, sách hướng dẫn du lịch, sử dụng thuốc, nấu ăn; báo cáo, biên bản, pa nô, áp phích... VBTT thường được trình bày bằng kênh chữ kết hợp với các kênh khác như hình ảnh, âm thanh... và thường là văn bản đa phương thức (multimodal text)” .[21]

Theo tác giả Nguyễn Thị Hồng Nam, về phương diện nội dung thì văn bản bao gồm VB VH và VBTT. VB VH là loại văn bản sử dụng ngôn từ một cách nghệ thuật, có tính thẩm mỹ cao đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của con người. VBTT là thuật ngữ để chỉ các loại văn bản còn lại, dù có khi có những tên gọi khác nhau nhưng có chung đặc điểm là không sử dụng các yếu tố hư cấu, tưởng tượng và mục đích chính là cung cấp thông tin. [17]

Tác giả Lê Thị Phụng coi VBTT “là dạng văn bản sử dụng ngôn ngữ phi nghệ thuật, cung cấp cho con người những thông tin chính xác, khách quan về

thế giới quan, những vấn đề liên quan đến con người, xã hội, tự nhiên. VBTT thường được thể hiện dưới các dạng như : văn bản thuyết minh, tờ rơi quảng cáo, văn bản hành chính – công vụ,...”. [19]

Như vậy, có nhiều tác giả trong và ngoài nước đã định nghĩa về VBTT theo những khía cạnh, góc nhìn khác nhau. Qua việc tìm hiểu các định nghĩa về VBTT và trong giới hạn của đề tài, chúng tôi hiểu VBTT là: *một dạng văn bản quan trọng dùng để cung cấp những thông tin khách quan, chính xác về thế giới, tự nhiên, xã hội, con người. VBTT được thể hiện dưới nhiều dạng như Sách giáo khoa, nội quy, chỉ dẫn, áp phích quảng cáo...*

1.1.1.2. Đặc điểm chung của văn bản thông tin

Mục đích chính của VBTT dùng để cung cấp thông tin, liên hệ trực tiếp vào cuộc sống đời thường, như: báo cáo, thông báo, đơn từ, thư từ,...được thể hiện dưới 2 dạng là dạng in truyền thống trên giấy và dạng điện tử. Dù được thể hiện dưới hình thức nào thì VBTT cũng có những đặc điểm chung như sau:

a. Tính chính xác

Tính chính xác là yếu tố quan trọng hàng đầu cần được đảm bảo trong VBTT. Thông tin được trình bày phải được kiểm chứng rõ ràng từ nhiều nguồn đáng tin cậy như cơ quan chức năng, tổ chức khoa học, hoặc các chuyên gia có thẩm quyền. Việc trích dẫn sai hoặc sử dụng thông tin chưa xác minh có thể dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng, gây hiểu lầm cho người đọc và ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của người viết. Do đó, tính trung thực và khách quan là nguyên tắc cốt lõi trong quá trình thu thập và trình bày dữ liệu. Nội dung trong VBTT phải phản ánh chính xác bản chất sự việc. Ngoài ra, thông tin cần được cập nhật thường xuyên để phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế. Việc đối chiếu, so sánh thông tin từ nhiều nguồn sẽ giúp nâng cao độ tin cậy của văn bản. Một VBTT chuẩn mực không chỉ cung cấp kiến thức mà còn góp phần định hướng nhận thức cho người đọc.

b. Tính khách quan

VBTT cần được trình bày khách quan, trung thực, tuyệt đối không lồng ghép ý kiến hay quan điểm cá nhân của người viết. Việc thể hiện cảm xúc và phán đoán chủ quan có thể làm sai lệch nội dung thông tin, gây ảnh hưởng đến sự tiếp nhận và đánh giá của người đọc. Các sự việc trong văn bản được phản ánh một cách chính xác dựa trên dữ liệu, số liệu thống kê và dẫn chứng cụ thể từ

các nguồn đáng tin cậy. Mục tiêu chính của VBTT là truyền đạt tri thức, không phải thể hiện lập trường cá nhân. Tính khách quan là tiêu chí quan trọng giúp người đọc có cơ sở tự đánh giá và đưa ra kết luận của riêng mình. Đồng thời, việc tránh thiên vị trong cách tiếp cận thông tin cũng góp phần nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của văn bản. Tính khách quan không chỉ ảnh hưởng đến việc tác giả tuân thủ nguyên tắc trung lập, không để cảm xúc chi phối nội dung mà còn ảnh hưởng đến người đọc, khiến người đọc dễ tiếp thu văn bản hơn. Chính điều này tạo nên sự khác biệt giữa VBTT và các thể loại VB VH.

c. Tính hữu ích

Thông tin trong VBTT được lựa chọn và trình bày khoa học, đảm bảo sự hữu ích, phù hợp với nhu cầu và trình độ nhận thức của người đọc. Một VBTT chỉ thực sự có giá trị khi giúp người đọc mở rộng hiểu biết, nâng cao nhận thức về thế giới xung quanh. Do đó, tác giả cần xác định rõ đối tượng người đọc và mục đích giao tiếp để lựa chọn nội dung phù hợp. Những thông tin không phù hợp hoặc không thực tế sẽ khiến người đọc cảm thấy khó tiếp cận hoặc không cần thiết. Vì vậy, tính hữu ích đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định mức độ tiếp nhận và lan tỏa của VBTT. Nội dung được trình bày luôn gắn liền với thực tiễn, dễ áp dụng hoặc có giá trị tham khảo cao. Chỉ khi đó, VBTT mới thực sự phát huy được vai trò truyền đạt tri thức và định hướng nhận thức xã hội.

d. Tính đầy đủ

VBTT cần đảm bảo cung cấp đầy đủ nội dung liên quan đến vấn đề được đề cập nhằm đáp ứng yêu cầu về tính toàn diện và độ tin cậy. Một văn bản thiếu thông tin sẽ không thể phản ánh chính xác bản chất của sự vật, hiện tượng và dễ dẫn đến những cách hiểu sai lệch từ phía người đọc. Việc trình bày đầy đủ các khía cạnh, bao gồm nguyên nhân, quá trình, hậu quả và bối cảnh liên quan, giúp người đọc có cơ sở để tiếp cận và phân tích vấn đề một cách khách quan và khoa học. Trong quá trình xây dựng văn bản, người viết cần tiến hành thu thập, đối chiếu và chọn lọc thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để bảo đảm tính xác thực và độ bao quát. Tính đầy đủ của thông tin cũng là yếu tố góp phần nâng cao giá trị tham khảo và tính ứng dụng của văn bản trong thực tiễn. Ngoài ra, việc trình bày thông tin một cách logic, có hệ thống sẽ hỗ trợ quá trình tiếp nhận của người đọc trở nên hiệu quả hơn. VBTT không chỉ truyền đạt dữ liệu mà còn tạo nên

tăng cho tư duy phân tích và nghiên cứu sâu hơn. Do đó, tính đầy đủ về thông tin là một trong những đặc điểm quan trọng của một VBTT.

đ. Tính ngắn gọn, súc tích

Sự ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình truyền đạt nội dung của VBTT. Việc lược bỏ những yếu tố không cần thiết và tập trung vào thông tin cốt lõi giúp người đọc tiếp nhận nội dung một cách nhanh chóng và chính xác. Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản rõ ràng, hạn chế dùng cấu trúc câu phức tạp hoặc từ ngữ mang tính mơ hồ, khó hiểu. Cách diễn đạt mạch lạc, logic sẽ hỗ trợ người đọc nắm bắt thông tin một cách liền mạch và đầy đủ mà không bị gián đoạn bởi các chi tiết rườm rà. Đặc biệt trong bối cảnh thông tin ngày càng nhiều và đa dạng, việc trình bày nội dung một cách cô đọng sẽ giúp văn bản thu hút và giữ được sự chú ý của người đọc. Bên cạnh đó, VBTT có sự lựa chọn từ ngữ phù hợp với đối tượng tiếp nhận, đảm bảo tính dễ hiểu và phù hợp với mục đích giao tiếp. Một VBTT đạt chuẩn không chỉ truyền tải đầy đủ nội dung, mà còn cần tối ưu hóa hình thức thể hiện để nâng cao hiệu quả truyền thông.

e. Cấu trúc logic chặt chẽ

VBTT được trình bày theo một trình tự logic, chặt chẽ, đảm bảo tính mạch lạc và hỗ trợ hiệu quả quá trình tiếp nhận thông tin của người đọc. Trình bày logic là sự sắp xếp nội dung theo một cấu trúc rõ ràng, trong đó các ý được liên kết chặt chẽ với nhau, tạo nên một hệ thống thông tin thống nhất và có tính định hướng cao. Việc xác định rõ mục đích truyền đạt giúp lựa chọn thứ tự trình bày phù hợp, tránh tình trạng thông tin rời rạc, không liên kết.

Mỗi phần trong văn bản có mối quan hệ nội dung với phần trước và sau, đảm bảo sự chuyển tiếp tự nhiên và hợp lý. Việc xây dựng bố cục hợp lý không chỉ giúp người đọc dễ dàng theo dõi, mà còn góp phần làm nổi bật các ý chính của văn bản. Thông tin trong văn bản được triển khai từ khái quát đến cụ thể, từ nguyên nhân đến kết quả, hoặc theo trình tự thời gian. Ngoài ra, các phương tiện liên kết như từ nối, cụm từ chuyển ý cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính liền mạch của văn bản. Cấu trúc rõ ràng giúp người đọc xác định được đâu là thông tin quan trọng, đâu là thông tin bổ trợ. Việc thiếu tính logic trong trình bày dễ dẫn đến hiểu nhầm hoặc bỏ sót nội dung. Đặc biệt trong các văn bản mang tính khoa học, sự chặt chẽ về cấu trúc là điều kiện tiên quyết để

đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của nội dung. Với đặc điểm này, VBTT không chỉ truyền tải được nội dung một cách đầy đủ, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiếp nhận và xử lý thông tin của người đọc.

g. Ngôn từ trong sáng, dễ hiểu

Ngôn ngữ trong VBTT thường trong sáng, dễ hiểu và phù hợp với đối tượng tiếp nhận thông tin. Điều này thể hiện qua việc sử dụng từ ngữ đơn giản, tránh các thuật ngữ phức tạp hoặc mơ hồ, câu văn rõ ràng, ngắn gọn, không rườm rà. Tính trong sáng của ngôn ngữ không chỉ thể hiện ở việc sử dụng từ ngữ chính xác mà còn ở cấu trúc câu mạch lạc, dễ theo dõi. Để đảm bảo đặc điểm này, tác giả cần chú ý đến ngữ cảnh và trình độ nhận thức của người đọc để lựa chọn cách diễn đạt phù hợp, đảm bảo rằng thông điệp được truyền tải một cách hiệu quả nhất.

Như vậy, với những đặc điểm trên, VBTT thực hiện hiệu quả chức năng cung cấp tri thức, phản ánh sự kiện khách quan và định hướng nhận thức xã hội. Khi các yếu tố này được kết hợp một cách hiệu quả, VBTT sẽ trở thành công cụ mạnh mẽ trong việc truyền đạt tri thức và định hướng nhận thức cho cộng đồng.

1.1.2. Những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh lớp 4, 5

Đọc hiểu là một trong những năng lực nền tảng trong quá trình học tập môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học, đồng thời là thành tố quan trọng trong việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Theo định hướng của Chương trình GDPT (CTGDPT) năm 2018, năng lực đọc hiểu không chỉ bao hàm khả năng nhận biết và tiếp nhận thông tin từ văn bản, mà còn bao gồm các mức độ cao hơn như phân tích, đánh giá, liên hệ và vận dụng vào thực tiễn.

Ở cấp Tiểu học, YCCĐ về năng lực đọc được thiết kế theo lộ trình phát triển qua từng lớp học. Trong đó, với HS lớp 4 và lớp 5 – giai đoạn chuyển tiếp quan trọng trước khi các em bước sang cấp Trung học cơ sở – chương trình đặc biệt nhấn mạnh đến yêu cầu đọc hiểu văn bản, đặc biệt là khả năng nắm bắt nội dung cụ thể, nhận diện chủ đề và rút ra bài học từ văn bản. Mục tiêu này được thể hiện rõ qua yêu cầu: *“Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.”* [1].

Phát triển kỹ năng đọc hiểu không chỉ góp phần hình thành năng lực ngôn ngữ và tư duy mà còn là nền tảng để nuôi dưỡng những giá trị văn hóa, nhân văn cho HS. Theo CTGDPT 2018, kỹ năng đọc hiểu được triển khai trên cơ sở tích hợp đa dạng các năng lực như:

- Nhận diện và phân loại văn bản;
- Hiểu nội dung văn bản;
- Phân tích và đánh giá văn bản;
- Vận dụng kiến thức từ văn bản vào đời sống;
- Sáng tạo trên cơ sở văn bản;
- Kết nối liên văn bản;
- Phân cấp kỹ năng theo từng cấp học;
- Hướng đến mục tiêu phát triển tư duy và năng lực ứng dụng.

Đối với kiểu VBTT– một trong ba kiểu văn bản trọng tâm trong chương trình môn Ngữ văn (bên cạnh văn bản văn học và văn bản nghị luận) – việc đọc hiểu được cụ thể hóa thông qua các tiêu chí rõ ràng, bao gồm:

Đọc hiểu nội dung văn bản: thể hiện ở việc xác định các chi tiết, đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp,...

Đọc hiểu hình thức: thông qua việc nhận diện đặc điểm kiểu văn bản, thể loại, các thành tố hình thức (như cấu trúc văn bản, cách trình bày thông tin, phương thức biểu đạt, ngôn ngữ sử dụng,...).

Liên hệ, so sánh, kết nối: khả năng kết nối giữa các văn bản, giữa văn bản với bối cảnh lịch sử - xã hội hoặc với trải nghiệm cá nhân.

Đọc mở rộng: bao gồm đọc thêm ngoài sách giáo khoa, học thuộc lòng một số văn bản tiêu biểu, và tiếp cận văn bản đa phương thức.

Có thể khẳng định rằng, năng lực đọc hiểu được bắt đầu và rèn luyện chủ yếu thông qua môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học, trong đó VBTT đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy logic, khả năng tiếp nhận thông tin khách quan và kỹ năng học tập tích hợp. Về lâu dài, năng lực này sẽ được mở rộng thành năng lực chung, góp phần vào việc học tập hiệu quả ở các môn học khác cũng như trong hoạt động đời sống hàng ngày. Chính vì vậy, việc xác định và bồi dưỡng đúng đắn các yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu VBTT ở HS lớp 4, 5 là nhiệm vụ thiết yếu, góp phần thực hiện thành công mục tiêu giáo dục toàn diện của chương trình GDPT mới.

Những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu VBTT của HS lớp 4, 5 trong CTGDPT môn Ngữ văn được thể hiện qua 2 bảng dưới đây:

Bảng 1.1. Bảng yêu cầu cần đạt về việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Đọc hiểu về nội dung - Nhận biết được thông tin chính trong văn bản. - Biết tóm tắt văn bản. Đọc hiểu về hình thức - Nhận biết được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó: văn bản chỉ dẫn các bước thực hiện một công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm: thư thăm hỏi, thư cảm ơn hoặc xin lỗi; đơn (xin nghỉ học, xin nhập học); giấy mời, báo cáo công việc. - Nhận biết được bố cục của một VBTT thông thường: phần đầu, phần giữa (chính) và phần cuối Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được một vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hay cộng đồng được gợi ra từ văn bản đã đọc. - Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử) Đọc mở rộng - Trong 1 năm đọc tối thiểu 18 VBTT (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học	- Văn bản hướng dẫn các bước thực hiện một công việc; giấy mời, đơn thư, báo cáo công việc

Bảng 1.2. Bảng yêu cầu cần đạt về việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
Đọc hiểu về nội dung - Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin	- Bài văn giải thích

chính của văn bản. - Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản. Đọc hiểu về hình thức - Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động. - Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối và các yếu tố - (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một VBTT đơn giản. Liên hệ, so sánh, kết nối - Nêu được những vấn đề thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản. Đọc mở rộng - Trong 1 năm đọc tối thiểu 18 VBTT (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học	về một hiện tượng tự nhiên, bài giới thiệu sách hoặc phim, báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu, văn bản quảng cáo (tờ rơi, áp phích,..)
---	---

1.1.3. Đặc điểm tâm lí và nhận thức của học sinh lớp 4, 5 ảnh hưởng đến việc đọc hiểu văn bản thông tin

1.1.3.1. Đặc điểm tâm lí và nhận thức của học sinh lớp 4, 5

HS tiểu học, đặc biệt trong giai đoạn lớp 4, 5 đang trải qua một giai đoạn phát triển nhận thức quan trọng, đánh dấu sự chuyển tiếp từ tư duy cụ thể sang tư duy trừu tượng. Ở độ tuổi này, não bộ của trẻ phát triển mạnh mẽ, giúp các em có khả năng tiếp nhận, xử lý và tổ chức thông tin một cách hệ thống hơn. Trẻ bắt đầu có khả năng liên kết, so sánh, phân tích và suy luận, thay vì chỉ ghi nhớ các thông tin đơn thuần như trước đây. Tuy nhiên, khả năng này vẫn còn hạn chế và cần được hỗ trợ qua việc định hướng và giảng dạy phù hợp.

Một đặc điểm nổi bật khác của độ tuổi 10-11 tuổi là sự nhạy bén về ngôn ngữ, khi các em không chỉ hiểu rõ hơn các câu từ đơn giản mà còn bắt đầu làm quen với các cấu trúc ngôn ngữ phức tạp hơn, đặc biệt là trong các văn bản học

thuật hoặc thông tin. Đây cũng là thời điểm mà trí tưởng tượng của trẻ phát triển mạnh mẽ, hỗ trợ cho quá trình học tập, đặc biệt là trong việc đọc hiểu và giải quyết các bài tập có tính chất suy luận. Vì vậy, việc tạo ra các hoạt động học tập phù hợp, kích thích khả năng tư duy và giúp trẻ phát huy tối đa tiềm năng nhận thức là một nhiệm vụ quan trọng đối với GV và phụ huynh.

HS trong giai đoạn này không chỉ phát triển về mặt thể chất mà còn trải qua những thay đổi đáng kể về tâm lý và nhận thức. HS bắt đầu phát triển sự hiểu biết rõ ràng hơn về bản thân và thế giới xung quanh, phát triển quan điểm cá nhân và biết cách đánh giá hành vi của chính mình. Ở giai đoạn này, HS dần thoát khỏi sự phụ thuộc hoàn toàn vào gia đình và bắt đầu thiết lập các mối quan hệ xã hội với bạn bè, thầy cô. Tính độc lập cũng được phát triển khi HS có thể hoàn thành các nhiệm vụ học tập hoặc sinh hoạt hàng ngày một cách độc lập mà không cần sự giám sát liên tục của người lớn. Tuy nhiên, HS vẫn cần sự hướng dẫn, hỗ trợ từ gia đình và nhà trường để hình thành đúng đắn các giá trị, thái độ và hành vi của mình. Quá trình chuyển đổi này mang lại nhiều cơ hội giáo dục nhưng cũng đòi hỏi một cách tiếp cận phức tạp để hỗ trợ trẻ vượt qua những thách thức tâm lý ở độ tuổi này. Giai đoạn này không chỉ đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ về nhận thức mà còn đi kèm với những thay đổi đáng kể về cảm xúc. HS trong độ tuổi này thường có khả năng phân tích và suy luận tốt hơn, bắt đầu hiểu rõ hơn các khái niệm trừu tượng và có thể áp dụng các kiến thức đã học vào tình huống thực tế. [31]

Bên cạnh đó, các em cũng bắt đầu thể hiện sự đồng cảm với người khác, có thể nhận thức được cảm xúc của bạn bè và biết cách điều chỉnh hành vi của mình để phù hợp với nhóm. Tuy nhiên, đây cũng là thời kỳ mà cảm xúc của các em trở nên phức tạp hơn; các em có thể cảm thấy áp lực từ việc học tập, so sánh bản thân với bạn bè hoặc đối mặt với những kỳ vọng từ gia đình và xã hội. Sự nhạy cảm với lời khen, lời phê bình và cách đối xử của người lớn trong giai đoạn này có thể ảnh hưởng lớn đến lòng tự trọng và động lực học tập của trẻ. Do đó, việc thấu hiểu và điều chỉnh các phương pháp giảng dạy cũng như cách ứng xử của người lớn là rất cần thiết để giúp các em phát triển toàn diện cả về nhận thức lẫn cảm xúc.

1.1.3.2. Đặc điểm tâm lý và nhận thức của học sinh lớp 4, 5 ảnh hưởng đến việc đọc hiểu văn bản thông tin

a) Đặc điểm tâm lý của học sinh lớp 4, 5 ảnh hưởng đọc hiểu văn bản thông tin

Đặc điểm tâm lý của HS lớp 4, 5 có tác động trực tiếp đến khả năng đọc hiểu VBTT. Ở tuổi này, các em thường tò mò, thích khám phá những điều mới lạ, và điều này thúc đẩy sự hứng thú khi tiếp cận các nội dung học tập. Tuy nhiên, do vẫn dễ bị phân tâm bởi môi trường xung quanh, khả năng tập trung của các em thường không kéo dài liên tục.[33] Điều này đòi hỏi các VBTT phải có nội dung ngắn gọn, súc tích và có cấu trúc rõ ràng để giữ sự chú ý. Ngoài ra, HS lớp 4, 5 cũng dễ bị ảnh hưởng bởi cảm xúc, chẳng hạn như sự tự tin hay lo lắng, điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận và hiểu đúng ý nghĩa của văn bản. Sự khích lệ tích cực từ GV và phụ huynh đóng vai trò quan trọng trong việc tạo tâm lý thoải mái, giúp các em tự tin hơn khi đối mặt với các nhiệm vụ đọc hiểu. Đây là cách kết nối bài học với thực tế, giúp HS vận dụng kiến thức vào cuộc sống hàng ngày, từ đó phát triển khả năng tư duy logic và giải quyết vấn đề.

b) Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 4, 5 ảnh hưởng đọc hiểu văn bản thông tin

Khả năng nhận thức đang phát triển của HS lớp 4, 5 cũng ảnh hưởng lớn đến cách các em đọc hiểu VBTT. Các em có thể tiếp thu nhanh các thông tin mới, nhưng khả năng chọn lọc, tổ chức và ghi nhớ các ý chính vẫn cần được hướng dẫn. Việc hiểu các khái niệm trừu tượng hoặc các văn bản có cấu trúc phức tạp thường gặp khó khăn, bởi lẽ khả năng tư duy trừu tượng của các em chỉ mới bắt đầu hình thành.[31] Do đó, VBTT cần được trình bày rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ đơn giản và kết hợp với các yếu tố trực quan như hình ảnh, bảng biểu hoặc sơ đồ để hỗ trợ việc tiếp cận và xử lý thông tin. Khi được trình bày phù hợp với khả năng nhận thức, các văn bản không chỉ giúp HS hiểu bài tốt hơn mà còn phát triển khả năng tư duy và xử lý thông tin một cách hiệu quả hơn.

Việc nắm bắt và vận dụng đúng đặc điểm tâm lý và nhận thức của HS sẽ không chỉ nâng cao hiệu quả giảng dạy mà còn giúp HS phát triển toàn diện về mặt tư duy và kỹ năng. Đây là nền tảng quan trọng để các em xây dựng sự tự tin, yêu thích học tập và chuẩn bị sẵn sàng cho những giai đoạn học tập tiếp theo trong cuộc đời.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Nội dung dạy học đọc hiểu văn bản thông tin lớp 4, 5

Trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018, VBTT có một vị trí quan trọng. Việc hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản này trong nhà trường để ứng dụng vào thực tiễn là một việc làm vô cùng cần thiết. Điều này được thể hiện qua việc tăng số lượng các VBTT trong chương trình lớp 4, 5.

Để có cái nhìn khái quát về nội dung dạy học VBTT trong Chương trình Tiếng Việt lớp 4, 5, chúng tôi lập bảng hệ thống các bài học đọc hiểu VBTT trong SGK Tiếng Việt 4, 5 (Bộ sách Kết nối Tri thức với Cuộc sống) tương ứng với các chủ đề liên quan như sau :

**Bảng 1.3. Bảng hệ thống các bài đọc VBTT lớp 4
(bộ sách KNTTVCS)**

STT	Tuần	Chủ đề	Nội dung	Nguồn
1	12	Niềm vui sáng tạo	Bài 21: Làm thơ con bằng giấy	SHS Tiếng Việt 4 Tập 1, trang 93-94
2	19	Sống để yêu thương	Bài 1: Hải Thượng Lãn Ông	SHS Tiếng Việt 4 Tập 2, trang 8 - 9
3	34	Vì một thế giới bình yên	Bài 25: Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô - Rông - Gô - Rô	SHS Tiếng Việt 4 Tập 2, trang 113-114
4	32		Bài 26: Ngôi nhà của yêu thương	SHS Tiếng Việt 4 Tập 2, trang 117
5	33		Bài 27: Băng tan	SHS Tiếng Việt 4 Tập 2, trang 120
6	34		Bài 29: Lễ hội ở Nhật Bản	SHS Tiếng Việt 4 Tập 2, trang 127-128

**Bảng 1.4. Hệ thống các bài học VBTT lớp 5
(bộ sách KNTTVCS)**

TT	Tuần	Chủ đề	Nội dung	Nguồn
1	6	Thiên nhiên kì thú	Bài 11: Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 56-57

2	6		Bài 12: Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 60
3	7		Bài 14: Những ngọn núi nóng rẫy	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 68-69
3	10	Trên con đường học tập	Bài 17: Thư gửi các HS	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 89
4	10		Bài 18: Tắm gương tự học	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 94-95
5	13		Bài 23: Giới thiệu sách Dế Mèn phiêu lưu kí	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 114
6	15	Nghệ thuật muôn màu	Bài 27: Tranh làng Hồ	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 132-133
7	16		Bài 29: Phim hoạt hình Chú ốc sên bay	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 140-141
8	16		Bài 30: Nghệ thuật múa ba lê	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 145-146
9	17		Bài 31: Một ngôi chùa độc đáo	SHS Tiếng Việt 5 Tập 1, trang 149-150
10	23	Hương sắc trăm miền	Bài 9: Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân	SHS Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 43-44
11	24		Bài 12: Vũ điệu trên nền thổ cẩm	SHS Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 57-58
12	28	Tiếp bước cha ông	Bài 17: Nghìn năm văn hiến	SHS Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 88-89
13	30		Bài 21: Anh hùng lao động Trần Đại Nghĩa	SHS Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 106
14	33	Thế giới của chúng ta	Bài 28: Giờ Trái Đất	SHS Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 135-136
15	34		Bài 29: Điện thoại di động	SHS Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 140-141
16	34		Bài 30: Thành phố thông minh Mát-xcơ	SHS Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 144-145

Bảng 1.5. Tỷ lệ của VBTT trong SGK lớp 4, 5

Lớp	Văn bản thông tin	Tổng số văn bản	Tỷ lệ (%)
Lớp 4	8	62	13
Lớp 5	16	62	26

Một trong những điểm mới cơ bản của SGK Tiếng Việt 4, 5 là xây dựng được ngữ liệu đảm bảo cân đối, hài hoà giữa văn bản văn học và VBTT, chú trọng tăng tỉ lệ VBTT và giảm tỉ lệ văn bản văn học so với bộ SGK trước đó. Cụ thể, có 8 VBTT được đưa vào sử dụng trong SGK lớp 4, trong đó 6 VBTT là ngữ liệu của giờ dạy Đọc; có 16 VBTT là ngữ liệu của giờ dạy Đọc lớp 5.

Về hình thức, VBTT trong Sách giáo khoa lớp 4, 5 (theo bộ sách Kết nối Tri thức với Cuộc sống) có sự đa dạng và phong phú, ví dụ như: dưới dạng đồ họa, hình vẽ, biểu tượng, kí hiệu, hình ảnh... nhằm tăng cường tính thực tế, tăng khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng vào đời sống, tạo hứng thú học tập cho HS và phù hợp với trình độ, khuynh hướng của các em. Việc bổ sung thể loại và đa dạng hóa nguồn văn bản để việc dạy học đọc hiểu trong nhà trường phổ thông đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và xu hướng quốc tế.

Về nội dung, các VBTT này có sự thống nhất về nội dung dựa trên yêu cầu cần đạt của CTGDPT môn Ngữ văn. Chúng gần gũi với đời sống và tâm lí lứa tuổi học sinh tiểu học. Các chủ đề thuộc các lĩnh vực từ khoa học, tự nhiên đến văn hóa - xã hội, mang tính giáo dục cao. Những văn bản này là những ngữ liệu phù hợp yêu cầu dạy học phát triển năng lực học sinh được quy định trong chương trình. Trong CTGDPT môn Ngữ văn đã quy định nội dung của VBTT đối với khối 4, 5 đạt được các yêu cầu liên quan đến các bước thực hiện công việc hoặc cách làm, cách sử dụng một sản phẩm, viết giấy mời viết thư hỏi thăm, thư cảm ơn, thư xin lỗi, đơn (xin nghỉ học, xin nhập học), báo cáo công việc

Như vậy, số lượng, nội dung, hình thức của các VBTT trong SGK đã có những sự thay đổi nhưng GV phải hiểu điều cốt lõi ở việc dạy và học đọc hiểu VBTT ở các khối lớp khác nhau đều hướng đến việc HS ứng dụng được kiến thức nhà trường ra ngoài thực tiễn, truyền tải, duy trì được những nét đẹp của dân tộc. Trong Chương trình GDPT mới việc dạy học đọc hiểu VBTT được hướng dẫn rất cụ thể. Về cơ bản, chúng ta đọc loại văn bản này để chuyển hóa các thông tin, kiến thức trong văn bản thành tri thức của mình

với mục đích sử dụng trong học tập và đời sống hoặc làm tư liệu cho mai sau. Chỉ nguyên mục đích đó đã làm cho việc đọc hiểu VBTT trở nên khác với đọc hiểu văn bản văn học.

1.2.2. Khảo sát năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh lớp 4, 5 ở một số trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

1.2.2.1. Mục đích khảo sát

- Đánh giá thực trạng dạy học và thực tế rèn luyện năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 tại các trường Tiểu học.

- Đề xuất một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5.

1.2.2.2. Đối tượng và phạm vi khảo sát

a, Giáo viên

Để tìm hiểu thực trạng sử dụng các biện pháp nhằm nâng cao năng lực viết văn miêu tả cho HS lớp 4, 5, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu với 51 GV dạy lớp 4, 5 tại 6 trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể là:

- Thành phố Hoa Lư:
 - + Trường Tiểu học Ninh Vân (5 GV)
 - + Trường Tiểu học Ninh Hải (10 GV)
 - + Trường Tiểu học Ninh Thắng (7 GV)
 - + Trường Tiểu học Ninh Mỹ (5 GV)
 - + Trường Tiểu học Ninh An (8 GV)
- Huyện Yên Mô:
 - + Trường Tiểu học Yên Thắng (8 GV)
 - + Trường Tiểu học Yên Phong (8 GV)

b, Học sinh

Chúng tôi tiến hành tìm hiểu qua phiếu khảo sát đối với 242 HS khối 4, 5 của 6 trường Tiểu học thuộc địa bàn tỉnh Ninh Bình, cụ thể là:

- Thành phố Hoa Lư:
 - + Trường Tiểu học Ninh Vân (30 HS)
 - + Trường Tiểu học Ninh Hải (52 HS)
 - + Trường Tiểu học Ninh Thắng (45 HS)
 - + Trường Tiểu học Ninh Mỹ (25 HS)

- + Trường Tiểu học Ninh An (38 HS)
- Huyện Yên Mô:
- + Trường Tiểu học Yên Thắng (30 HS)
- + Trường Tiểu học Yên Phong (22 HS)

1.2.1.3. Nội dung khảo sát

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi tiến hành khảo sát và điều tra các GV và HS một số vấn đề cơ bản sau:

a) Về phía giáo viên

- Nhận thức, đánh giá của GV đối với việc đọc hiểu VBTT
- Xác định được ý nghĩa, những kĩ năng cần thiết để phát triển, những kĩ năng chưa hiệu quả.
- Trình tự hướng dẫn đọc hiểu, tìm ý.
- Những khó khăn khi dạy học đọc hiểu VBTT cho HS.
- Các phương pháp dạy học đọc hiểu GV đang sử dụng trên lớp

b) Về phía học sinh

- Nhận thức của HS về VBTT
- Tỷ lệ HS thích giờ đọc hiểu VBTT và các kiểu văn bản khác
- Những kĩ năng HS được rèn, chưa được quan tâm qua giờ đọc hiểu VBTT
- Những khó khăn của HS trong giờ đọc hiểu VBTT
- Bài kiểm tra đánh giá năng lực đọc hiểu VBTT

1.2.1.4. Các phương pháp khảo sát

Những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình khảo sát:

- Phương pháp khảo sát bằng phiếu khảo sát: Chúng tôi đã xây dựng Phiếu khảo sát với các câu hỏi trắc nghiệm có sẵn các phương án lựa chọn và các câu hỏi mở cho GV và HS. Đối với HS, phiếu khảo sát có thêm phần kiểm tra đọc hiểu VBTT, HS khối 4, 5 có bài kiểm tra khác nhau để kiểm tra năng lực đọc hiểu VBTT của HS.

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: GV và HS chia sẻ thêm một số thông tin xoay quanh nội dung được khảo sát.

- Phương pháp thống kê toán học: Chúng tôi đã thu thập, xử lý và phân tích các số liệu khảo sát.

Việc khảo sát cụ thể được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: Xác định rõ mục đích khảo sát và đối tượng khảo sát để xây dựng

câu hỏi phù hợp.

Bước 2: Xây dựng phiếu khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng dạy học đọc hiểu VBTT của GV và HS lớp 4, 5 của một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Đối với phiếu khảo sát của HS ngoài những phần thông tin cung cấp, phiếu khảo sát được thiết kế gồm hai phần chính, đó là phần tìm hiểu hoạt động viết nói chung và phần kiểm tra viết đánh giá năng lực đọc hiểu VBTT của HS.

Bước 3: Tiến hành trao đổi và gửi phiếu khảo sát cho GV và HS lớp 4, 5 của một số trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Bước 4: Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện nội dung khảo sát.

- Rà soát, kiểm tra nội dung và trình tự của các hoạt động, thời gian thực hiện cho từng hoạt động, xem xét tính hợp lý, khả năng thực hiện và kết quả đạt được.

- Nếu phát hiện những sai sót và bất hợp lý ở bước nào, nội dung nào thì kịp thời điều chỉnh.

- Từ kết quả khảo sát tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng.

Bước 5: Lưu trữ kết quả khảo sát.

1.2.3. Phân tích kết quả và đánh giá thực trạng

1.2.3.1. Về phía giáo viên

Để tìm hiểu thực trạng phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu cũng như phỏng vấn trực tiếp GV dạy lớp 4, 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Qua đó, bước đầu chúng tôi đưa ra được một số kết quả như sau:

a. Nhận thức, đánh giá của giáo viên đối với việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5

Qua khảo sát bằng phiếu, 100% GV đánh giá *Rất cần thiết* và *Cần thiết* để phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5. Lí do GV đánh giá như trên là: VBTT là một dạng văn bản phổ biến trong thời đại công nghệ phát triển như hiện nay. HS cần có những kĩ năng cơ bản để hiểu được nội dung của VBTT, biết chọn lọc, tiếp thu các thông tin đúng, khoa học, phù hợp với lứa tuổi.

Điều này cho thấy GV đã nhận thức rõ về tầm quan trọng của kỹ năng đọc hiểu VBTT. Đọc hiểu VBTT không chỉ đơn thuần là một kỹ năng ngôn ngữ cơ bản, mà còn là một trong bốn kỹ năng nền tảng của tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) có vai trò thiết yếu trong việc hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ

toàn diện cho HS. Đặc biệt, trong bối cảnh chương trình GDPT mới nhấn mạnh đến việc phát triển phẩm chất và năng lực của người học, kỹ năng đọc hiểu VBTT càng trở nên cần thiết, giúp HS tiếp nhận, xử lý, đánh giá và vận dụng thông tin một cách hiệu quả trong học tập cũng như trong đời sống thực tiễn.

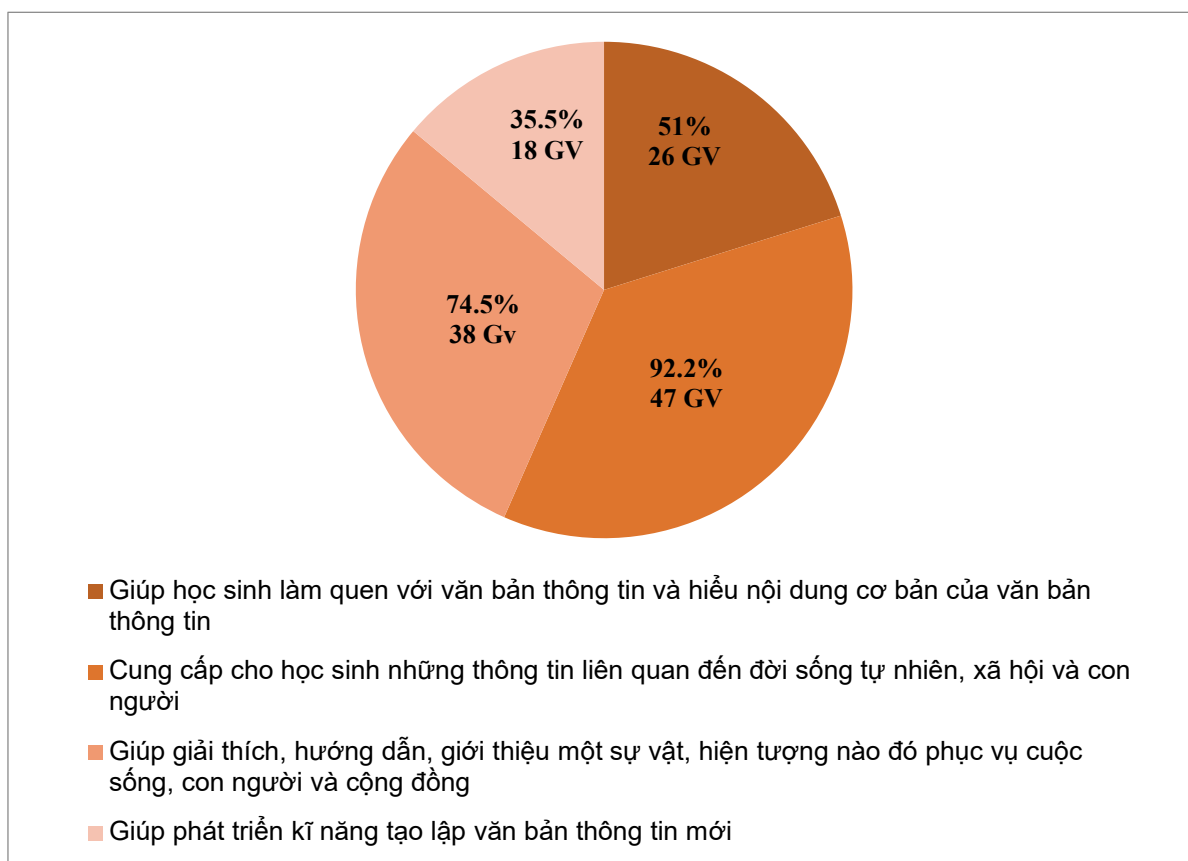
Khi được đề nghị đánh giá năng lực đọc hiểu VBTT của HS lớp 4, 5 hiện nay, GV đánh giá HS ở cả 4 mức, cụ thể như sau: Giỏi (3.5%), Khá (50.2%) Trung bình (43.5%), Yếu (2.8%). Như vậy, đa số GV nhận thấy năng lực đọc hiểu VBTT của HS đang ở mức Khá và Trung bình. Bên cạnh đó, chúng tôi còn phỏng vấn trực tiếp GV và thu được một số nhận xét như sau : Hoạt động đọc hiểu VBTT đối với HS là một quá trình rèn luyện, nhiều HS chưa biết cách nắm bắt thông tin từ các yếu tố hình thức, từ đặc điểm, đặc trưng của VBTT. Khi đọc hiểu VBTT trong SGK, nhiều HS vẫn còn phụ thuộc vào sách giải, các trang giải bài tập trên mạng, chưa có ý thức muốn đọc hiểu VBTT...

Với kết quả khảo sát thu được, chúng tôi nhận thấy GV đánh giá HS chưa có sự hứng thú khi đọc hiểu VBTT, cụ thể: GV đánh giá HS *rất hứng thú* (2%), *hứng thú* (52.9%), *bình thường* (45,1%). Khi phỏng vấn trực tiếp, GV đã trả lời về sự hứng thú của HS khi có tiết học đọc hiểu VBTT rằng: Rất ít HS có hứng thú đối với dạng văn bản này, vì các em chưa biết cách nắm bắt thông tin trong bài. HS không hiểu rõ mình đang học về vấn đề gì, gây ra sự nhàm chán, không muốn chú ý vào bài học. GV chưa tìm được phương pháp phù hợp để thu hút HS vào bài dạy,...

Từ kết quả khảo sát ban đầu, GV nhận thức được tầm quan trọng của việc rèn luyện năng lực đọc hiểu VBTT cho HS. Việc này cần được thực hiện thông qua nhiều hình thức và phương pháp giảng dạy phong phú. Đồng thời, trong quá trình giảng dạy, GV tiến hành đánh giá năng lực đọc hiểu của HS và nhận thấy phần lớn HS đạt mức trung bình đến khá. Vì vậy, việc rèn luyện các kỹ năng nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS là một nhiệm vụ quan trọng, cần được ưu tiên trong quá trình dạy học

Trong PKS, chúng tôi khảo sát sự đánh giá của GV về ý nghĩa của việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 hiện nay và nhận được kết quả như sau:

Biểu đồ 1.1. Biểu đồ đánh giá của GV về ý nghĩa của việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5



GV cho rằng ý nghĩa của việc đọc hiểu VBTT là “*cung cấp cho HS những thông tin liên quan đến đời sống tự nhiên, xã hội và con người*” và “*giúp giải thích, hướng dẫn, giới thiệu một sự vật, hiện tượng nào đó phục vụ cuộc sống, con người và cộng đồng*”. Có thể nhận thấy GV đã nắm bắt được những ý nghĩa quan trọng nhất của dạng văn bản này. Bên cạnh đó, GV cũng nắm bắt thêm được các ý nghĩa khác của VBTT như: giúp phát triển kĩ năng tạo lập VBTT mới. Từ việc đánh giá chính xác và đầy đủ ý nghĩa của việc đọc hiểu VBTT, GV có thể biết cách đặt câu hỏi, khai thác nội dung phù hợp với HS của mình.

Để có những kết luận chắc chắn về thực trạng đọc hiểu VBTT ở lớp 4, 5, chúng tôi đặt ra 2 câu hỏi 5, 6 nhằm tìm hiểu sự đánh giá của GV về những kĩ năng cần phát triển trong dạy học đọc hiểu VBTT và những kĩ năng là HS chưa đạt được, cụ thể:

Đối với câu hỏi số 5 “**Theo thầy (cô), những kĩ năng nào cần phát triển trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?**”, kết quả khảo sát thu được như sau:

Bảng 1.6. Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ GV đánh giá các kĩ năng cần được phát triển trong dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của các yếu tố hình thức như: tiêu đề, hình ảnh, nhãn hiệu, chú thích, đồ thị, bảng biểu, thông cáo, áp phích, sơ đồ...	48/51 GV	94,1
2	Kĩ năng nhận diện thông tin chính trong văn bản	38/51 GV	74,5
3	Kĩ năng nhận diện được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó	34/51 GV	66,7
4	Kĩ năng nhận diện bố cục của văn bản	28/51 GV	54,9
5	Kĩ năng nhận diện cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc tầm quan trọng	43/51 GV	84,3
6	Kĩ năng nhận diện các quan điểm, các lí do, lập luận và các bằng chứng từ các văn bản – nhất là đối với những văn bản giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội	30/51 GV	58,8
7	Kĩ năng xác định đề tài, các chủ đề lớn, chủ đề nhỏ, những phần quan trọng và các ý, dữ liệu liên quan trong văn bản đọc	31/51 GV	64,8
8	Kĩ năng tóm tắt VBTT	41/51 GV	86,3
9	Kĩ năng liên hệ bài học từ thực tế cuộc sống	37/51 GV	72,5
10	Kĩ năng tạo lập những VBTT mới liên quan đến những vấn đề thiết thực trong cuộc sống	27/51 GV	54,9

Đối với câu hỏi số 6 “**Theo thầy (cô), những kĩ năng nào dưới đây còn chưa đạt hiệu quả trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?**”, kết quả khảo sát thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 1.7. Bảng thống kê số lượng và tỉ lệ GV đánh giá các kĩ năng chưa đạt hiệu quả trong dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5

STT	Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của các yếu tố hình thức như: tiêu đề, hình ảnh, nhãn hiệu, chú thích, đồ thị, bảng biểu, thông cáo, áp phích, sơ đồ...	30/51 GV	58,8
2	Kĩ năng nhận diện thông tin chính trong văn bản	30/51 GV	58,8
3	Kĩ năng nhận diện được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó	27/51 GV	52,9
4	Kĩ năng nhận diện bố cục của văn bản	15/51 GV	29,4
5	Kĩ năng nhận diện cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc tầm quan trọng	45/51 GV	88,2
6	Kĩ năng nhận diện các quan điểm, các lí do, lập luận và các bằng chứng từ các văn bản – nhất là đối với những văn bản giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội	25/51 GV	49,0
7	Kĩ năng xác định đề tài, các chủ đề lớn, chủ đề nhỏ, những phần quan trọng và các ý, dữ liệu liên quan trong văn bản đọc	30/51 GV	58,8
8	Kĩ năng tóm tắt VBTT	40/51 GV	78,4
9	Kĩ năng liên hệ bài học từ thực tế cuộc sống	42/51 GV	82,4
10	Kĩ năng tạo lập những VBTT mới liên quan đến những vấn đề thiết thực trong cuộc sống	40/51 GV	78,4

Qua bảng 1.6, 1.7, chúng tôi nhận thấy những kĩ năng mà GV cho rằng HS cần được phát triển trong dạy học đọc hiểu VBTT là: Kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của các yếu tố hình thức như: tiêu đề, hình ảnh, nhãn hiệu, chú thích, đồ thị, bảng biểu, thông cáo, áp phích, sơ đồ... (94,1%),

Kĩ năng nhận diện thông tin chính trong văn bản (74,5%), Kĩ năng nhận diện cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc tầm quan trọng (84,3%), Kĩ năng tóm tắt VBTT (86,3%). Những kĩ năng còn lại cũng được GV đánh giá là cần thiết cho phát triển của HS. Tuy nhiên, khi được yêu cầu đánh giá những kĩ năng mà HS chưa đạt hiệu quả trong đọc hiểu VBTT thì GV cho rằng HS chưa đạt hiệu quả ở hầu hết các kĩ năng, cụ thể là các kĩ năng sau: Kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của các yếu tố hình thức như: tiêu đề, hình ảnh, nhãn hiệu, chú thích, đồ thị, bảng biểu, thông cáo, áp phích, sơ đồ,...(58,8%), Kĩ năng nhận diện thông tin chính trong văn bản (58,8%), Kĩ năng nhận diện được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó (52,9%), Kĩ năng nhận diện cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc tầm quan trọng (88,2%), Kĩ năng tóm tắt VBTT(78,4%), Kĩ năng liên hệ bài học từ thực tế cuộc sống (82,4%) Kĩ năng tạo lập những VBTT mới liên quan đến những vấn đề thiết thực trong cuộc sống(78,4%).

b. Thực trạng dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5

Khi khảo sát về trình tự hướng dẫn HS các bước đọc hiểu VBTT chúng tôi sử dụng câu hỏi : **“Thầy (Cô) hướng dẫn HS đọc hiểu VBTT theo trình tự nào?”** . Kết quả thu được như sau: 77.5% GV đã xác định đúng quy trình của 1 tiết dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5. Đó là:

- (1) Yêu cầu HS đọc lướt văn bản để nắm được ý chính
- (2) Hướng dẫn HS tìm kiếm các thông tin về ý chính trong văn bản
- (3) Đánh dấu từ, cụm từ, vạch ra các ghi chú về ý chính của văn bản
- (4) Yêu cầu HS tìm ra những câu có ý nghĩa then chốt trong văn bản
- (5) Khuyến khích HS tóm tắt lại văn bản
- (6) Yêu cầu HS đọc lại văn bản là đưa ra những suy nghĩ, ý kiến của mình.

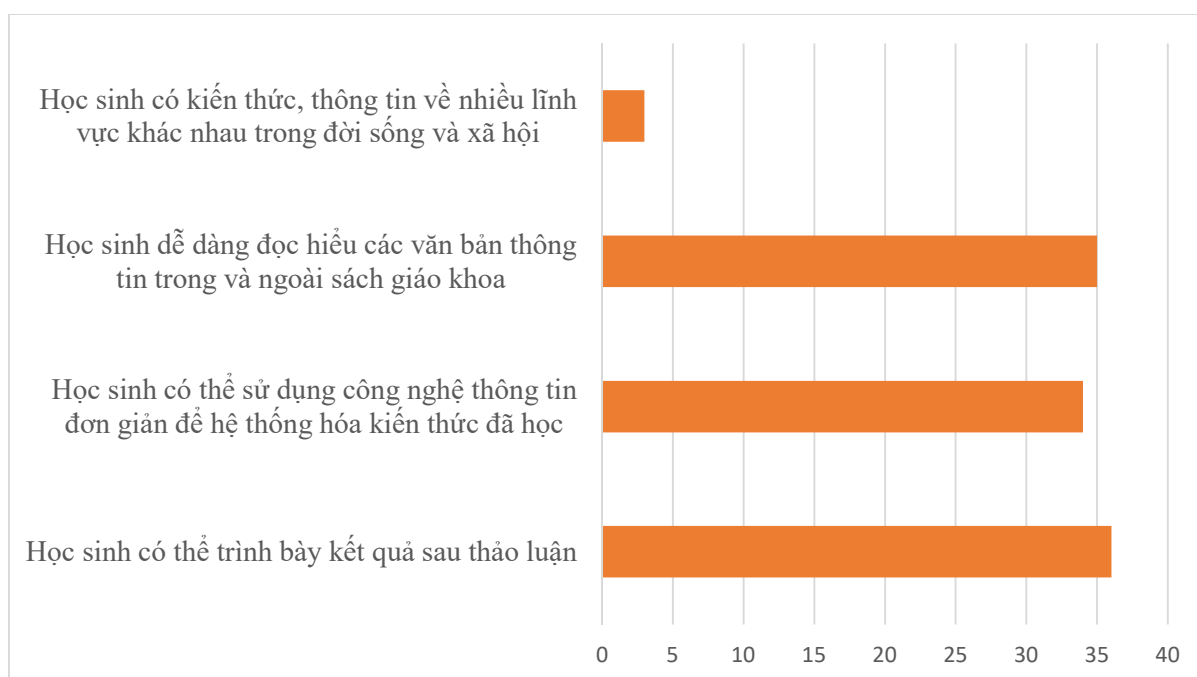
Quy trình này không chỉ giúp HS nắm bắt nội dung văn bản một cách hệ thống mà còn góp phần quan trọng trong việc hình thành và phát triển các năng lực ngôn ngữ và tư duy cần thiết cho HS tiểu học. Bên cạnh đó, 22.5% GV đã hướng dẫn HS đọc hiểu VBTT theo quy trình khác hoặc thiếu một số bước.

Để tìm hiểu về cách GV hướng dẫn HS tìm ý, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi khảo sát như sau: **“Thầy (Cô) thường hướng dẫn HS tìm ý chính trong**

VBTT như thế nào?”_Câu 8_Phiếu khảo sát. Kết quả cho thấy: 80% GV hướng dẫn HS tìm ý theo 1 cách, đa số là hướng dẫn HS tìm ý dựa vào câu mở đầu hoặc câu kết thúc trong văn bản; 45% GV hướng dẫn tìm ý theo 2 cách trở lên, trong số đó có 15% GV sử dụng cả 3 cách để hướng dẫn HS tìm ý. (Các cách đề xuất trong câu hỏi là: (1). Dựa vào yếu tố hình thức như tựa đề, tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu; (2). Dựa vào câu mở đầu hoặc câu kết thúc của văn bản; (3). Dựa vào các từ in đậm, từ khoá trong văn bản; (4). Cách khác). Mặc dù GV đã có những cách khác nhau để hướng dẫn HS tìm ý chính trong VBTT nhưng đa số là dựa vào câu mở đầu hoặc câu kết thúc. Bên cạnh đó, GV đã biết cách kết hợp các cách để hướng dẫn HS tìm ý cho VBTT. Đây là một trong những yếu tố quan trọng không thể bỏ qua vì kĩ năng này giúp HS hiểu được nội dung chính của VBTT. HS có thể giúp HS hiểu đúng và hiểu nhanh nội dung của VBTT, phát triển kỹ năng đọc có chiến lược, tăng khả năng tóm tắt và ghi nhớ thông tin, rèn luyện tư duy phân tích và khái quát hóa,...

Trong quá trình dạy học đọc hiểu VBTT, GV cũng gặp những thuận lợi và khó khăn nhất định. Dưới đây là biểu đồ thể hiện những thuận lợi trong việc dạy học đọc hiểu VBTT:

Biểu đồ 1.2. Biểu đồ thể hiện những thuận lợi trong việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4,5



Sau khi thu thập kết quả, chúng tôi đánh giá một số GV đã có thuận lợi trong việc dạy học đọc hiểu VBTT. Cụ thể, một số HS có kiến thức, thông tin

một số lĩnh vực trong đời sống, số ít HS có thể dễ dàng đọc hiểu các VBTT trong và ngoài sách giáo khoa, có thể trình bày kết quả sau thảo luận. Những thuận lợi này là cơ sở để GV tiếp tục điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực toàn diện cho HS. Đồng thời, đây cũng là căn cứ để các nhà trường đề xuất và triển khai những biện pháp hỗ trợ chuyên môn như tổ chức tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng, và tăng cường hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng mềm và năng lực số cho HS tiểu học trong thời kỳ công nghệ đang phát triển như hiện nay.

Bên cạnh những thuận lợi thì GV cũng gặp không ít khó khăn, cụ thể như sau:

Bảng 1.8. Bảng thống kê những khó khăn trong dạy đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5

Khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ (%)
HS không hứng thú với VBTT vì cho rằng nội dung không quan trọng	15	29,4
HS nhầm lẫn giữa cách đọc hiểu văn bản văn học và VBTT	35	68,6
HS gặp khó khăn trong việc tìm ý chính của VBTT	43	84,3
GV gặp khó khăn trong việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp	27	52,9

Khi trả lời về những khó khăn trong việc đọc hiểu VBTT, kết quả cho thấy một số vấn đề đáng chú ý, phản ánh những thách thức trong quá trình giảng dạy và tiếp cận phương pháp dạy học mới.

Cụ thể, Có 15 GV (**29,4%**) cho biết HS thiếu hứng thú với VBTT vì nhận định rằng nội dung của loại văn bản này không quan trọng. Thực tế, nhiều VBTT trong sách giáo khoa hoặc tài liệu dạy học có thể mang tính chất khô khan, thiếu sự kết nối với thực tiễn cuộc sống của HS. Điều này khiến các em khó nhận thấy giá trị và ý nghĩa của việc học VBTT, từ đó thiếu động lực trong quá trình học tập. Đây là vấn đề cần được quan tâm trong việc lựa chọn nội dung dạy học cũng như đổi mới cách tiếp cận văn bản..

Ngoài ra, có 35 GV (**68,6%**) cho biết HS còn nhầm lẫn giữa cách tiếp cận VBTVH và VBTT. Đây là một con số đáng báo động, cho thấy việc phân biệt hai thể loại văn bản vẫn chưa được thực hiện rõ ràng và hiệu quả trong dạy học. Mỗi loại văn bản có đặc trưng riêng: nếu VBTVH tập trung vào cảm xúc, nghệ

thuật ngôn từ thì VBTT yêu cầu tư duy logic, khả năng phân tích thông tin và nhận diện cấu trúc. Sự nhầm lẫn này có thể dẫn đến việc HS áp dụng sai kỹ năng đọc, ảnh hưởng đến kết quả học tập và khả năng tiếp thu kiến thức.

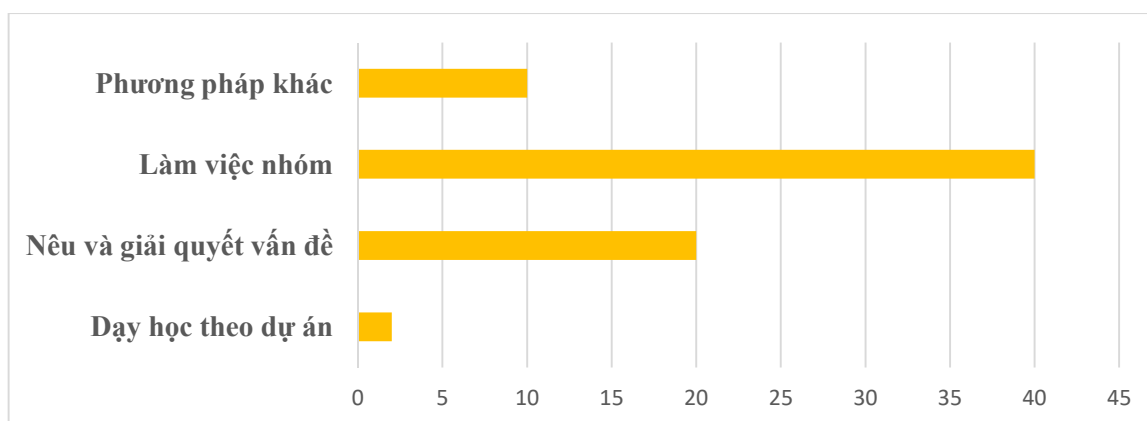
Một trong những khó khăn lớn nhất mà GV gặp phải là 43 GV (**84,3%**) phản ánh HS gặp khó khăn trong việc xác định ý chính của VBTT. Điều này cho thấy hạn chế rõ rệt về kỹ năng đọc hiểu thông tin – một trong những kỹ năng nền tảng trong chương trình học. Việc tìm ra ý chính đòi hỏi HS phải biết lọc thông tin, nhận diện cấu trúc đoạn văn và tổng hợp nội dung một cách có hệ thống. Tuy nhiên, nếu không được hướng dẫn cụ thể và thường xuyên luyện tập, HS dễ bị lúng túng trước những văn bản dài, nhiều chi tiết hoặc có cách trình bày phức tạp.

Cuối cùng, có 27 GV (**52,9%**) cho biết họ gặp khó khăn trong việc lựa chọn và vận dụng phương pháp dạy học phù hợp khi giảng dạy VBTT. Thực tế cho thấy, không phải phương pháp nào cũng có thể áp dụng hiệu quả cho mọi đối tượng HS hoặc mọi loại văn bản. GV cần linh hoạt lựa chọn phương pháp phù hợp với đặc điểm nội dung, năng lực HS, đồng thời tạo ra các hoạt động học tập mang tính khám phá, phân tích và ứng dụng thực tiễn. Việc này đòi hỏi sự đầu tư về thời gian, năng lực chuyên môn và cả sự sáng tạo trong quá trình thiết kế bài học.

Những khó khăn này là cơ sở để để chúng tôi đưa ra một biện pháp đề xuất phương pháp dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5. Từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và giúp HS đạt được kết quả tốt hơn trong việc đọc hiểu VBTT.

Để tìm hiểu về những phương pháp mà GV sử dụng trong quá trình dạy học, chúng tôi đã đưa ra câu hỏi: **“Thầy (Cô) thường sử dụng những phương pháp dạy học nào trong dạy đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?”**_Câu 11_Phiếu khảo sát, chúng tôi thu được kết quả như sau :

Biểu đồ 1.3. Biểu đồ những phương pháp dạy học thường dùng khi dạy học đọc hiểu VBTT



Khi điều tra về phương pháp dạy học đọc hiểu VBTT, hầu hết các GV bước đầu vận dụng đa dạng các hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực người học. Trong đó, phương pháp được lựa chọn nhiều nhất là *Làm việc nhóm* với 40 GV (**78,4 %**). Điều này cho thấy GV đã nhận thức rõ vai trò của hoạt động hợp tác trong quá trình học tập, đặc biệt là trong việc giúp HS cùng nhau phân tích, trao đổi ý kiến và rút ra kết luận từ VBTT. Đây là phương pháp được đánh giá cao trong việc thúc đẩy sự tham gia chủ động của HS, đồng thời phát triển các kỹ năng mềm cần thiết cho học tập và làm việc sau này.

Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề cũng được nhiều GV sử dụng trong dạy học, cụ thể có 20 GV (**39,2%**). Kết quả này phản ánh sự quan tâm nhất định đến việc rèn luyện tư duy phản biện, khả năng phân tích và giải quyết tình huống – những năng lực then chốt trong giáo dục định hướng phát triển năng lực người học. Đây là phương pháp giúp HS tiếp cận VBTT một cách chủ động, thông qua việc đặt câu hỏi, tìm hiểu nội dung, và tự đưa ra giải pháp hoặc nhận định dựa trên thông tin đã đọc.

Tuy nhiên, chỉ có 2 GV (**3,9%**) dạy học đọc hiểu VBTT theo phương pháp *dạy học theo dự án* – một phương pháp dạy học hiện đại, định hướng phát triển năng lực toàn diện cho HS. Chúng tôi nhận thấy những GV áp dụng phương pháp này là những GV có nhiều năm kinh nghiệm, có khả năng quản lý, tổ chức hoạt động cho HS phù hợp với tiết học. Điều này cho thấy phương pháp này vẫn chưa được sử dụng phổ biến trong dạy học đọc hiểu VBTT ở cấp tiểu học. Nguyên nhân có thể đến từ việc GV còn gặp khó khăn trong việc thiết kế, tổ chức và đánh giá hoạt động học tập theo dự án phù hợp với độ tuổi HS lớp 4, 5. Bên cạnh đó, hạn chế về thời gian, tâm lý của GV, cơ sở vật chất và điều kiện thực tiễn tại nhà trường cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng triển khai phương pháp này.

Ngoài ra, 10 GV (**19,6%**) đã sử dụng các phương pháp khác, các PPDH truyền thống như : PPDH trò chơi học tập, Phương pháp thuyết trình,... Chúng tôi nhận thấy đây là những phương pháp có lợi thế rõ ràng, khả năng áp dụng cao, GV đã quen sử dụng các phương pháp truyền thống, phù hợp với thời gian học tập, điều kiện thực tế của trường học.

Với thực trạng trên, GV các trường đã đề xuất một số biện pháp để phát

triển kĩ năng đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 như sau: (1). Lựa chọn, sử dụng PPDH và hình thức tổ chức linh hoạt để thu hút HS vào bài học; (2). Ứng dụng CNTT có hiệu quả trong quá trình giảng dạy; (3). Đưa ra câu hỏi gợi ý phù hợp, sử dụng tranh minh họa để HS dễ khai thác và tìm hiểu nội dung văn bản. Đây cũng là những đề xuất được chúng tôi tham khảo, nhằm phát triển thành các biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả trong dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5 nói riêng và dạy học môn Tiếng Việt nói chung.

Như vậy, qua việc khảo sát về thực trạng dạy học đọc hiểu VBTT và việc sử dụng các phương pháp dạy học nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT của GV tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cho thấy đa số GV nhận thức rõ sự cần thiết của việc rèn luyện năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5, GV đã áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng hợp tác của HS trong quá trình học đọc hiểu VBTT.

GV đã có những hiểu biết về ý nghĩa một số biện pháp phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả giờ dạy đọc hiểu VBTT. Trong quá trình giảng dạy và kiểm tra đánh giá, GV đã phân tích được những ưu thế và hạn chế của HS trong giờ dạy đọc hiểu VBTT. Từ đó, GV đã sử dụng một số biện pháp trong dạy học nhưng kết quả chưa được cao, GV vẫn còn khó khăn trong việc giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT. Qua đó, nhiều GV có mong muốn sẽ có những tài liệu tổng hợp các biện pháp chi tiết, hướng dẫn nhằm nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS, giúp quá trình dạy và học đọc hiểu VBTT của cô trò trở nên nhẹ nhàng và đạt hiệu quả cao hơn.

1.2.3.2. Về phía học sinh

95% HS tham gia khảo sát đều trả lời đầy đủ các câu hỏi. Kết quả cụ thể như sau:

a) Nhận thức của HS về VBTT

Kết quả khảo sát cho thấy đa số HS vẫn chưa có nhận thức đầy đủ và chính xác về khái niệm VBTT. Nguyên nhân chủ yếu bắt nguồn từ việc chương trình dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học hiện nay chưa cung cấp một cách hệ thống các kiến thức lý thuyết về loại văn bản này.

Trong thực tế dạy học, HS thường tiếp cận VBTT thông qua các bài đọc hiểu cụ thể mà không được hướng dẫn nhận diện đặc điểm thể loại, mục đích giao tiếp hay cấu trúc nội dung đặc trưng của văn bản. Do đó, khi được hỏi “Em

hiểu thế nào là VBTT?”, HS đưa ra nhiều câu trả lời không đồng nhất. Một số em cho rằng: *“VBTT là những câu chuyện, bài văn, bài thơ để tìm hiểu về những thông tin”*, cho thấy các em đang nhầm lẫn giữa VBTT và VBVH, đặc biệt trong việc phân biệt yếu tố hư cấu và phi hư cấu. Trong khi đó, một số HS khác có câu trả lời tương đối chính xác như: *“VBTT được viết nhằm mục đích truyền đạt thông tin cụ thể và chính xác về một vấn đề”*, tuy nhiên, số lượng HS có nhận thức đúng đắn như vậy còn rất hạn chế.

Ngoài việc hiểu sai hoặc chưa rõ ràng về khái niệm, nhiều HS cũng chưa có khả năng phân biệt rõ ràng giữa VBTT và VBVH. Việc không xác định được sự khác biệt về mục đích sử dụng ngôn ngữ, hình thức trình bày, cũng như đặc trưng nội dung của hai loại văn bản này cho thấy năng lực đọc hiểu thể loại của HS còn nhiều hạn chế. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận thông tin chính xác và đầy đủ trong học tập, đặc biệt là trong các môn học đòi hỏi năng lực đọc hiểu văn bản phi hư cấu.

Từ thực trạng trên, có thể khẳng định rằng việc dạy học về VBTT cần được quan tâm đúng mức trong chương trình Tiếng Việt. GV cần có định hướng cụ thể, giúp HS nhận diện và phân tích đặc điểm của VBTT một cách rõ ràng và có hệ thống, từ đó góp phần phát triển năng lực đọc hiểu, tư duy phân loại văn bản và khả năng tiếp cận tri thức trong học tập

Với yêu cầu viết tên một VBTT em đang đọc, đã học các phiếu trả lời đều viết tên các VBTT rất cụ thể, như: Hải Thượng Lãn Ông, Ông bụt đã đến, Chuyện bắt sống tướng Đờ Ca – xơ – ri, Đoàn kết dân tộc phòng trào Cần Vương,...Các văn bản được HS nêu ra cho thấy các em không chỉ tiếp cận được với nhiều thể loại VBTT khác nhau mà còn có khả năng ghi nhớ và xác định đúng tên văn bản – một biểu hiện tích cực trong năng lực đọc hiểu và sự quan tâm của HS đối với loại văn bản này.

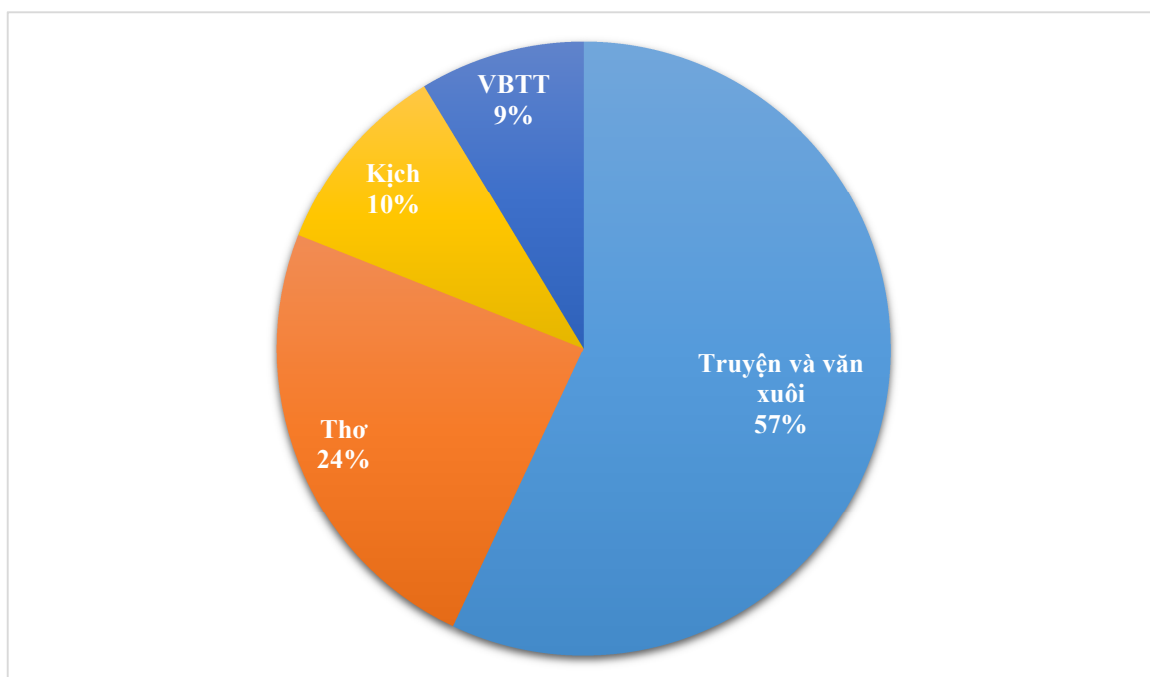
Đặc biệt, thống kê cho thấy tỉ lệ HS lớp 5 viết được rõ tên VBTT đạt 99,3%, cao hơn so với HS lớp 4 là 89,5%. Mặc dù có sự chênh lệch nhẹ giữa hai khối lớp, nhìn chung, kết quả này phản ánh rằng HS tiểu học, đặc biệt từ lớp 4 trở lên, đã có mức độ nhận biết nhất định về VBTT. Việc đa số HS có thể nhớ và ghi lại đúng tên các VBTT từng học cho thấy các em không chỉ tiếp nhận nội dung một cách đơn thuần mà còn có sự gắn kết nhất định với văn bản, đồng thời thể hiện sự hứng thú và ham đọc đối với loại văn bản này. Đây là một tín hiệu

đáng khích lệ, góp phần khẳng định rằng nếu được tiếp cận đúng cách, HS hoàn toàn có khả năng tiếp nhận và phát triển năng lực đọc hiểu VBTT – một kỹ năng thiết yếu trong học tập và đời sống.

b) Tỷ lệ HS thích giờ đọc hiểu VBTT và văn bản khác

Để tìm hiểu trong các giờ học đọc hiểu văn bản, HS thích thể loại văn bản nào nhất, chúng tôi đã đưa ra những gợi ý trong phiếu của HS : truyện, thơ, kịch, văn xuôi, VBTT. Chúng tôi thu được kết quả như sau :

Biểu đồ 1.4. Biểu đồ tỉ lệ HS yêu thích đối với các giờ đọc hiểu



Kết quả khảo sát về thể loại văn bản mà HS yêu thích cho thấy phần lớn HS vẫn có xu hướng ưu tiên các thể loại mang tính nghệ thuật và giàu cảm xúc hơn là VBTT. Cụ thể, truyện và văn xuôi được lựa chọn nhiều nhất với tỷ lệ 57%, tiếp theo là thơ (31,8%) và kịch (10,3%). VBTT – đối tượng nghiên cứu chính trong khảo sát này – lại chỉ chiếm tỷ lệ 8,7%, đứng cuối cùng trong bảng xếp hạng. Điều này phản ánh rõ nét thực trạng: HS tiểu học hiện nay chưa thực sự yêu thích hoặc quan tâm đến việc đọc hiểu VBTT. Khi được hỏi về lý do cho lựa chọn của mình, HS đưa ra nhiều lý do cụ thể như: “truyện hay hơn”, “thơ dễ học thuộc”, “kịch dễ hiểu”, “văn xuôi gần gũi và dễ cảm nhận hơn”,... Các lý do này cho thấy HS có xu hướng lựa chọn các thể loại văn bản mang tính giải trí, tưởng tượng hoặc cảm xúc cao, dễ tiếp cận và gây hứng thú ngay lập tức trong quá trình đọc.

Từ những kết quả trên, có thể nhận thấy rằng giờ học đọc hiểu VBTT chưa thật sự thu hút HS, đặc biệt khi so sánh với các thể loại văn bản khác có tính chất gần gũi và sinh động hơn. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng VBTT là một dạng văn bản vô cùng quan trọng trong chương trình học cũng như trong đời sống hằng ngày. Việc đọc hiểu VBTT giúp HS tiếp cận được những thông tin chính xác, mang tính cập nhật, khoa học và thực tiễn, từ đó hình thành tư duy phản biện, kỹ năng tra cứu và năng lực tiếp nhận tri thức từ thế giới xung quanh.

b) Những kỹ năng được rèn/ chưa được quan tâm khi đọc hiểu VBTT

Với câu hỏi “**Em phát triển được những kỹ năng nào qua giờ học đọc hiểu VBTT ?**”, chúng tôi đã nhận được nhiều lựa chọn khác nhau, phản ánh mức độ nhận thức và trải nghiệm học tập của các em trong quá trình tiếp cận với loại văn bản này. Kết quả cho thấy kỹ năng được HS lựa chọn nhiều nhất là *kỹ năng xác định ý chính của VBTT* (51,2%). Điều này cho thấy HS đã bước đầu hình thành năng lực trọng tâm trong quá trình đọc hiểu VBTT – đó là khả năng tìm ra thông tin then chốt và thông điệp cốt lõi mà văn bản muốn truyền tải.

Thứ hai là kỹ năng nhận biết ý nghĩa của tiêu đề, hình ảnh, sơ đồ,... (39,3%). Đây là một kỹ năng quan trọng trong việc đọc hiểu văn bản đa phương thức – một hình thức trình bày ngày càng phổ biến trong các loại văn bản hiện đại. Việc HS nhận diện và hiểu được vai trò của các yếu tố hỗ trợ trong VBTT cho thấy các em đã có khả năng khai thác thông tin không chỉ từ văn bản chữ mà còn từ các yếu tố phi văn bản. Tiếp theo, kỹ năng xác định bố cục văn bản được (20,7%), phản ánh mức độ nhất định trong việc hiểu cấu trúc trình bày của một VBTT – một nền tảng quan trọng để tổ chức lại thông tin hoặc làm chủ nội dung bài đọc.

Tuy nhiên, các kỹ năng ở cấp độ cao hơn như tóm tắt văn bản (12,4%) và đặc biệt là tạo lập một VBTT mới (3,7%) lại nhận được tỉ lệ lựa chọn khá thấp. Điều này phản ánh thực tế rằng HS vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi phải xử lý và tái cấu trúc thông tin từ văn bản, hoặc khi cần vận dụng kiến thức đã học để sản xuất ra một văn bản mới. Các kỹ năng này đòi hỏi sự phát triển đồng thời của tư duy tổng hợp, khả năng diễn đạt ngôn ngữ và sự hiểu sâu sắc về đặc điểm của VBTT – những yếu tố mà HS tiểu học còn cần được rèn luyện lâu dài.

Từ kết quả này, có thể thấy rằng HS đã bước đầu phát triển được một số kỹ năng cơ bản trong đọc hiểu VBTT, tuy nhiên các kỹ năng ở mức độ tư duy

bậc cao vẫn còn hạn chế.

a) Khó khăn khi HS gặp khi học đọc hiểu VBTT

Tiếp tục khảo sát những khó khăn của HS, chúng tôi thu được kết quả như sau : Gần hết số phiếu đề chọn chưa biết tạo lập VBTT mới (87,3%). Một số ít HS chưa biết tóm tắt văn bản, khó xác định bố cục VBTT, khó xác định ý chính, khó xác định ý nghĩa tiêu đề, hình ảnh, sơ đồ,...

b) Bài kiểm tra năng lực đọc hiểu VBTT

Để có cơ sở chắc chắn trong việc đánh giá thực trạng năng lực đọc hiểu VBTT của HS lớp 4, 5, chúng tôi đã thiết kế 02 bài kiểm tra dành cho khối 4, 5 trong phiếu khảo sát yêu cầu HS thực hiện nội dung bài kiểm tra trong thời gian 25 phút. Kết quả thực hiện bài kiểm tra được thể hiện qua bảng dưới đây:

**Bảng 1.9 Thống kê số lượng và tỉ lệ điểm bài kiểm tra
đọc hiểu VBTT**

Điểm	Số lượng bài	Tỉ lệ (%)
9,0 đến 10	7	2,0
7,0 đến 8,5	121	50,2
5,0 đến 6,5	105	43,5
Dưới 5,0	9	2,8
Tổng	242	100

Dựa trên số liệu từ Bảng 1.9, kết quả bài kiểm tra đọc hiểu VBTT của HS cho thấy đa số các em đạt từ mức trung bình trở lên, phản ánh năng lực tiếp nhận VBTT tương đối tích cực trong phạm vi khảo sát. Cụ thể, nhóm HS có điểm số từ **7,0 đến 8,5** chiếm tỉ lệ cao nhất với **50,2%**, tương ứng **121 bài**. Đây là nhóm HS đạt mức khá, cho thấy các em đã có khả năng tiếp nhận, xác định và xử lý thông tin cơ bản trong VBTT một cách tương đối hiệu quả.

Đáng chú ý, số HS đạt điểm từ **5,0 đến 6,5** cũng chiếm tỉ lệ cao, với **105 bài** (chiếm **43,5%**). Nhóm này tuy đã đạt mức trung bình nhưng vẫn cho thấy còn những hạn chế nhất định trong việc đọc hiểu, như chưa xác định rõ được ý chính, bố cục hoặc chưa khai thác tốt các yếu tố hỗ trợ trong VBTT như hình ảnh, sơ đồ, tiêu đề,... Điều này cho thấy cần có thêm các hoạt động hỗ trợ, luyện tập để nâng cao chất lượng đọc hiểu ở nhóm đối tượng này.

Trong khi đó, chỉ có **7 HS** (chiếm **2,0%**) đạt mức điểm **9,0 đến 10**, phản ánh số lượng HS thực sự có kỹ năng đọc hiểu VBTT ở mức xuất sắc còn rất khiêm tốn. Đồng thời, **9 bài kiểm tra** có điểm **dưới 5,0** (chiếm **2,8%**) cho thấy vẫn còn một bộ phận nhỏ hs chưa đạt yêu cầu cơ bản về đọc hiểu VBTT. Đây là đối tượng cần được GV quan tâm, hỗ trợ trong quá trình học tập, đặc biệt thông qua các hoạt động phân tích cấu trúc văn bản, rèn luyện xác định ý chính và tìm kiếm thông tin trong văn bản đa phương thức.

Như vậy, kết quả bài kiểm tra đọc hiểu VBTT phản ánh một thực trạng tích cực ở mức độ nhất định, nhưng đồng thời cũng chỉ ra những điểm cần cải thiện. Việc tiếp tục điều chỉnh phương pháp giảng dạy, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hướng dẫn kỹ năng đọc sâu và phân tích văn bản sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học VBTT trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học.

Kết luận chương 1

Ở chương 1, chúng tôi đã làm rõ được một số vấn đề lí luận liên quan đến dạy học đọc hiểu cũng như đưa ra khái niệm về VBTT theo Chương trình giáo dục Ngữ văn 2018. Việc dạy học VBTT cần đảm bảo những định hướng về việc dạy học tích cực, người học làm trung tâm, tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực, lấy trực kĩ năng Đọc - Viết - Nói - Nghe làm trục xuyên suốt của môn học. Khái niệm VBTT vẫn còn là một khái niệm mới mẻ ở Việt Nam, tuy nhiên việc áp dụng bộ sách giáo khoa mới theo Chương trình 2018 đã triển khai được ở tất cả các khối lớp, hoàn thành bộ sách giáo khoa và đang dần khẳng định được rõ tầm quan trọng của loại văn bản này. Việc xuất hiện của loại văn bản này sẽ tạo ra sự đa dạng, thực tiễn của môn học Tiếng Việt, khẳng định mối quan hệ mật thiết với đời sống xã hội. Thay vì chỉ tập trung vào việc đọc hiểu văn bản văn học, HS cũng sẽ được tiếp xúc đa dạng các loại văn bản khác nhau.

Bên cạnh đó, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng dạy và học VBTT để nắm được sự đánh giá những mặt tích cực và hạn chế của việc dạy và học loại văn bản này. Xuất phát từ những hạn chế và yêu cầu bức thiết việc đổi mới toàn diện và căn bản giáo dục đã thôi thúc chúng tôi tiến hành nghiên cứu và từ đó đưa ra những định hướng nhằm cải thiện chất lượng dạy và học cho HS.

Những cơ sở về lí luận và thực tiễn ở chương 1 sẽ là tiền đề để chúng tôi nghiên cứu ở chương tiếp theo, từ đó đưa ra những đề xuất về biện pháp dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 theo chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 ở chương 2.

Chương 2

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN CHO HỌC SINH LỚP 4, 5

2.1. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5

2.1.1. Bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình Giáo dục phổ thông về dạy học văn bản thông tin

Việc đề xuất các biện pháp nhằm phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 cần được đặt trong khuôn khổ định hướng và yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn năm 2018. Đây là căn cứ pháp lý và chuyên môn quan trọng, bảo đảm tính thống nhất, khoa học và phù hợp với mục tiêu giáo dục toàn diện HS.

Yêu cầu cần đạt được đề ra trong CTGDPT môn Ngữ văn nhấn mạnh vào việc hiểu và tóm tắt thông tin chính, nhận ra các đặc điểm và mục đích của nhiều loại văn bản khác nhau như hướng dẫn, tìm hiểu, cảm ơn, xin lỗi, ứng dụng, lời mời và báo cáo công việc. Chương trình cũng tập trung vào việc xác định bố cục của các văn bản thông tin phổ biến (phần đầu, phần giữa và phần cuối) và liên hệ nội dung với các vấn đề có ý nghĩa đối với bản thân hoặc ngoài cộng đồng. Ngoài ra, HS được khuyến khích diễn giải hình ảnh và số liệu trong văn bản và tham gia đọc mở rộng, đặt mục tiêu đọc tối thiểu 18 VBTT trong một năm, bao gồm cả tài liệu trong và ngoài SGK.

Chương trình đã xác lập rõ ràng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực người học, trong đó năng lực đọc hiểu VBTT được coi là một thành phần thiết yếu của năng lực ngôn ngữ. Đặc biệt, ở cấp tiểu học, HS không chỉ cần tiếp cận VBTT như một dạng văn bản mới, mà còn phải được trang bị những kỹ năng nền tảng để hiểu và vận dụng loại văn bản này trong đời sống.

Do đó, việc xây dựng và triển khai các biện pháp sư phạm nhằm phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cần phải bám sát các yêu cầu cần đạt đã được quy định trong chương trình. Chỉ khi xuất phát từ những định hướng cụ thể và có hệ thống của chương trình, các biện pháp đề xuất mới đảm bảo được tính khả thi, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, hướng đến mục tiêu giúp HS vận dụng được kiến thức và kỹ năng vào thực tế một cách linh hoạt, sáng tạo.

2.1.2. Bám sát đối tượng người học để thiết kế các nội dung, hình thức tổ chức, kiểm tra đánh giá phù hợp với học sinh

Một trong những nguyên tắc cơ bản và quan trọng trong quá trình tổ chức dạy học nói chung và dạy học đọc hiểu VBTT nói riêng là bám sát đối tượng người học. Nguyên tắc này thể hiện tư tưởng giáo dục lấy người học làm trung tâm, coi HS là chủ thể của quá trình nhận thức và phát triển năng lực. Việc thiết kế nội dung, lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cũng như kiểm tra – đánh giá cần được căn cứ trên đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức và nhu cầu học tập cụ thể của HS.

Với những đặc điểm về tâm lý, nhận thức và tư duy của HS lớp 4, 5 đã phân tích, làm rõ ở chương 1, quá trình dạy học đọc hiểu lưu ý một số điểm sau:

Nội dung của VBTT cần phù hợp với vốn sống, vốn từ vựng và trình độ nhận thức của các em; đồng thời đảm bảo tiêu chí ngữ liệu trong CTGDPT Ngữ văn. Văn bản nên có cấu trúc rõ ràng, thông tin mạch lạc, từ ngữ vừa sức, tạo điều kiện để HS phát hiện và nhận biết được các mối quan hệ logic giữa các phần nội dung. Ngoài ra, thông tin trong văn bản cần đảm bảo tính giáo dục, góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực ngôn ngữ cũng như thẩm mỹ cho HS.

Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, GV cần lựa chọn những phương pháp linh hoạt, phù hợp với đặc điểm HS tiểu học. GV đóng vai trò là người hướng dẫn, tổ chức các hoạt động giúp HS hình thành kỹ năng đọc hiểu thông qua các hình thức học tập tích cực như thảo luận nhóm, trò chơi học tập, sơ đồ tư duy,... Nhờ đó, HS được kích thích hứng thú học tập, phát triển tư duy và rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Mặt khác, việc xác lập mục tiêu và yêu cầu cần đạt đối với từng bài học cũng phải được điều chỉnh sao cho phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cụ thể của HS lớp 4, 5 tại từng địa phương và cơ sở giáo dục. Điều này đảm bảo rằng dạy học không mang tính áp đặt, mà là quá trình tương tác phù hợp với thực tế HS.

Công tác kiểm tra và đánh giá cần được thiết kế dựa trên đặc điểm HS lớp 4, 5, với mức độ phù hợp, không gây áp lực thái quá nhưng vẫn đảm bảo tính phân hóa và khuyến khích sự tiến bộ. Nội dung đánh giá nên đa dạng, gắn với các hoạt động học tập cụ thể, giúp HS thể hiện được năng lực đọc hiểu một cách tự nhiên và toàn diện.

Tóm lại, việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra – đánh giá trong dạy học đọc hiểu VBTT cần được thiết kế một cách

linh hoạt, khoa học, trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng đối tượng người học. Một môi trường học tập phù hợp với năng lực và nhu cầu thực tiễn của HS sẽ không chỉ duy trì được hứng thú học tập, mà còn góp phần quan trọng vào việc phát triển năng lực đọc hiểu và hoàn thiện các phẩm chất, năng lực cần thiết cho HS tiểu học trong giai đoạn hiện nay.

2.1.3. Bám sát các đặc trưng của văn bản thông tin

Đặc trưng của VBTT là được viết để truyền đạt thông tin hoặc kiến thức. *“Về cơ bản, chúng ta đọc loại văn bản này để chuyển hóa các thông tin hoặc kiến thức trong văn bản thành tri thức của mình với mục đích sử dụng luôn trong học tập và đời sống hoặc làm tư liệu cho mai sau. Chỉ nguyên mục đích đó đã làm cho việc đọc VBTT trở nên khác với đọc VB VH. VBTT bao giờ cũng trình bày thông tin một cách khách quan, không hư cấu; cung cấp thông tin về đối tượng một cách chi tiết, giúp người đọc / nghe hiểu những gì được mô tả bằng cách tổ chức hoặc phân loại thông tin. Vì vậy, để đọc VBTT một cách hiệu quả thì HS cần phải xác định được chính xác đối tượng của văn bản, hiểu được và xác định được các thông tin mà văn bản muốn truyền tải.”* [9]

Nếu như trước đây HS được làm quen với các loại văn bản như VB VH, văn bản nghị luận hoàn toàn là dạng văn bản chữ viết, gần như không có hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ,... để minh họa cho nội dung của văn bản thì đối với VBTT ở Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã có sự thay đổi, đa dạng hơn trong hình thức thể hiện văn bản, ví dụ có thể kể tới như: sơ đồ, bảng biểu, tranh vẽ, ảnh,... Ngoài ra có thể thấy các hình thức của VBTT ở ngoài cuộc sống là vô cùng đa dạng như video, radio..... Tức là HS cần có sự kết hợp giữa nhiều giác quan khác nhau để đọc hiểu VBTT, hiểu đồng thời kênh chữ, kênh hình,.. chứ không theo cách đọc truyền thống thông thường là đọc chữ bằng mắt rồi ngẫm hiểu rồi mới xem hình nữa.

Trên thực tế, dù VBTT là một khái niệm còn mới nhưng trong cuộc sống thường nhật thì văn bản này xuất hiện từ lâu và xuất hiện xung quanh chúng ta, có thể nói đến như: tranh ảnh quảng cáo, tạp chí, vé tàu xe, biển chỉ dẫn,... đặc biệt trong thời đại công nghệ số 4.0 thì VBTT càng đa dạng và phong phú về hình thức... Vì vậy, khi dạy học đọc hiểu VBTT, GV và HS cần bám sát vào đặc trưng của VBTT để tránh nhầm lẫn giữa cách đọc hiểu VBTT với các kiểu loại văn bản khác.

2.2. Đề xuất một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4, 5

2.2.1. Phát triển kĩ năng nhận biết mục đích giao tiếp của văn bản thông tin

2.2.1.1. Mục đích biện pháp

Mục đích giao tiếp của văn bản là một yếu tố không được thể hiện tường minh, không được viết ra một cách trực tiếp. Mỗi văn bản thường có những mục đích giao tiếp nhất định. Nó có thể là thông báo tin tức, hướng dẫn cách làm một sản phẩm, trao đổi những vấn đề được nhiều người quan tâm, cũng có thể là động viên, cổ vũ, đồng tình hoặc lên án, phê phán... Mục đích giao tiếp của văn bản rất đa dạng và sẽ được người đọc xác định cụ thể khi tiếp xúc với văn bản. Người đọc chỉ có thể nhận ra mục đích giao tiếp của văn bản bằng việc suy luận, phán đoán thông qua các nội dung trình bày, qua cách sử dụng các phương tiện ngôn ngữ... trong văn bản đó.

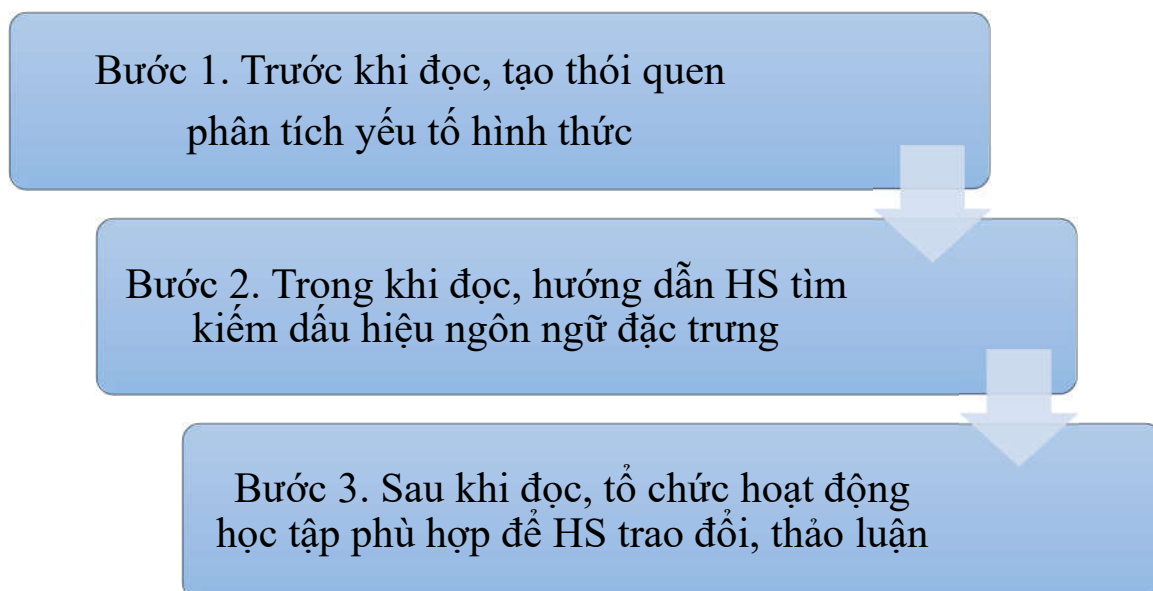
Mục đích của biện pháp này nhằm giúp HS lớp 4, 5 có kĩ năng nhận biết mục đích giao tiếp của VBTT – một yêu cầu cơ bản và thiết yếu trong quá trình đọc hiểu. Bằng việc suy luận, phán đoán thông qua nội dung, cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ... trong VBTT, HS hiểu rõ văn bản được viết ra để làm gì (cung cấp tri thức, hướng dẫn, thuyết phục hay cảnh báo,...), từ đó định hướng cách tiếp cận và xử lý thông tin phù hợp. Biện pháp hướng tới việc nâng cao hiệu quả tiếp nhận nội dung văn bản, đồng thời hình thành nền tảng ban đầu cho tư duy phản biện, khả năng suy luận, đánh giá và sử dụng thông tin một cách có hệ thống và logic trong học tập cũng như trong đời sống thực tiễn.

2.2.1.2. Nội dung biện pháp

Tập trung rèn luyện cho HS năng lực phân tích và xác định mục đích của VBTT thông qua các tín hiệu ngôn ngữ, cách trình bày nội dung, cũng như mối liên hệ giữa các phần thông tin trong văn bản. Qua đó, HS có thể bước đầu nhận ra tác giả viết ra văn bản nhằm cung cấp kiến thức, hướng dẫn thao tác, thuyết phục người đọc, hay đơn thuần là trình bày một hiện tượng hoặc sự kiện cụ thể nào đó trong đời sống.

2.2.1.3. Cách thức thực hiện

Quá trình giúp HS nhận biết mục đích giao tiếp của VBTT đòi hỏi phương pháp tiếp cận có hệ thống và phù hợp với lứa tuổi. Để phát triển kĩ năng nhận biết mục đích giao tiếp của VBTT cho HS lớp 4, 5, chúng tôi đề ra quy trình 3 bước như sau:



Hình 2.1. Quy trình hướng dẫn HS nhận biết mục đích giao tiếp của VBTT

Bước 1. Trước khi đọc, tạo thói quen cho HS phân tích các yếu tố hình thức

Trước tiên, GV cần tạo thói quen cho HS phân tích các yếu tố hình thức như đầu đề, hình ảnh và đoạn mở đầu. HS được khuyến khích dự đoán mục đích của văn bản dựa vào những manh mối ban đầu.

Ví dụ, khi học Bài 21. *Làm thử con bằng giấy* (SHS Tiếng Việt 4, tập một, trang 93 – 94), gặp tiêu đề *Làm thử con bằng giấy*, HS có thể dự đoán đây là văn bản hướng dẫn làm một con thử từ giấy, kéo, bút chì, bút màu, hồ dán. Hoặc khi học Bài 23. *Giới thiệu sách để mèn phiêu lưu kí* (SHS Tiếng Việt 5, tập một, trang 114), nghe tiêu đề này HS dự đoán được văn bản giới thiệu về cuốn sách có tên *Để mèn phiêu lưu kí*, tác giả cuốn sách, nội dung cuốn sách và những điểm nổi bật khác của cuốn sách.

Hình ảnh minh họa là một trong những yếu tố hình thức quan trọng, góp phần xây dựng hiệu quả cho VBTT. Khi dạy bài 25. *Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô – Rông – Gô – Rô* (SHS Tiếng Việt 4, tập hai, trang 113 – 114), bên cạnh việc dự đoán nội dung qua tiêu đề, GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh minh họa có trong nội dung bài đọc, bước đầu giúp HS hiểu hơn về mục đích của văn bản. Quan sát 2 hình ảnh dưới đây, bước đầu HS có thể gọi tên đối tượng được đề cập trong bài đọc: là khu rừng hoặc khu bảo tồn các động vật hoang dã, ở đây có các động vật hoang dã, quý hiếm như sư tử, báo, linh dương, hồng hạc..., con người có thể tham quan các loài động vật hoang dã này.



Hình 2.2. Hình ảnh minh họa trong bài 25. Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô – Rông – Gô – Rô

(Tiếng Việt 4, tập hai, Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)

Bước 2. Khi đọc, GV hướng dẫn HS tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ đặc trưng

Trong khi đọc, GV hướng dẫn HS tìm kiếm những dấu hiệu ngôn ngữ đặc trưng cho từng loại văn bản. Với văn bản hướng dẫn, HS cần chú ý các cụm từ như “*Hãy thực hiện theo các bước sau...*”, “*làm theo cách như sau...*” “*Bạn cần chuẩn bị...*”, “*Bước...*”. Đối với văn bản cung cấp thông tin, HS chú ý các cụm từ như “*Khám phá mới cho thấy...*”, “*Theo số liệu thống kê...*” và những từ ngữ thể hiện số liệu, giá trị đo lường... Văn bản thuyết phục thường xuất hiện các từ ngữ như “*Chúng ta nên...*”, “*Lợi ích to lớn của việc...*”. Ngoài ra, văn bản dưới dạng thư, đơn từ có cấu trúc rõ ràng bao gồm: địa điểm, ngày tháng viết, có lời chào (với thư), kính gửi (với đơn từ), có nội dung và kết.

Bước 3. Sau khi đọc, tổ chức hoạt động học tập phù hợp để HS trao đổi, thảo luận

GV nên tổ chức hoạt động thảo luận nhóm nhỏ cho HS, mỗi nhóm xác định mục đích chính của văn bản và đưa ra bằng chứng từ nội dung để chứng minh. HS học cách lập luận dựa trên căn cứ cụ thể từ văn bản, đồng thời phát triển kỹ năng thuyết trình và biện luận.

GV có thể thiết kế hoạt động phân loại văn bản, trong đó HS được cung cấp nhiều đoạn văn ngắn với các mục đích khác nhau. Các em phải phân loại các đoạn văn này vào các nhóm: văn bản thông tin thuần túy, văn bản hướng dẫn, văn bản thuyết phục, văn bản giải thích quy trình...

Phương pháp so sánh các văn bản cùng chủ đề nhưng khác mục đích cũng rất hiệu quả. Ví dụ, GV có thể cung cấp một bài viết khoa học về động vật hoang dã (mục đích cung cấp thông tin) và một bài kêu gọi bảo vệ động vật hoang dã (mục đích thuyết phục). HS sẽ nhận ra sự khác biệt về cách sắp xếp thông tin, từ ngữ sử dụng và giọng điệu của tác giả.

Tập cho HS viết lại mục đích văn bản bằng ngôn ngữ riêng là phương pháp hiệu quả để đánh giá mức độ hiểu của các em. Mỗi HS có thể viết một câu hoặc đoạn ngắn giải thích lý do nhận định như vậy dựa vào những chi tiết cụ thể trong văn bản. Vẽ sơ đồ tư duy giúp HS hình dung mối liên hệ giữa mục đích văn bản và các yếu tố ngôn ngữ. GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ với mục đích văn bản ở trung tâm, kết nối với các bằng chứng ngôn ngữ, cách trình bày và bố cục.

Hoạt động đóng vai tác giả cũng rất hữu ích, khi HS được giao nhiệm vụ viết một đoạn văn ngắn với mục đích cụ thể (thông tin, hướng dẫn hoặc thuyết phục). Sau đó các em trao đổi bài viết và phân tích mục đích văn bản của bạn. Phương pháp này giúp HS hiểu sâu hơn về cách tác giả xây dựng văn bản để đạt được mục đích giao tiếp.

GV nên tổ chức hoạt động đọc hiểu theo dự án, trong đó HS thu thập và phân tích nhiều văn bản khác nhau về cùng một chủ đề, nhưng có mục đích khác nhau. Qua đó, các em học cách nhận biết sự đa dạng trong cách trình bày thông tin và mục đích của từng loại văn bản.

Đặc biệt quan trọng là sử dụng văn bản thực tế từ đời sống hàng ngày như hướng dẫn sử dụng đồ chơi, thông báo trường học, bài báo khoa học đơn giản, quảng cáo sản phẩm... Những văn bản này giúp HS thấy được tính ứng dụng thực tiễn của kỹ năng nhận biết mục đích văn bản.

GV xây dựng hệ thống đánh giá phù hợp, bao gồm các bài kiểm tra ngắn yêu cầu HS xác định mục đích văn bản và nêu bằng chứng. Qua thời gian, mức độ khó của văn bản và câu hỏi nên tăng dần để phát triển kỹ năng tư duy phản biện của HS.

2.2.1.4. Điều kiện thực hiện

GV cần có năng lực phân tích văn bản tốt, đồng thời biết cách thiết kế các câu hỏi gợi mở phù hợp với từng trình độ HS. Ngoài ra, tài liệu học tập nên được lựa chọn sao cho đa dạng về thể loại và nội dung, nhưng vẫn nằm trong khả năng tiếp nhận của HS tiểu học. Bên cạnh đó, việc tổ chức lớp học linh hoạt,

tạo không khí học tập thoải mái, khuyến khích HS mạnh dạn đưa ra suy nghĩ cá nhân, cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện hiệu quả biện pháp này.

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Để làm rõ quy trình sử dụng biện pháp phát triển kỹ năng nhận biết mục đích giao tiếp của VBTT, đề tài vận dụng vào tiết dạy Bài 21 – Đọc: Làm thỏ con bằng giấy (SGK Tiếng Việt 4 – tập 1, Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

Tuần 12

Bài 21 LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

ĐỌC

Em biết làm những đồ chơi nào? Chia sẻ với bạn cách làm một đồ chơi.

LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

Sắp đến sinh nhật Hoa, Hà quyết định làm tặng bạn một con thỏ bằng giấy. Hà đã chuẩn bị dụng cụ, vật liệu và làm theo cách sau:

Dụng cụ, vật liệu

- Kéo, bút chì, bút màu, hồ dán.
- Giấy trắng hoặc bia (2 tờ).
- Giấy màu (1 tờ).

Cách làm

Bước 1. Cắt

- Cắt hai hình chữ nhật từ 2 tờ giấy trắng để làm đầu thỏ, thân thỏ.
- + Hình thứ nhất: rộng 10 cm, dài 25 cm.
- + Hình thứ hai: rộng 15 cm, dài 25 cm.
- Cắt hình tai thỏ từ giấy trắng, sau đó gấp theo đường kẻ nét đứt (như hình bên).
- Cắt từ giấy màu (như hình bên).

(Đầu thỏ) (Thân thỏ)

(Tai thỏ) (Đế)

Bước 2. Dán

- Dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật để tạo đầu thỏ và thân thỏ.
- Dán tai thỏ, đầu thỏ, thân thỏ với nhau, sau đó dán lên đế.

Bước 3. Vẽ

- Dùng bút màu vẽ trang trí tai thỏ.
- Dùng bút màu vẽ mắt, râu, mũi, miệng ở đầu thỏ và tay ở thân thỏ.

Vậy là Hà đã có một chú thỏ con đáng yêu bằng giấy để tặng Hoa trong ngày sinh nhật. Hi vọng Hoa sẽ vui sướng đón nhận món quà của bạn.

(Lâm Anh tổng hợp)

Từ ngữ

Để bộ phận gắn liền với phần dưới của vật, giữ cho vật đứng vững.

1. Dựa vào bài đọc, cho biết cần chuẩn bị những đồ vật nào dưới đây khi làm thỏ con bằng giấy.

băng dính	bút chì	hồ dán	kéo
giấy trắng	bút màu	giấy màu	kim chỉ

2. Để làm được thỏ con bằng giấy, cần phải thực hiện những bước nào? Nêu hoạt động chính trong mỗi bước.

3. Dựa vào bài đọc, trình bày 1 – 2 bước làm thỏ con bằng giấy.

4. Giới thiệu về chú thỏ con bằng giấy được nói đến trong bài đọc.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TÍNH TỪ

1. Tìm từ chỉ đặc điểm theo yêu cầu dưới đây:

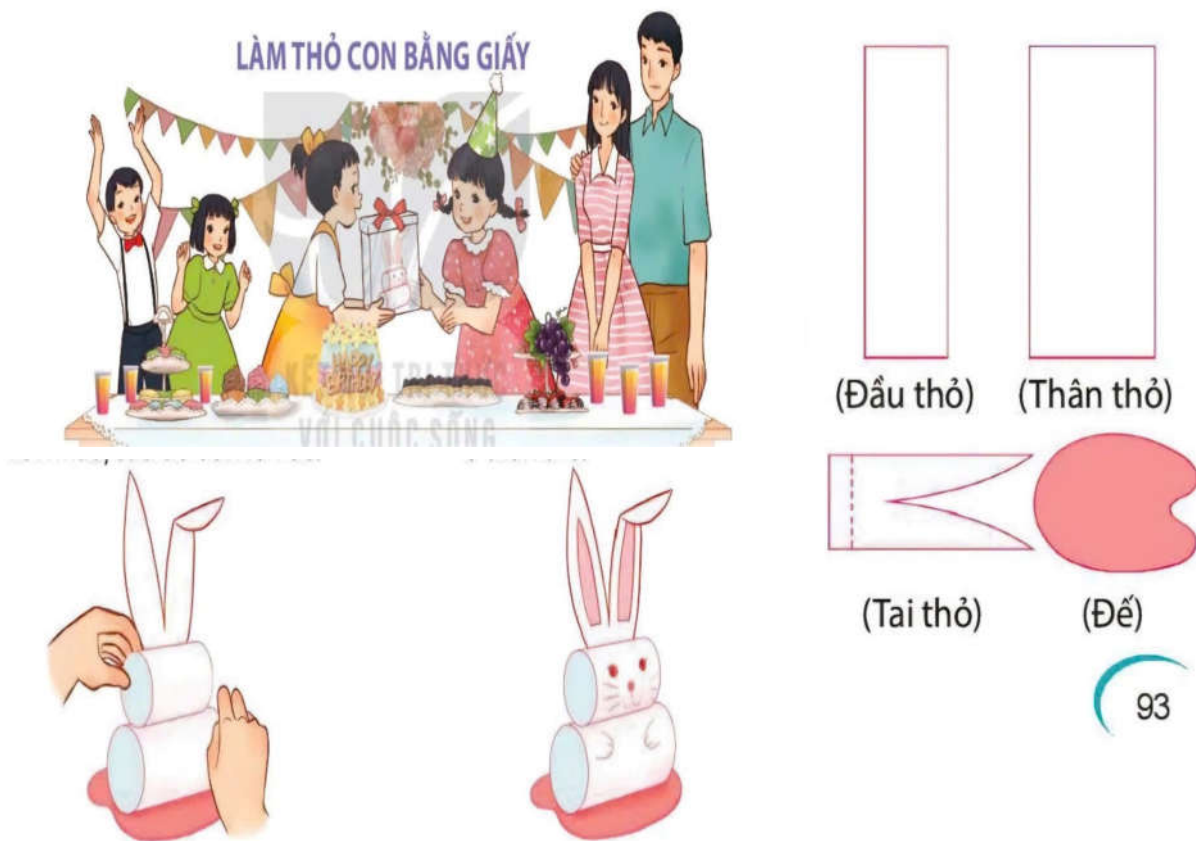
Vị của quả táo	Mùi hương của hoa hồng	Kích thước của một chú voi
Màu của mặt trời	Hình dáng của cầu vồng	Âm thanh trong giờ ra chơi

Hình 2.3. Trang sách Bài 21– Đọc: Làm thỏ con bằng giấy, SGK Tiếng Việt 4, tập 1 (Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1. Trước khi đọc, tạo thói quen cho HS phân tích các yếu tố hình thức

GV hướng dẫn HS quan sát kỹ tiêu đề bài đọc “*Làm thỏ con bằng giấy*” và bố cục tổng thể của văn bản, sau đó đặt câu hỏi gợi mở: “*Dựa vào những gì các em nhìn thấy ban đầu từ tiêu đề và cách trình bày của văn bản này, các em có thể dự đoán mục đích của tác giả là gì?*” HS sẽ nhận ra rằng: văn bản hướng dẫn người đọc cách làm thỏ con bằng giấy, văn bản được tổ chức theo các mục rõ ràng bao gồm phần giới thiệu ngắn, danh sách dụng cụ, vật liệu cần thiết và các bước thực hiện được đánh số thứ tự một cách logic, điều này gợi ý đây là một văn bản có mục đích hướng dẫn người đọc thực hiện một hoạt động cụ thể.

Bên cạnh đó, việc quan sát các hình ảnh minh họa trong bài đọc giúp HS bước đầu nhận biết được mục đích của văn bản:



**Hình 2.4. Hình ảnh minh họa trong trang sách Bài 21 – Đọc:
Làm thỏ con bằng giấy (SGK Tiếng Việt 4, tập 1 - Bộ sách KNTTVCS)**

Với hình ảnh đầu tiên, HS vừa quan sát bối cảnh vừa quan sát chi tiết cụ thể để tìm ra nội dung bài học. GV có thể sử dụng câu hỏi gợi ý: “*Món quà mà bạn nhỏ nhận được là gì?*”, “*Món quà đó có gì đặc biệt?*” Với các hình ảnh minh họa cho các bước thực hiện, HS có thể dự đoán được chất liệu làm con thỏ, các bước làm con thỏ giấy. Từ đó, HS xác định được mục đích giao tiếp của văn bản này là hướng dẫn cách làm con thỏ bằng giấy.

Bước 2. Trong khi đọc, hướng dẫn HS tìm kiếm dấu hiệu ngôn ngữ đặc trưng

GV yêu cầu HS đọc kỹ văn bản và gạch chân tất cả các động từ chỉ thao tác/ hành động xuất hiện trong bài, đồng thời phân tích cách sắp xếp thông tin theo trình tự các bước và vai trò của những từ ngữ chỉ dẫn như “*Bước 1*”, “*Bước 2*”, “*Bước 3*” cùng với các động từ mệnh lệnh tương ứng các thao tác như “*cắt*”, “*dán*”, “*vẽ*” và “*gấp*” - những yếu tố này là dấu hiệu rõ ràng của một văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ, khác biệt hoàn toàn với VBTT thuần túy hay văn bản thuyết phục; HS sẽ nhận thấy cách tác giả sử dụng ngôn ngữ trực tiếp, rõ ràng và theo trình tự nhằm giúp người đọc có thể làm theo từng bước một cách chính xác.

Đề bước này diễn ra hiệu quả, GV có thể thiết kế phiếu học tập hướng dẫn HS tìm kiếm dấu hiệu ngôn ngữ đặc trưng. Trong phiếu có nội dung bài đọc kèm hình ảnh minh họa. HS có thể gạch chân, bôi đậm, hoặc ghi chú bên lề dấu hiệu ngôn ngữ đặc trưng.

Phiếu học tập

BÀI 21

LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

Sắp đến sinh nhật Hoa, Hà quyết định làm tặng bạn một con thỏ bằng giấy. Hà đã chuẩn bị dụng cụ, vật liệu và làm theo cách sau:

Dụng cụ, vật liệu

- Kéo, bút chì, bút màu, hồ dán.
- Giấy trắng hoặc bìa (2 tờ).
- Giấy màu (1 tờ).

Cách làm

Bước 1. Cắt

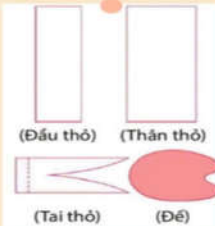
- Cắt hai hình chữ nhật từ 2 tờ giấy trắng để làm đầu thỏ, thân thỏ.
- + Hình thứ nhất: rộng 10 cm, dài 25 cm.
- + Hình thứ hai: rộng 15 cm, dài 25 cm.
- Cắt hình tai thỏ từ giấy trắng, sau đó gấp theo đường kẻ nét đứt (như hình bên).
- Cắt đế từ giấy màu (như hình bên)

Bước 2. Dán

- Dùng hồ dán hai mép của mỗi hình chữ nhật để tạo đầu thỏ và thân thỏ.
- Dán tai thỏ, đầu thỏ, thân thỏ với nhau, sau đó dán lên

Bước 3. Vẽ

- Dùng bút màu vẽ trang trí tai thỏ.
- Dùng bút màu vẽ mắt, râu, mũi, miệng ở đầu thỏ và tay ở thân thỏ.



(Đầu thỏ) (Thân thỏ)
(Tai thỏ) (Đế)

Bước 1



Bước 2



Bước 3

Vậy là Hà đã có một chú thỏ con đáng yêu bằng giấy để tặng Hoa trong ngày sinh nhật. Hi vọng Hoa sẽ vui sướng đón nhận món quà của bạn.

(Lâm Anh tổng hợp)

Hình 2.5. Phiếu học tập trong hoạt động hướng dẫn HS nhận biết mục đích giao tiếp của văn bản Làm thỏ con bằng giấy

Bước 3. Sau khi đọc, GV tổ chức hoạt động học tập phù hợp để HS trao đổi, thảo luận

Ở bước này, GV có thể tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi hoặc nhóm bốn để trao đổi những nội dung mình đã thực hiện ở bước 2. GV quan sát hoạt động nhóm của HS để có những điều chỉnh kịp thời, bổ sung cho phù hợp.

Đồng thời, GV cung cấp cho HS một VBTT về loài thỏ (đặc điểm sinh học, môi trường sống, thói quen) và yêu cầu HS so sánh hai văn bản dựa trên các tiêu chí: cách sắp xếp thông tin, loại từ vựng được sử dụng, giọng điệu

của tác giả và mục đích hướng tới người đọc; thông qua hoạt động này, HS sẽ nhận ra sự khác biệt rõ rệt giữa một văn bản có mục đích cung cấp thông tin (về loài thỏ) và một văn bản có mục đích hướng dẫn thực hiện (làm thỏ giấy), từ đó hiểu sâu hơn về cách nhận diện mục đích văn bản thông qua các yếu tố cấu trúc và ngôn ngữ đặc trưng.

Phiếu học tập

THỎ

Thỏ là loài động vật có vú, thuộc bộ Thỏ (Lagomorpha), nổi bật với đôi tai dài, bộ lông mềm mượt và khả năng chạy nhanh để thoát khỏi kẻ thù.

Chúng thường sinh sống ở đồng cỏ, bụi rậm hoặc rừng thưa, đào hang để trú ẩn và nuôi con. Thỏ là loài ăn cỏ, chủ yếu tiêu thụ các loại thực vật như cỏ, lá cây và rau củ. Với bản tính hiền lành, nhanh nhẹn và sinh sản nhanh, thỏ không chỉ là đối tượng nghiên cứu sinh học quan trọng mà còn được nuôi phổ biến như thú cưng hoặc để cung cấp thịt và lông trong chăn nuôi.

Linh Phương



Làm thỏ con bằng giấy

Cách sắp xếp thông tin

Từ vựng được sử dụng

Giọng điệu của tác giả

Mục đích hướng tới người đọc

Thỏ

Cách sắp xếp thông tin

Từ vựng được sử dụng

Giọng điệu của tác giả

Mục đích hướng tới người đọc

Hình 2.6. Phiếu học tập trong hoạt động HS trao đổi, thảo luận của văn bản Làm thỏ con bằng giấy

Làm thỏ con bằng giấy

Cách sắp xếp thông tin :

Theo trình tự các bước :

- + Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu
- + Cách làm (Bước 1, 2, 3)
- + Kết quả

Từ vựng được sử dụng :

- Từ chỉ hoạt động (cắt, dán, vẽ...)
- Từ chỉ đồ vật, dụng cụ (giấy, kéo, hồ dán...)

Giọng điệu của tác giả:
Hướng dẫn, thân thiện,
sinh động, gần gũi với
học sinh

Mục đích hướng tới
người đọc :

- Giúp học sinh biết
cách làm đồ chơi từ
giấy
- Khơi gợi sự sáng tạo
và yêu thích thủ công

Thỏ

Cách sắp xếp thông tin :

Theo cấu trúc mô tả:

- + Đặc điểm loài thỏ
- + Môi trường sống
- + Tập tính và lợi ích của thỏ

Từ vựng được sử dụng :

- Từ ngữ chuyên môn khoa
học (động vật có vú, bộ
Thỏ, Lagomorpha...)
- Từ chỉ đặc điểm, tập tính

Giọng điệu của tác giả:
Khoa học, khách quan,
nghiêm túc

Mục đích hướng tới
người đọc :

- Cung cấp kiến thức
khoa học về loài thỏ
- Nâng cao hiểu biết
tự nhiên cho học sinh

Hình 2.7. Đáp án phiếu học tập trong hoạt động HS trao đổi, thảo luận của văn bản Làm thỏ con bằng giấy

Sau đó, GV tổ chức cho mỗi nhóm HS cùng xây dựng một sơ đồ tư duy chi tiết với “Mục đích hướng dẫn thực hiện” ở trung tâm, kết nối với các bằng chứng cụ thể từ văn bản “Làm thỏ con bằng giấy” như cấu trúc theo các bước, sử dụng động từ chỉ thao tác, liệt kê dụng cụ vật liệu cần thiết, và cách trình bày thông tin theo trình tự thời gian; sau khi hoàn thành, mỗi nhóm sẽ trình bày sơ đồ của mình và giải thích tại sao họ xác định đây là văn bản hướng dẫn thực hiện, đồng thời nêu ra những đặc điểm ngôn ngữ và cấu trúc khiến văn bản này khác biệt so với các loại văn bản thông tin khác như văn bản mô tả, văn bản thuyết phục hay văn bản giải thích hiện tượng.

2.2.2. Phát triển kĩ năng tìm hiểu ý và xác định chi tiết quan trọng trong văn bản thông tin

2.2.2.1. Mục đích biện pháp

Nâng cao khả năng phân tích VBTT của HS thông qua xác định được ý chính và các chi tiết hỗ trợ, giúp HS chuyển hóa từ đọc hiểu bề mặt sang tư duy phân tích sâu sắc, hình thành năng lực xử lý thông tin, phân loại đâu là nội dung trọng tâm và đâu là thông tin bổ sung trong các văn bản học thuật, từ đó phát triển kỹ năng đọc hiểu toàn diện phục vụ cho học tập suốt đời và ứng dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

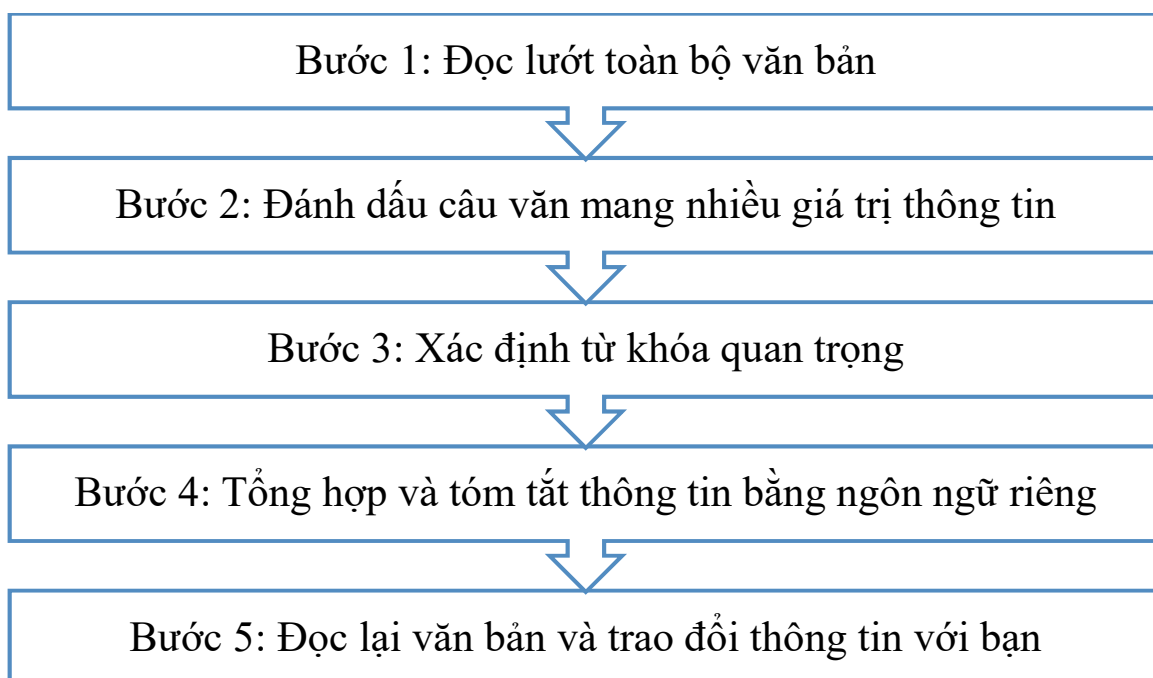
2.2.2.2. Nội dung biện pháp

Rèn luyện cho HS nhận diện cấu trúc tổ chức của VBTT với các mối quan hệ logic giữa ý chính và ý hỗ trợ, trong đó nguyên tắc cốt lõi là hiểu rằng hai câu có mối liên kết logic khi câu đầu tiên thường mang ý chính còn câu tiếp theo cung cấp thêm thông tin chi tiết làm sáng tỏ ý chính ban đầu, tạo nên mạch văn mạch lạc và liền mạch, nhờ đó giúp người đọc nắm bắt được trọng tâm nội dung tác giả muốn truyền tải.

Quá trình đọc hiểu VBTT bản chất là một tương tác hai chiều giữa người viết và người đọc, khi tác giả luôn cố gắng diễn đạt ý tưởng bằng ngôn ngữ rõ ràng, chính xác nhất, trong khi người đọc phải thực hiện quá trình "sàng lọc" các thông điệp trực tiếp hoặc gián tiếp qua lăng kính hiểu biết cá nhân và kinh nghiệm sống đã tích lũy trước đó.

2.2.2.3. Cách thức thực hiện

Giáo viên cần hướng dẫn HS thực hiện quy trình tìm hiểu và xử lý văn bản theo các bước sau:



Hình 2.8. Quy trình hướng dẫn HS tìm hiểu ý và xác định chi tiết quan trọng trong VBTT

Bước 1. Đọc lướt toàn bộ văn bản

Việc đọc lướt toàn bộ văn bản giúp hình thành cho HS một cái nhìn tổng quát về văn bản, bước đầu nhận diện được nội dung, cấu trúc và mục đích giao tiếp của văn bản. Qua đó, HS có thể trả lời được câu hỏi “*Văn bản đang đề cập vấn đề gì?*”

Ở bước này, GV nên hướng dẫn HS kết hợp kết quả của bước 1 – biện pháp 1 với hoạt động đọc lướt văn bản để đạt hiệu quả cao trong quá trình tìm hiểu ý và xác định chi tiết quan trọng. Bên cạnh việc quan sát tiêu đề, các đề mục, hình ảnh, HS cần đọc lướt từng đoạn để xác định chủ đề chung của văn bản. Việc đọc lướt không yêu cầu nắm bắt chi tiết mà chỉ tập trung vào cấu trúc và ý khái quát. Đây là bước khởi đầu quan trọng giúp người đọc thiết lập được bản đồ nhận thức sơ bộ, từ đó tăng hiệu quả cho các bước đọc sâu tiếp theo.

Bước 2. Đánh dấu câu văn mang nhiều giá trị thông tin

Đánh dấu những câu văn mang nhiều giá trị thông tin giúp HS phân biệt được đâu là thông tin then chốt và đâu là thông tin phụ trong toàn bộ văn bản. Thông tin then chốt thường nằm ở đầu hoặc cuối đoạn, thông tin phụ có ý nghĩa hỗ trợ cho thông tin then chốt, làm nổi bật hoặc phân tích thông tin then chốt.

Ở bước này, HS đọc kĩ từng đoạn, xác định câu nêu ý chính, câu chứa dẫn chứng, số liệu, so sánh hoặc những nội dung thể hiện thông tin mới. Từ đó, hình

thành cho HS thói quen phân tích cấu trúc đoạn văn, phát hiện điểm nhấn, rèn luyện khả năng tư duy phân tích và nhận diện thông tin.

Để đạt hiệu quả cao, GV có thể thiết kế các phiếu học tập (phiếu đọc) có in bài đọc để HS có thể vừa đọc vừa gạch chân, đánh dấu sao hoặc dùng bút để đánh dấu câu văn mang nhiều giá trị thông tin theo sự sáng tạo của mình. Phiếu này cũng có thể sử dụng ở các bước tiếp theo.

Bước 3. Xác định từ khóa quan trọng

Với mục đích hướng dẫn HS tập trung vào các đơn vị ngôn ngữ chứa thông tin cốt lõi, phục vụ cho quá trình ghi nhớ, phân loại và hệ thống hoá kiến thức, việc xác định từ khóa quan trọng trong một đoạn văn trở thành bước không thể thiếu trong quá trình đọc hiểu VBTT.

Để làm được điều này, từ những câu văn được đánh dấu ở bước 2, HS cần gạch chân hoặc đánh dấu các từ ngữ, cụm từ mang tính chất định hướng nội dung, thường là những từ thể hiện chủ đề chính, hành động, đặc điểm nổi bật, hoặc thuật ngữ chuyên môn có liên quan trực tiếp đến nội dung được đề cập. Những từ khóa này giúp HS định vị nội dung chính xác, cô đọng, không bị lạc hướng khi tiếp cận thông tin, đồng thời hỗ trợ quá trình ghi nhớ và phân tích sâu hơn về văn bản. Khi luyện tập thói quen xác định từ khóa một cách chủ động, HS sẽ nâng cao khả năng đọc hiểu, tư duy logic và kỹ năng tóm tắt nội dung một cách hiệu quả.

Bước 4. Tổng hợp và tóm tắt thông tin bằng ngôn ngữ riêng

Hoạt động này rèn cho HS năng lực tái hiện thông tin dưới dạng rút gọn, phản ánh mức độ hiểu và ghi nhớ sâu sắc nội dung văn bản. Việc khuyến khích HS diễn đạt lại nội dung văn bản theo cách hiểu của bản thân sẽ tạo điều kiện để các em thể hiện tư duy cá nhân, rèn luyện khả năng phân tích, khái quát và lựa chọn thông tin trọng yếu.

HS sử dụng từ khoá và các câu quan trọng đã xác định ở bước 2, 3 để viết lại nội dung chính của đoạn văn và cả văn bản bằng cách diễn đạt cá nhân, không sao chép nguyên văn.

Đây là phương pháp vừa giúp củng cố kiến thức một cách chủ động, vừa phát triển kỹ năng tư duy tổng hợp, phản biện và giao tiếp ngôn ngữ. Bên cạnh đó, việc làm này cũng góp phần HS hình thành thói quen học tập tích cực và sáng tạo, giúp HS tự tin hơn trong việc tiếp cận và trình bày tri thức theo phong cách cá nhân.

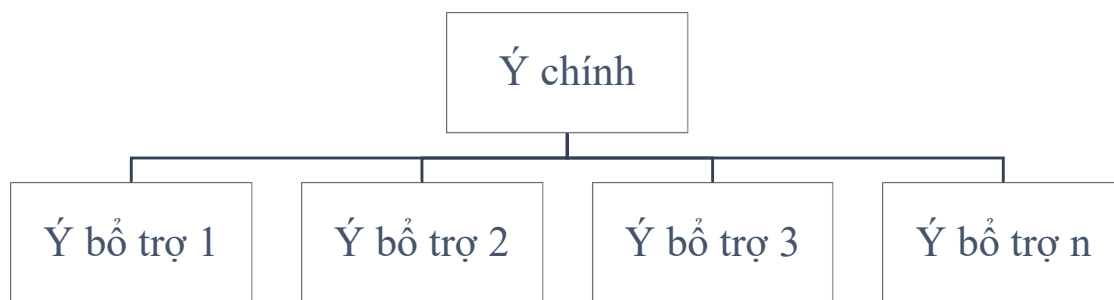
Bước 5. Đọc lại văn bản và trao đổi thông tin với bạn

Đọc lại văn bản và trao đổi thông tin với bạn là một bước quan trọng giúp HS củng cố hiểu biết, làm sáng tỏ những nội dung còn chưa rõ, đồng thời tạo ra môi trường học tập mang tính tương tác và hợp tác. Việc đưa ra nhận xét, nêu ý kiến cá nhân sau khi đọc không chỉ thể hiện quan điểm riêng mà còn giúp HS rèn luyện khả năng tư duy độc lập và phản biện. Thông qua quá trình thảo luận, các em có cơ hội tiếp cận nhiều góc nhìn khác nhau, từ đó hiểu sâu hơn về vấn đề và mở rộng kiến thức. Bên cạnh đó, khi HS biết kết nối nội dung văn bản với những trải nghiệm thực tế hoặc kinh nghiệm sống của bản thân, quá trình học trở nên sinh động và có ý nghĩa hơn.

Hoạt động này không chỉ góp phần phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, mà còn thúc đẩy khả năng liên hệ thực tiễn – một năng lực quan trọng trong học tập và cuộc sống. Đồng thời, đây cũng là tiền đề để hình thành tư duy phản biện, giúp HS không thụ động tiếp nhận thông tin mà biết đặt câu hỏi, so sánh, đối chiếu và tự hình thành lập luận riêng.

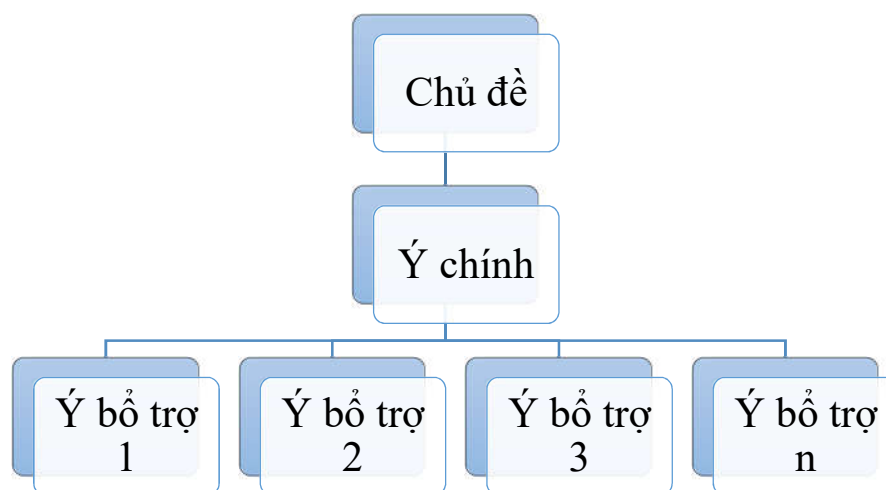
Ngoài việc sử dụng hiệu quả 5 bước trên, giáo viên có thể hướng dẫn HS vận dụng các sơ đồ tư duy để tóm tắt thông tin như:

- Sơ đồ thứ nhất: Từ một ý chính phân nhánh thành nhiều ý hỗ trợ (bao gồm ý hỗ trợ 1, 2, 3, n)



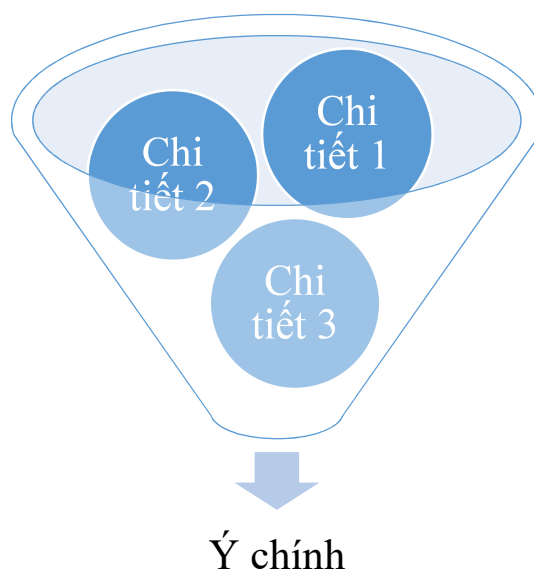
Sơ đồ 2.1. Tóm tắt thông tin từ ý chính đến ý hỗ trợ

- Sơ đồ thứ hai: Bắt đầu từ chủ đề → phát triển thành ý chính → sau đó dẫn đến các ý hỗ trợ (bao gồm ý hỗ trợ 1, 2, 3, n,...)



Sơ đồ 2.2. Tóm tắt thông tin từ chủ đề đến ý chính, ý hỗ trợ

- Sơ đồ thứ ba: Một ý chính được làm rõ qua nhiều chi tiết minh họa cụ thể (bao gồm chi tiết 1, 2, 3,...)



Sơ đồ 2.3. Tóm tắt thông tin qua việc làm rõ các chi tiết minh họa của ý chính

Trong quá trình này, giáo viên cần chuẩn bị các câu hỏi gợi mở như: “Mục đích chính của đoạn văn là gì?”, “Làm thế nào phân biệt được ý chính và ý hỗ trợ trong bài?” để định hướng HS phân tích cấu trúc và mối liên hệ giữa các thông tin trong văn bản.

2.2.2.4. Điều kiện thực hiện

Để thực hiện hiệu quả biện pháp trên, cần đảm bảo các yếu tố sau:

- Lựa chọn văn bản thông tin phù hợp với trình độ nhận thức và tâm lý lứa tuổi HS, ưu tiên những văn bản có cấu trúc rõ ràng, các ý được triển khai logic, phù hợp với việc phân tích theo các sơ đồ đã hướng dẫn.

- Xây dựng hệ thống câu hỏi đọc hiểu theo hướng phát triển năng lực, tập trung vào khả năng vận dụng kiến thức đã đọc vào giải quyết vấn đề thực tiễn, hạn chế các câu hỏi đơn thuần yêu cầu nhớ và tái hiện thông tin.

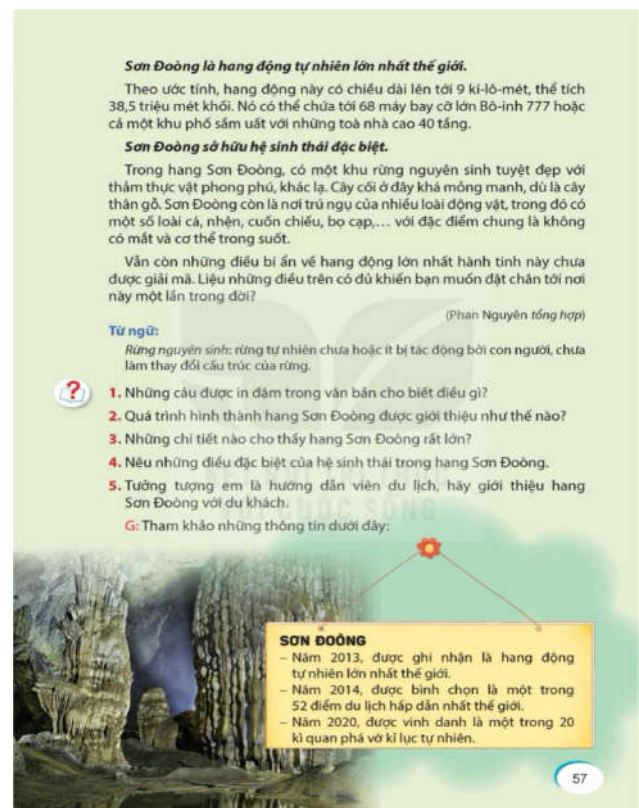
- Trang bị tài liệu hướng dẫn cho HS với các mẫu sơ đồ tư duy, các kỹ thuật đánh dấu, ghi chú và phân tích văn bản đa dạng, giúp các em có thể tự thực hành ngoài giờ học chính thức.

- Thiết lập môi trường học tập khuyến khích tư duy phản biện và sáng tạo, tạo không gian để HS được tự do trao đổi, thảo luận về các cách hiểu khác nhau đối với một văn bản, từ đó phát triển khả năng phân tích đa chiều.

- Kết hợp đánh giá thực tiễn và đánh giá sáng tạo trong quá trình kiểm tra kết quả học tập, ưu tiên các hoạt động yêu cầu HS vận dụng kỹ năng đọc hiểu vào giải quyết các tình huống thực tế hoặc tạo ra sản phẩm học tập mang tính cá nhân hóa.

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

Để làm rõ quy trình sử dụng biện pháp phát triển kỹ năng tìm hiểu ý và xác định chi tiết quan trọng trong VBTT, đề tài vận dụng vào tiết dạy Bài 11 – Đọc: Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú (SGK Tiếng Việt 5 – tập 1, Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:



Hình 2.9. Trang sách Bài 11 – Đọc: Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú (SGK Tiếng Việt 5 – tập 1, Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1. Đọc lướt toàn bộ văn bản

GV yêu cầu HS đọc lướt văn bản, đặt câu hỏi gợi mở: “*Nội dung của văn bản này đề cập đến vấn đề gì?*”, “*Có bao nhiêu đoạn chính?*”, “*Các đoạn nói về điều gì?*”. HS sẽ khái quát được nội dung chính của văn bản: Văn bản này được đề cập đến hang Sơn Đoòng – là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới. Có 3 đoạn chính, đoạn 1 nói về quá trình hình thành của hang, đoạn 2 nói về kích thước của hang, đoạn cuối nói về hệ sinh thái trong hang.

Bước 2. Đánh dấu câu văn mang nhiều giá trị thông tin

Mục tiêu của hoạt động là giúp HS rèn luyện kỹ năng đọc sâu, xác định câu văn then chốt – những câu mang nhiều giá trị thông tin nhất trong bài. GV hướng dẫn HS đọc kỹ lại toàn văn, không chỉ đọc lướt như ở bước đầu tiên, mà đọc chậm rãi, chú ý đến từng chi tiết, từng đoạn văn để hiểu rõ ý chính. Sau khi HS đọc xong, GV gợi mở bằng các câu hỏi dẫn dắt như: “*Theo em, câu nào trong đoạn thể hiện rõ nhất nội dung chính?*”, “*Câu nào giúp người đọc hiểu được trọng tâm mà đoạn muốn nói tới?*”. GV nhấn mạnh rằng các câu mang nhiều thông tin thường được đặt ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn, và trong văn bản này, chúng được in đậm để người đọc dễ nhận biết. HS sẽ dùng bút chì hoặc bút màu gạch chân các câu đó trực tiếp trên phiếu học tập, xác định các câu văn mang nhiều giá trị thông tin:

Đoạn 1: Ý chính: Sơn Đoòng có niên đại tới 5 triệu năm tuổi

Ý hỗ trợ 1: Hang được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn

Ý hỗ trợ 2: Bị nước sông Rào Thương bào mòn liên tục

Ý hỗ trợ 3: Quá trình bào mòn kéo dài từ 2 đến 5 triệu năm

Ý hỗ trợ 4: Tạo nên “lỗ hổng khổng lồ” ngay dưới mặt đất

Đoạn 2: Ý chính: Sơn Đoòng là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới

Ý hỗ trợ 1: Chiều dài lên tới 9 ki-lô-mét

Ý hỗ trợ 2: Thể tích 38,5 triệu mét khối

Ý hỗ trợ 3: Có thể chứa tới 68 máy bay cỡ lớn Bô-inh 777

Ý hỗ trợ 4: Có thể chứa cả một khu phố sầm uất với các tòa nhà cao 40 tầng

Đoạn 3: Ý chính: Sơn Đoòng sở hữu hệ sinh thái đặc biệt

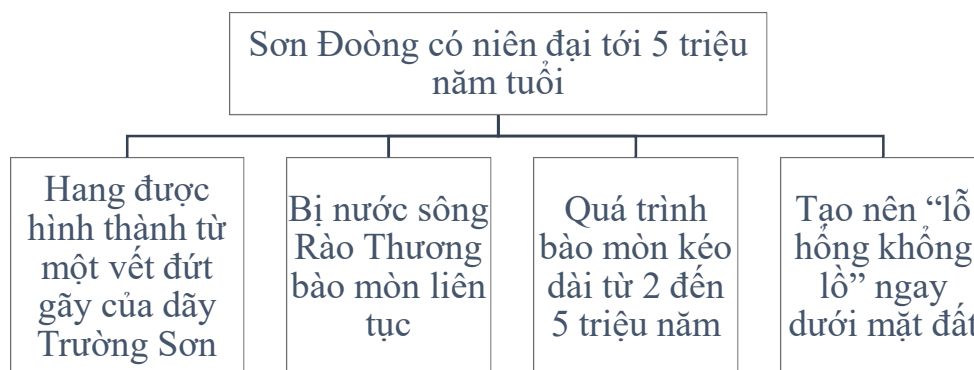
Ý hỗ trợ 1: Có khu rừng nguyên sinh tuyệt đẹp với thảm thực vật phong phú, khác lạ

Ý hỗ trợ 2: Cây cối ở đây khá mỏng manh, dù là cây thân gỗ

Ý bổ trợ 3: Là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật đặc biệt (cá, nhện, cuốn chiếu, bọ cạp...)

Ý bổ trợ 4: Các loài động vật có đặc điểm chung là không có mắt và cơ thể trong suốt

Ngoài ra, HS có thể sử dụng sơ đồ để trình bày các ý chính, ý bổ trợ như sau :



Sơ đồ 2.4. Ý chính, ý bổ trợ đoạn 1 bài “Hang Sơn Đoòng – Những điều kì thú”

Bước 3. Xác định từ khóa quan trọng

Sau khi HS xác định được ý chính, ý bổ trợ GV tiếp tục gợi mở cho HS tìm các từ khóa quan trọng thể hiện chủ đề, dữ liệu cụ thể, các thông tin đặc sắc, tập trung vào danh từ, tính từ nổi bật. HS sẽ gạch chân các từ khóa quan trọng như “*được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn*”, “*bị nước sông Rào Thương bào mòn liên tục*”, “*tạo nên “lỗ hổng khổng lồ” ngay dưới mặt đất*”,...

Đồng thời, GV đặt câu hỏi “*Tại sao tác giả sử dụng hình ảnh so sánh với máy bay Boeing 777 và tòa nhà 40 tầng?*”, “*Đặc điểm không có mắt và cơ thể trong suốt của các loài động vật trong hang phản ánh điều gì về môi trường sống trong hang?*” để giúp HS hình dung được kích thước khổng lồ của hang động, kích thích sự tò mò, cần giải đáp của HS.

Bước 4. Tổng hợp và tóm tắt thông tin bằng ngôn ngữ riêng

Sau khi HS đọc bài, tiếp nhận và nắm được những thông tin cơ bản từ bài đọc, như: quá trình hình thành, kích thước, hệ sinh thái của hang Sơn Đoòng. GV hướng dẫn HS bước tiếp theo là tổng hợp lại các ý chính và tóm tắt toàn bộ nội dung bài đọc dựa trên sự hiểu biết của HS.

Ở bước này, HS không chỉ lặp lại thông tin từ bài đọc mà cần thể hiện khả năng diễn đạt lại bằng lời văn của chính mình, sử dụng ngôn ngữ riêng để thể hiện những điều đã học được.

Sau khi HS tóm tắt bằng ngôn ngữ riêng, GV nhận xét, đưa ra ý kiến về bài tóm tắt của HS. Đồng thời, GV đưa ra bài tóm tắt cho HS tham khảo : Hang Sơn Đoòng (Quảng Bình) được coi là một trong những tác phẩm tuyệt vời nhất của tạo hoá. Nó được xác định có niên đại tới 5 triệu năm tuổi và được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn. Sơn Đoòng còn là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới với chiều dài lên tới 9 ki-lô-mét, thể tích 38,5 triệu mét khối. Nơi đây sở hữu hệ sinh thái đặc biệt: cây cối ở đây khá mỏng manh, dù là cây thân gỗ; là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật, trong đó có một số loài cá, nhện, cuốn chiếu, bọ cạp,... với đặc điểm chung là không có mắt và cơ thể trong suốt.

Bước 5. Đọc lại văn bản và trao đổi thông tin với bạn

Sau cùng, GV yêu cầu HS đọc lại toàn bài nhằm củng cố hiểu biết và làm rõ những nội dung có thể còn bỏ sót. Tiếp theo, HS được chia thành các nhóm nhỏ để thảo luận, trao đổi thông tin dựa trên những câu hỏi gợi mở nhằm phát triển tư duy phản biện và khả năng liên hệ thực tiễn. Các câu hỏi có thể bao gồm: “*Bạn thích chi tiết nào trong bài nhất? Vì sao?*”, “*Nếu được tham quan hang Sơn Đoòng, bạn muốn khám phá điều gì?*”, “*Hang Sơn Đoòng gợi cho bạn suy nghĩ gì về thiên nhiên Việt Nam?*”. Thông qua quá trình trao đổi, HS được khuyến khích lắng nghe ý kiến của bạn, bày tỏ quan điểm cá nhân, từ đó mở rộng góc nhìn về vấn đề và làm sâu sắc thêm sự hiểu biết về văn bản.

Sau khi hoàn thành phần thảo luận, đại diện mỗi nhóm sẽ lên trình bày trước lớp những nội dung đã thống nhất. Mỗi bài thuyết trình là cơ hội để HS rèn luyện kỹ năng nói, kỹ năng làm việc nhóm, và khả năng thuyết phục người nghe. GV có thể đóng vai trò là người điều phối, nhận xét, đặt câu hỏi bổ sung để khuyến khích HS đào sâu vấn đề. Hoạt động này không chỉ giúp HS ôn lại kiến thức mà còn phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, khả năng hợp tác và trình bày trước đám đông – những năng lực quan trọng trong chương trình giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực HS hiện nay.

2.2.3. Phát triển kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức và các tác dụng của yếu tố hình thức

2.2.3.1. Mục đích biện pháp

Việc rèn luyện cho HS khả năng nhận diện, phân biệt và hiểu rõ chức năng của các yếu tố hình thức trong VBTT đóng vai trò thiết yếu trong quá trình phát triển năng lực đọc hiểu toàn diện. Các yếu tố hình thức này bao gồm bố cục tổng

thể của văn bản, cấu trúc trình bày các phần nội dung, hình ảnh minh họa, biểu đồ, ký hiệu đặc biệt, màu sắc và định dạng chữ viết (như in đậm, in nghiêng, gạch chân...). Đây là những thành phần không chỉ hỗ trợ truyền tải thông tin mà còn góp phần tổ chức và định hướng nhận thức của HS.

Khi HS được hướng dẫn và thực hành thường xuyên trong việc xác định và phân tích chức năng của các yếu tố hình thức nói trên, các em sẽ hình thành kỹ năng tiếp cận văn bản một cách có chiến lược, từ đó cải thiện tốc độ và hiệu quả tiếp nhận thông tin. Việc nhận diện nhanh chóng bố cục, cấu trúc nội dung và các yếu tố minh họa cho phép HS xác định trọng tâm của văn bản, hiểu rõ mối quan hệ giữa các phần thông tin, cũng như phân biệt được các loại dữ liệu định tính và định lượng. Qua đó, HS không chỉ phát triển tư duy phân tích mà còn nâng cao khả năng đánh giá, phản biện thông tin một cách logic và có căn cứ.

Ngoài ra, việc làm chủ các yếu tố hình thức của VBTT cũng hỗ trợ HS trong việc ứng dụng kiến thức vào các tình huống thực tiễn, đặc biệt là trong việc đọc hiểu tài liệu học tập ở các môn học khác nhau hoặc các VBTT ngoài nhà trường. Đây là một năng lực thiết yếu trong bối cảnh giáo dục hiện đại, kỹ năng đọc hiểu không còn đơn thuần là hiểu nội dung chữ viết, mà còn đòi hỏi khả năng xử lý và phân tích thông tin từ nhiều định dạng và phương tiện trình bày khác nhau

2.2.3.2. Nội dung biện pháp

Biện pháp tập trung vào việc hướng dẫn HS nhận biết và hiểu rõ công dụng của các yếu tố hình thức thường gặp trong văn bản thông tin như:

- Cấu trúc bố cục tổng thể (tiêu đề chính, tiêu đề phụ, đoạn mở đầu, phần thân bài, kết luận)
- Phương thức trình bày thông tin (danh sách đánh số, danh sách đánh dấu, bảng biểu, sơ đồ)
- Định dạng nội dung đặc biệt (chữ in đậm, chữ nghiêng, gạch chân, màu sắc)
- Yếu tố đa phương tiện (hình ảnh, biểu đồ, sơ đồ, bản đồ, biểu tượng)
- Các phương tiện kết nối văn bản (từ khóa, dấu hiệu chuyển ý, cấu trúc chỉ dẫn)
- Những phần bổ trợ (chú thích, ghi chú cuối trang, phụ lục, từ vựng chuyên ngành)

2.2.3.3. Cách thức thực hiện

Bước 1. Phân tích văn bản theo các yếu tố hình thức

Giáo viên chuẩn bị nhiều loại VBTT đa dạng phù hợp với lứa tuổi HS lớp 4, 5 như bài báo khoa học thiếu nhi, hướng dẫn sử dụng, bài giới thiệu về địa lí hoặc lịch sử. Sau đó, GV tổ chức cho HS làm việc theo các hoạt động sau:

Hoạt động 1: Trước tiên, GV trình chiếu một VBTT trên màn hình lớn hoặc phát tài liệu cho từng nhóm HS, yêu cầu HS quan sát và ghi nhận tất cả những đặc điểm hình thức mà HS nhìn thấy trong văn bản. HS có thể sử dụng bút màu khác nhau để đánh dấu hoặc khoanh tròn các yếu tố hình thức khác nhau trong văn bản như: tiêu đề chính được in đậm với cỡ chữ lớn, các tiêu đề phụ được in nghiêng hoặc gạch chân, những từ khóa quan trọng được tô màu, các hình ảnh minh họa đi kèm chú thích giải thích, biểu đồ thể hiện số liệu thống kê, bảng biểu so sánh thông tin, và các danh sách được đánh số hoặc đánh dấu đầu dòng.

Hoạt động 2: GV hướng dẫn HS thảo luận về tác dụng của từng yếu tố hình thức đã được xác định. Chẳng hạn, khi học Bài 29. Phim hoạt hình chú ốc sên bay, GV có thể gợi mở bằng câu hỏi: *“Tại sao tác giả lại in đậm cụm từ này?”*. Các em HS sẽ suy nghĩ và phân tích lý do tại sao các tác giả lựa chọn trình bày thông tin theo cách cụ thể, từ đó hiểu được mối liên hệ giữa hình thức và nội dung trong văn bản.

Hoạt động 3: Sau quá trình thảo luận và phân tích văn bản, HS được khuyến khích vận dụng tư duy tổng hợp bằng cách xây dựng sơ đồ tư duy hoặc sơ đồ tổng hợp nhằm hệ thống hóa các yếu tố hình thức đã nhận diện trong văn bản, đồng thời xác định rõ chức năng của từng yếu tố. Hoạt động này không chỉ giúp HS củng cố kiến thức đã học mà còn phát triển kỹ năng tổ chức thông tin, tư duy trực quan và khả năng trình bày logic. Thông qua việc trực quan hóa các thành phần hình thức và mối quan hệ chức năng của chúng, HS có cơ hội mở rộng khả năng tư duy phản biện, đồng thời hình thành kỹ năng học tập tích cực, chủ động trong việc tiếp cận và xử lý VBTT.

Bước 2. So sánh và đối chiếu các văn bản có yếu tố hình thức khác nhau

Ở bước này, GV chuẩn bị hai văn bản có cùng nội dung nhưng được trình bày với yếu tố hình thức khác nhau. Một văn bản được thể hiện dưới dạng văn bản thuần túy không có định dạng đặc biệt, một văn bản được trình bày với đầy đủ tiêu đề, phụ đề, hình ảnh minh họa. HS sẽ đọc cả hai văn bản và thực hiện các hoạt động sau:

Hoạt động 1: Đầu tiên, HS sẽ làm việc theo nhóm nhỏ 3-4 bạn để cùng đọc và so sánh hiệu quả truyền đạt thông tin của hai văn bản. Mỗi nhóm được phát một bảng so sánh với các tiêu chí như: thời gian cần thiết để nắm bắt thông tin chính, mức độ dễ hiểu của nội dung, khả năng ghi nhớ thông tin, và cảm nhận chủ quan về sự hấp dẫn của văn bản. HS trong nhóm thảo luận và điền vào bảng so sánh, đánh giá ưu điểm và hạn chế của mỗi cách trình bày văn bản, từ đó nhận ra tầm quan trọng của việc lựa chọn yếu tố hình thức phù hợp với mục đích và đối tượng của VBTT.

Hoạt động 2: Sau khi hoàn thành bảng so sánh, các nhóm sẽ lần lượt trình bày kết quả phân tích của mình trước lớp, giải thích lí do tại sao một cách trình bày cụ thể có thể hiệu quả hơn những cách khác trong việc truyền đạt thông tin. GV ghi nhận các ý kiến của HS lên bảng và tổng hợp thành những nhận xét quan trọng về mối quan hệ giữa hình thức và nội dung trong VBTT.

Bước 3. Thiết kế lại văn bản thông tin

GV hướng dẫn HS thiết kế lại văn bản đó để nâng cao hiệu quả truyền đạt thông tin. Bước này được thực hiện theo các hoạt động sau:

Hoạt động 1: HS đọc kỹ văn bản gốc và xác định những thông tin quan trọng cần được nhấn mạnh. HS sẽ sử dụng bút màu hoặc bút đánh dấu để đánh dấu những thông tin chính, những số liệu quan trọng, những khái niệm cần giải thích rõ ràng, và những mối quan hệ logic giữa các phần nội dung.

Hoạt động 2: Mỗi nhóm HS sẽ vẽ phác thảo cách trình bày lại văn bản, quyết định sử dụng những yếu tố hình thức nào và đặt chúng ở đâu trong văn bản. Ví dụ, các em có thể quyết định tạo một tiêu đề chính thu hút, chia nhỏ nội dung thành các phần với tiêu đề phụ rõ ràng, thêm hình ảnh minh họa cho những phần khó hiểu, và sử dụng các định dạng như in đậm, in nghiêng, tô màu để nhấn mạnh thông tin quan trọng.

Hoạt động 3: Dựa trên bản phác thảo, HS thực hiện thiết kế lại văn bản bằng cách sử dụng giấy màu, bút màu, hình ảnh cắt từ tạp chí hoặc vẽ tay, hoặc nếu có điều kiện, HS có thể sử dụng máy tính với các phần mềm đơn giản như Microsoft Word hoặc PowerPoint để tạo ra văn bản mới. GV khuyến khích HS sáng tạo trong việc sử dụng các yếu tố hình thức nhưng phải đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả trong việc truyền đạt thông tin.

Hoạt động 4: Khi hoàn thành, HS trưng bày sản phẩm của mình và tổ chức hoạt động “tham quan triển lãm” trong lớp. Mỗi HS sẽ được phát phiếu đánh giá

để ghi nhận và bình chọn cho những thiết kế hiệu quả nhất. Sau đó, cả lớp cùng thảo luận về những yếu tố hình thức nào đã được sử dụng hiệu quả và tại sao chúng giúp nâng cao chất lượng văn bản thông tin.

Bước 4. Tìm kiếm thông tin dựa vào yếu tố hình thức

Giáo viên chuẩn bị một VBTT dài và phức tạp (phù hợp với trình độ HS lớp 4, 5) có nhiều yếu tố hình thức đa dạng, sau đó tổ chức trò chơi tìm kiếm thông tin nhanh.

Giáo viên chia lớp thành các nhóm và đưa ra các câu hỏi liên quan đến nội dung văn bản. Thay vì đọc toàn bộ văn bản từ đầu đến cuối, học sinh được khuyến khích sử dụng các yếu tố hình thức như tiêu đề, mục lục, từ khóa được in đậm, hình ảnh và chú thích để nhanh chóng định vị thông tin cần tìm.

Mỗi câu hỏi được thiết kế để HS phải tận dụng một yếu tố hình thức cụ thể trong văn bản để tìm câu trả lời hiệu quả. Sau mỗi câu hỏi, GV không chỉ kiểm tra câu trả lời mà còn yêu cầu HS giải thích cách các em tìm thấy thông tin đó. HS sẽ mô tả chi tiết những yếu tố hình thức nào đã giúp các em định vị thông tin nhanh chóng.

2.2.3.4. Điều kiện thực hiện

Tài liệu và học liệu đa dạng: GV cần chuẩn bị một bộ sưu tập phong phú các VBTT thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có nhiều yếu tố hình thức đa dạng và phù hợp với lứa tuổi HS lớp 4, 5. Các tài liệu này có thể bao gồm sách giáo khoa, tạp chí thiếu nhi, báo chí, tờ rơi, poster, tài liệu hướng dẫn, và các VBTT số. Việc chuẩn bị đa dạng tài liệu sẽ giúp HS có cơ hội tiếp xúc với nhiều loại yếu tố hình thức khác nhau và hiểu được cách sử dụng chúng trong các ngữ cảnh khác nhau. GV có thể tận dụng các nguồn tài liệu sẵn có trong thư viện trường học, trang web giáo dục hoặc tự sưu tầm từ các nguồn khác nhau.

Thiết bị và công nghệ hỗ trợ: Việc sử dụng máy chiếu, máy tính, bảng tương tác thông minh hoặc các thiết bị điện tử khác sẽ giúp việc trình bày và phân tích các yếu tố hình thức trở nên sinh động và hấp dẫn hơn. Các phần mềm thiết kế đơn giản như PowerPoint, Canva hoặc các ứng dụng tạo poster có thể được sử dụng để hỗ trợ HS trong việc tạo lập lại VBTT.

Không gian học tập linh hoạt: Lớp học cần được tổ chức một cách linh hoạt để thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động nhóm, trò chơi tương tác và thuyết trình. Bàn ghế nên được sắp xếp sao cho dễ dàng di chuyển để phù hợp với từng hoạt động học tập cụ thể. Tường lớp học có thể được sử dụng để trưng bày các

sản phẩm của HS và các ví dụ về VBTT có nhiều yếu tố hình thức đa dạng.

Thời gian đầy đủ: Việc phát triển kỹ năng nhận biết và phân tích yếu tố hình thức đòi hỏi thời gian và sự kiên nhẫn. GV cần lập kế hoạch giảng dạy chi tiết với thời lượng phù hợp cho từng hoạt động, đồng thời đảm bảo có đủ thời gian để HS thực hành và củng cố kỹ năng. Lý tưởng nhất là việc giảng dạy nên được phân bổ thành nhiều buổi học liên tiếp, mỗi buổi tập trung vào một khía cạnh cụ thể của kỹ năng nhận biết và phân tích yếu tố hình thức.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa

Để làm rõ quy trình sử dụng biện pháp phát triển kỹ năng nhận biết các yếu tố hình thức và các tác dụng của yếu tố hình thức, đề tài vận dụng vào tiết dạy Bài 12 – Đọc: Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long (SGK Tiếng Việt 5 – tập 1, Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:



Hình 2.10. Trang sách Bài 12 – Đọc: Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long (SGK Tiếng Việt 5 – tập 1, Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1. Phân tích văn bản theo các yếu tố hình thức

GV chia nhóm, tổ chức cho HS quan sát văn bản trên màn hình chiếu hoặc bản in, từ đó yêu cầu HS sử dụng bút màu để khoanh tròn, gạch chân hoặc chú thích các yếu tố hình thức có trong văn bản. GV đặt câu hỏi, yêu cầu thảo luận nhóm để trả lời: “*Tiêu đề chính của bài đọc được trình bày như thế nào? Theo bạn, tiêu đề này có vai trò gì trong việc định hướng người đọc?*”, “*Bài đọc được chia thành mấy đoạn? Việc chia đoạn như vậy giúp ích gì cho người đọc khi tiếp cận văn bản?*”, “*Trong bài có sử dụng những từ ngữ hoặc tên gọi nào được xem là “từ khóa quan trọng? Những từ này có tác dụng gì?*”. HS trả lời được: “*Tiêu đề chính: được in đậm với cỡ chữ lớn, đặt ở đầu văn bản nhằm thu hút sự chú ý và định hướng chủ đề bài đọc.*”, “*Bài đọc được chia thành 4 đoạn, đoạn 1: Giới thiệu tổng quát (1 câu dẫn nhập + 1 câu mô tả khái quát), đoạn 2: Mô tả vị trí phân bố của các đảo (3 kiểu phân bố khác nhau), đoạn 3: Mô tả hình dáng cụ thể của từng đảo (dài nhất, chứa nhiều thông tin chi tiết), đoạn 4: Kết luận, tổng kết giá trị (ngắn gọn, 1 câu có tính khái quát)*”...

Sau khi HS thảo luận xong, GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả, HS trong lớp đưa ra nhận xét, góp ý. Cuối cùng, GV tổng hợp ý kiến, chốt lại câu trả lời.

Bước 2. So sánh và đối chiếu các văn bản có yếu tố hình thức khác nhau

GV chuẩn bị thêm 1 văn bản có nội dung tương tự VBTT “*Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long*” nhưng ở hình thức đơn giản, không có hình ảnh minh họa, không in đậm, không có yếu tố hình ảnh.

GV chia nhóm, yêu cầu HS đọc cả hai văn bản, thảo luận so sánh theo gợi ý sau: “*Em ấn tượng với văn bản nào hơn? Vì sao?*”, “*Sau khi đọc, văn bản nào khiến em nhớ nội dung tốt hơn? Vì sao?*”, “*Nêu cảm nhận của em về sự hấp dẫn của mỗi văn bản?*”

Sau khi thảo luận xong, các nhóm sẽ lần lượt trình bày kết quả phân tích của nhóm trước lớp. GV ghi nhận các ý kiến của HS và tổng hợp thành những nhận xét quan trọng về mối quan hệ giữa hình thức và nội dung trong VBTT.

Bước 3. Thiết kế lại văn bản thông tin

GV yêu cầu các nhóm đọc văn bản “*Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long*” thuần túy, sử dụng bút màu để đánh dấu những nội dung quan trọng, sau đó vẽ

sơ đồ tư duy thể hiện nội dung văn bản.

Sau khi hoàn thành, các nhóm sẽ trình bày sơ đồ tư duy, HS trong lớp nhận xét, nêu ý kiến cá nhân, thảo luận về những yếu tố hình thức nào đã được sử dụng hiệu quả và tại sao chúng giúp nâng cao chất lượng VBTT.

Bước 4. Tìm kiếm thông tin dựa vào yếu tố hình thức

GV tiếp tục sử dụng hình thức thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi tìm kiếm thông tin, trả lời các câu hỏi: *“Những hòn đảo trên Vịnh Hạ Long” gồm mấy đoạn? Việc chia đoạn như vậy giúp ích gì cho người đọc? “Trong bài có sử dụng tên riêng của các hòn đảo như “Hòn Gà Chọi”, “Hòn Con Cóc”... Việc đưa các tên cụ thể này có tác dụng gì về mặt hình thức và nội dung? “Nếu văn bản không chia đoạn rõ ràng và không sử dụng các hình ảnh gợi tả, em nghĩ người đọc sẽ gặp khó khăn gì?”*

Trong quá trình tổ chức hoạt động đọc hiểu VBTT, GV không chỉ dừng lại ở việc kiểm tra độ chính xác của câu trả lời từ phía HS, mà còn chú trọng đến việc yêu cầu HS giải thích quá trình tìm kiếm và xác định thông tin trong văn bản. Cụ thể, sau mỗi câu hỏi được đặt ra, HS được khuyến khích mô tả chi tiết cách thức các em định vị thông tin, xác định đoạn văn có liên quan và lựa chọn nội dung phù hợp để trả lời. Điểm nhấn trong hoạt động này là việc HS được hướng dẫn nhận diện và phân tích các yếu tố hình thức của văn bản – như tiêu đề phụ, đoạn văn được tách dòng, từ ngữ in đậm/in nghiêng, liệt kê theo gạch đầu dòng, sơ đồ hoặc hình ảnh minh họa – những yếu tố đóng vai trò như “tín hiệu thị giác” hỗ trợ việc xác định nhanh vị trí và nội dung thông tin cần thiết. Đây không chỉ là hoạt động kiểm tra kiến thức đơn thuần mà còn nhằm mục tiêu phát triển ở HS năng lực đọc hiểu có chiến lược, hướng tới việc xây dựng thói quen tư duy phản xạ trong quá trình tiếp cận VBTT.

2.2.4. Phát triển kỹ năng tóm tắt văn bản thông tin

2.2.4.1. Mục đích của biện pháp

Phát triển kỹ năng tóm tắt VBTT cho HS lớp 4, 5 không đơn thuần là việc rèn luyện một kỹ năng đơn lẻ mà còn là quá trình xây dựng nền tảng tư duy có hệ thống cho các em. Khi HS được trang bị kỹ năng này, các em sẽ phát triển khả năng tư duy phân tích, biết cách nhận diện và phân loại thông tin theo mức độ quan trọng, từ đó có thể chắt lọc những nội dung cốt lõi từ lượng thông tin đa dạng. Đây chính là tiền đề giúp HS hình thành phương pháp học tập chủ động,

biết cách tiếp cận kiến thức mới một cách có chiến lược và khoa học, không chỉ trong môn Tiếng Việt mà còn trong các môn học khác như Lịch sử, Địa lý, Khoa học tự nhiên - những môn học đòi hỏi khả năng xử lý lượng lớn thông tin. Kỹ năng tóm tắt còn là công cụ hữu ích giúp HS ghi nhớ bài vở lâu dài, tiết kiệm thời gian ôn tập và cải thiện kết quả học tập một cách đáng kể.

2.2.4.2. Nội dung của biện pháp

Biện pháp này được xây dựng dựa trên việc hình thành cho HS một quy trình tóm tắt văn bản có hệ thống, phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhận thức của lứa tuổi tiểu học cuối cấp. Trọng tâm của biện pháp là hướng dẫn HS tiếp cận VBTT theo nhiều cấp độ: từ việc nhận diện cấu trúc tổng thể của văn bản, đến phân tích nội dung chi tiết của từng phần, và cuối cùng là tổng hợp, chọn lọc thông tin để tạo ra bản tóm tắt ngắn gọn, đầy đủ ý. Quy trình này không chỉ giúp HS nắm bắt được thông tin cốt lõi mà còn giúp các em hiểu được mối liên hệ logic giữa các thành phần trong văn bản, từ đó có khả năng diễn đạt lại nội dung bằng ngôn ngữ riêng của mình một cách mạch lạc và có tính hệ thống.

2.2.4.3. Cách thức thực hiện

Để phát triển kỹ năng tóm tắt VBTT cho HS lớp 4, 5 một cách hiệu quả, giáo viên cần triển khai quá trình dạy học theo các bước sau:

Bước 1. Khởi động và làm quen với văn bản thông tin

Giáo viên cần lựa chọn những VBTT phù hợp với tâm lý, lứa tuổi và khả năng tiếp nhận của HS lớp 4, 5, ưu tiên những chủ đề gần gũi với cuộc sống như động vật, thực vật, hiện tượng tự nhiên hay các phát minh khoa học đơn giản. Trước khi HS bắt đầu đọc, GV nên tạo không khí học tập thoải mái bằng cách đặt câu hỏi gợi mở, kích thích sự tò mò của các em về nội dung sắp được tìm hiểu. GV có thể yêu cầu HS dự đoán nội dung văn bản dựa vào nhan đề, hình ảnh minh họa hoặc các từ khóa được cung cấp trước, từ đó tạo ra sự kết nối giữa kiến thức nền và thông tin mới trong văn bản.

Ví dụ, khi dạy Bài 29. Lễ hội ở Nhật Bản trang 127 SGK Tiếng Việt lớp 4 tập 2, GV có thể đặt câu gợi mở: “*Em đã tham gia lễ hội ở làng/xã bao giờ chưa? Đó là lễ hội gì?*”, “*Em hãy kể khái quát về lễ hội mà em tham gia.*”

Bước 2. Đọc lướt và nắm bắt cấu trúc tổng thể của VBTT

Trong bước này, GV yêu cầu HS đọc lướt toàn bộ văn bản trong khoảng 2-3 phút (tùy theo độ dài của văn bản), tập trung vào việc nhận diện các thành

phần cơ bản như: nhan đề, tiêu đề các phần, câu đầu tiên và câu cuối cùng của mỗi đoạn, các từ được in đậm hoặc in nghiêng, và các hình ảnh, biểu đồ kèm theo (nếu có). Sau khi đọc lướt, giáo viên có thể đặt một số câu hỏi đơn giản như: “*Văn bản này nói về đề tài gì?*”, “*Văn bản được chia thành mấy phần chính?*”, “*Em có thể dự đoán nội dung chính của từng phần không?*” để kiểm tra mức độ nắm bắt thông tin ban đầu của HS.

Bước 3. Hướng dẫn HS đọc kỹ và xác định thông tin quan trọng trong từng phần của văn bản

Sau khi có cái nhìn tổng quan về văn bản, HS được hướng dẫn đọc kỹ từng phần một. Đối với mỗi đoạn văn, GV cần hướng dẫn HS xác định câu chủ đề và các thông tin bổ sung, minh họa. GV có thể sử dụng các biện pháp trực quan như gạch chân, đánh dấu hoặc tô màu để HS dễ dàng phân biệt ý chính và ý phụ. Đặc biệt, GV cần lưu ý HS về vị trí thường gặp của câu chủ đề trong đoạn văn thông tin, chẳng hạn như ở đầu đoạn (nêu vấn đề), ở cuối đoạn (kết luận), hoặc cả ở đầu và cuối đoạn (nêu vấn đề và kết luận).

Bước 4. Hướng dẫn HS ghi chú những từ khóa và ý chính của văn bản

Sau khi đã xác định được thông tin quan trọng, HS được hướng dẫn cách ghi chú lại các từ khóa và ý chính. GV có thể giới thiệu cho HS nhiều phương pháp ghi chú khác nhau như: viết theo dạng gạch đầu dòng, vẽ sơ đồ tư duy, lập bảng so sánh hoặc sử dụng các ký hiệu đơn giản. Điều quan trọng là HS cần hiểu rằng việc ghi chú không phải là chép lại nguyên văn câu từ trong bài, mà là cách để ghi lại những thông tin cốt lõi bằng các từ ngữ ngắn gọn, dễ nhớ.

Bước 5. Hướng dẫn HS tổ chức lại thông tin đã ghi chú thành bản tóm tắt hoàn chỉnh

Dựa trên những ghi chú đã thực hiện, HS sẽ được hướng dẫn cách tổ chức lại thông tin theo một trình tự logic để tạo thành bản tóm tắt hoàn chỉnh. GV cần nhấn mạnh rằng bản tóm tắt cần đảm bảo ba yếu tố: ngắn gọn (không quá 1/3 độ dài của văn bản gốc), đầy đủ ý chính, và diễn đạt bằng ngôn ngữ riêng của HS (không chép lại nguyên văn). Để giúp HS thực hiện tốt bước này, GV có thể cung cấp một số cấu trúc câu, từ nối thông dụng để HS sử dụng khi kết nối các ý trong bản tóm tắt của mình.

Bước 6. Tổ chức cho HS trình bày và đánh giá bản tóm tắt

Sau khi hoàn thành bản tóm tắt, HS được khuyến khích chia sẻ sản phẩm

của mình trước lớp hoặc trong nhóm nhỏ. GV hướng dẫn các em nhận xét, đánh giá bản tóm tắt của nhau dựa trên các tiêu chí như: độ đầy đủ của thông tin, tính ngắn gọn, mạch lạc trong diễn đạt, và mức độ trung thành với nội dung gốc. Thông qua việc lắng nghe và so sánh các bản tóm tắt khác nhau, HS sẽ rút ra được những bài học kinh nghiệm để cải thiện kỹ năng của mình.

2.2.4.4. Điều kiện thực hiện

Có năng lực lựa chọn văn bản phù hợp với trình độ HS, đảm bảo có bố cục rõ ràng và nội dung thông tin cụ thể. Thành thạo trong việc thiết kế câu hỏi dẫn dắt và xây dựng tiêu chí đánh giá bản tóm tắt. Biết sử dụng các công cụ trực quan (bảng biểu, sơ đồ, khung gợi ý) để hỗ trợ HS trong quá trình tóm tắt.

Có khả năng đọc hiểu văn bản ở mức cơ bản: xác định được ý chính, hiểu nội dung đoạn văn. Biết cách ghi chép nhanh ý chính và diễn đạt lại bằng lời của mình. Có kỹ năng làm việc cá nhân và hợp tác nhóm để luyện tập và chỉnh sửa sản phẩm học tập.

Lớp học cần có thời gian đủ để HS luyện tập từng bước. Có tài liệu học tập và phương tiện hỗ trợ như giấy ghi chú, bảng phụ, hoặc phiếu học tập. Môi trường học tập khuyến khích HS tự trình bày, sửa lỗi và phát triển tư duy khái quát.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

Để làm rõ quy trình sử dụng biện pháp phát triển kỹ năng tóm tắt văn bản thông tin, đề tài vận dụng vào tiết dạy Bài 29 – Đọc: Lễ hội ở Nhật Bản (SGK Tiếng Việt 4 – tập 2, Bộ sách KNTTVCS) cụ thể như sau:

ĐỌC



Chia sẻ cùng bạn: Em biết gì về đất nước Nhật Bản?



LỄ HỘI Ở NHẬT BẢN



Lễ hội Hoa anh đào được xem là lễ hội lớn, lâu đời nhất tại Nhật Bản. Hàng năm, vào mùa xuân, hoa anh đào trên cả nước bắt đầu nở rộ. Mọi người ngồi dưới gốc anh đào ngắm hoa, cùng liên hoan, cùng hát hò, nhảy múa,... Đất nước Nhật Bản rất tự hào khi được mệnh danh là “xứ sở hoa anh đào”.



Lễ hội Búp bê (ngày 03 tháng 3) là ngày để các gia đình Nhật Bản cầu may mắn và sức khỏe cho các bé gái. Vào ngày này, người ta trưng bày nhiều búp bê Hi-na trong căn phòng đẹp nhất của gia đình. Họ quây quần bên nhau, ăn cơm đậu đỏ, bánh hi-si-mô-chi.

Tết Thiếu nhi (ngày 05 tháng 5) đã trở thành ngày nghỉ lễ toàn quốc của người dân Nhật Bản. Thực ra, tết Thiếu nhi chỉ dành cho các bé trai. Trên nóc nhà, mỗi gia đình thường treo những dải cờ hình cá chép sặc sỡ, nhiều màu để thể hiện ước mong về sức khỏe và sự thành công cho các bé.

(Theo Bùi Văn Hoà)



Từ ngữ

- *Búp bê Hi-na*: búp bê dùng trong lễ hội, được làm bằng gỗ hoặc vải dẹt rơm có trang phục gồm nhiều lớp cầu kỳ.
- *Bánh hi-si-mô-chi*: bánh làm từ gạo nếp, dẻo thơm và rất mềm.



- Ở Nhật Bản, lễ hội nào được xem là lớn nhất, lâu đời nhất?
- Có những hoạt động gì trong lễ hội lớn nhất, lâu đời nhất đó?
- Lễ hội Búp bê và tết Thiếu nhi ở Nhật Bản có những điểm gì khác nhau?

Lễ hội dành cho ai?

Lễ hội được tổ chức vào thời gian nào?

Lễ hội có ý nghĩa gì?

Có hoạt động nào trong lễ hội?

- Trong những lễ hội được nói đến ở bài đọc, em thích lễ hội nào nhất? Vì sao?

- Ở Việt Nam có những ngày lễ, ngày tết nào dành cho trẻ em? Hãy kể lại một số hoạt động được trẻ em yêu thích trong những ngày lễ, ngày tết đó.

Hình 2.11. Trang sách Bài 29 – Đọc: Lễ hội ở Nhật Bản (SGK Tiếng Việt 4 – tập 2, Bộ sách KNTTVCS)

Bước 1. Khởi động và làm quen với văn bản thông tin

- Kích thích tò mò: Có thể đặt câu hỏi gợi mở như “Các em đã tham gia lễ hội nào ở địa phương chưa? Đó là lễ hội gì?” hoặc “Em hãy kể khái quát về lễ hội em tham gia”

- Dự đoán nội dung: Từ tiêu đề “Lễ hội ở Nhật Bản”, HS có thể dự đoán văn bản sẽ giới thiệu về các ngày lễ đặc trưng của người Nhật.

Bước 2. Đọc lướt và nắm bắt cấu trúc tổng thể

- Thành phần cơ bản:

+ Nhan đề: “Lễ hội ở Nhật Bản”

+ Văn bản gồm 3 đoạn, mỗi đoạn giới thiệu về một lễ hội khác nhau

+ Tác giả: “Bùi Văn Hoà”

- Câu hỏi kiểm tra: “Bài đọc này nói về chủ đề gì?” (Các lễ hội truyền thống của Nhật Bản), “Bài được chia thành mấy phần chính?” (3 phần, mỗi phần giới thiệu một lễ hội)

Bước 3. Đọc kỹ và xác định thông tin quan trọng

- Đoạn 1:

+ Câu chủ đề: “Lễ hội Hoa anh đào được xem là lễ hội lớn, lâu đời nhất tại Nhật Bản.”

+ Thông tin bổ sung: Diễn ra vào mùa xuân, mọi người ngồi dưới gốc anh đào, ngắm hoa, liên hoan, hát hò, Nhật Bản được mệnh danh “xứ sở hoa anh đào”

- Đoạn 2:

+ Câu chủ đề: “Lễ hội Búp bê (ngày 03 tháng 3) là ngày để các gia đình Nhật Bản cầu may mắn và sức khỏe cho các bé gái.”

+ Thông tin bổ sung: Trưng bày búp bê Hi-na, quây quần ăn cơm đậu đỏ và bánh hi-si-mô-chi

- Đoạn 3:

+ Câu chủ đề: “Tết Thiếu nhi (ngày 05 tháng 5) đã trở thành ngày nghỉ lễ toàn quốc của người dân Nhật Bản.”

+ Thông tin bổ sung: Chỉ dành cho bé trai, treo đèn lồng cá chép và dải cờ hình cá chép trên nóc nhà, thể hiện sức mạnh và ý chí kiên cường

Bước 4. Ghi chú từ khóa và ý chính

- Lễ hội Hoa anh đào:

- + Lễ hội lớn nhất, lâu đời nhất
- + Mùa xuân
- + Ngắm hoa, liên hoan, hát hò
- + “Xứ sở hoa anh đào”

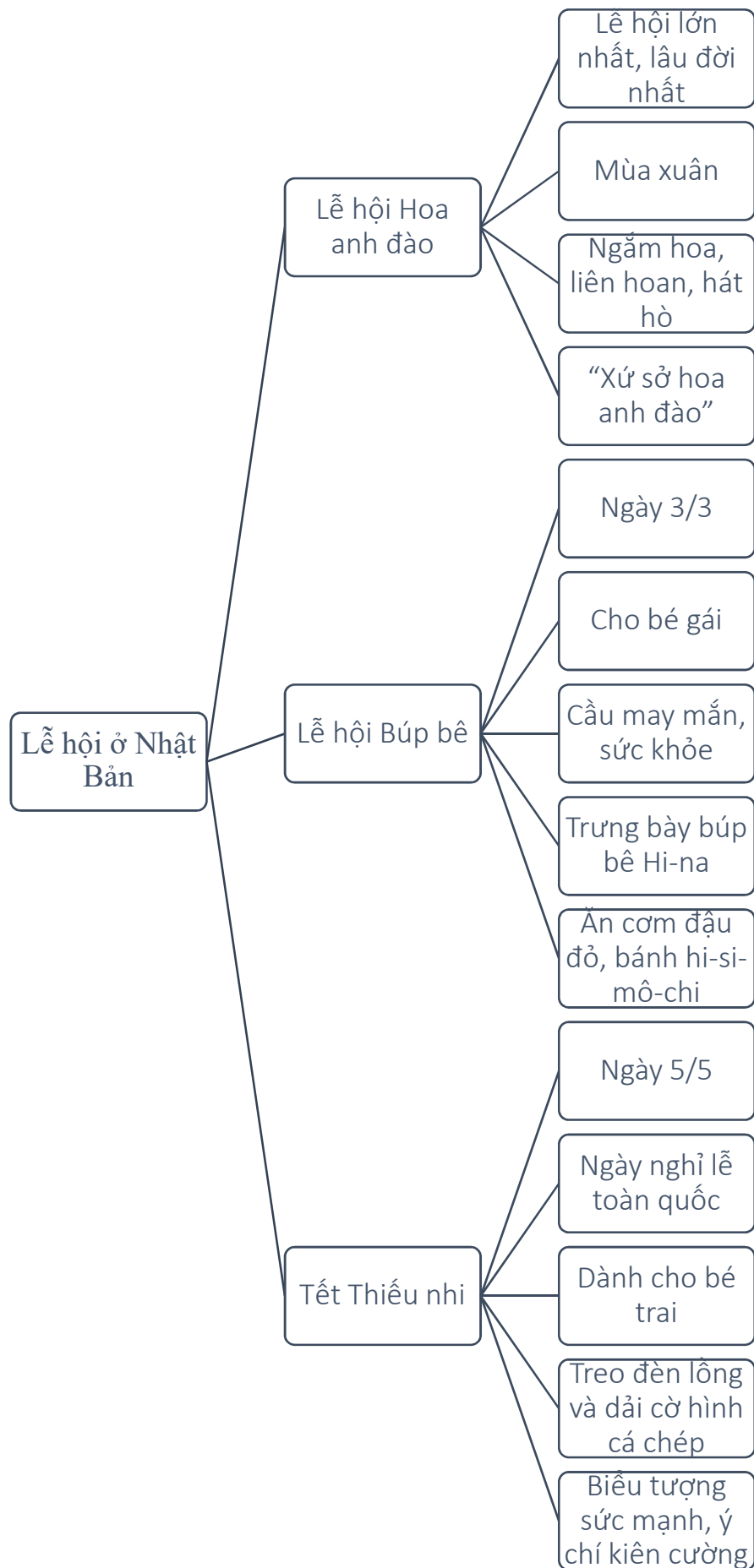
- Lễ hội Búp bê:

- + Ngày 3/3
- + Cho bé gái
- + Cầu may mắn, sức khỏe
- + Trưng bày búp bê Hi-na
- + Ăn cơm đậu đỏ, bánh hi-si-mô-chi

- Tết Thiếu nhi:

- + Ngày 5/5
- + Ngày nghỉ lễ toàn quốc
- + Dành cho bé trai
- + Treo đèn lồng và dải cờ hình cá chép
- + Biểu tượng sức mạnh, ý chí kiên cường

HS thể hiện dưới dạng sơ đồ tư duy :



Sơ đồ 2.5. Sơ đồ bài “Lễ hội ở Nhật Bản”

Bước 5. Tổ chức thông tin thành bản tóm tắt

Bản tóm tắt có thể như sau:

“Nhật Bản có ba lễ hội truyền thống đặc sắc. Lễ hội Hoa anh đào là lễ hội lớn và lâu đời nhất, diễn ra vào mùa xuân khi hoa nở rộ khắp nước, mọi người tụ họp dưới gốc anh đào để ngắm hoa và liên hoan. Lễ hội Búp bê diễn ra ngày 3 tháng 3, dành cho các bé gái với việc trưng bày búp bê Hi-na và thưởng thức những món ăn truyền thống. Tết Thiếu nhi vào ngày 5 tháng 5 là ngày nghỉ lễ toàn quốc, chủ yếu dành cho bé trai, với biểu tượng cá chép thể hiện sức mạnh và ý chí kiên cường.”

Bước 6. Trình bày và đánh giá bản tóm tắt

Sau khi HS thảo luận xong phần tóm tắt, GV yêu cầu HS kết quả thảo luận. GV đánh giá bản tóm tắt trên theo các tiêu chí:

- Độ đầy đủ thông tin: Tóm tắt đã đề cập đến cả ba lễ hội chính và đặc điểm nổi bật của mỗi lễ hội.
- Tính ngắn gọn: Bản tóm tắt đã rút gọn từ 3 đoạn văn xuống còn khoảng 1/3 độ dài.
- Sự mạch lạc: Các ý được trình bày theo trình tự logic, từ lễ hội lớn nhất đến các lễ hội còn lại, duy trì thứ tự như văn bản gốc.
- Trung thành với nội dung gốc: Tóm tắt giữ được những thông tin cốt lõi về thời gian, đối tượng và hoạt động chính của từng lễ hội.

HS có thể trình bày bản tóm tắt này và nhận phản hồi từ bạn bè, giáo viên để hoàn thiện kỹ năng tóm tắt văn bản thông tin.

2.2.5. Phát triển kĩ năng liên hệ, so sánh, kết nối

2.2.5.1. Mục đích biện pháp

Biện pháp nhằm giúp hs tiểu học phát triển những khả năng tư duy trong quá trình đọc hiểu, đặc biệt là tạo mối quan hệ giữa kiến thức có sẵn với thông tin mới, phát hiện những đặc điểm tương đồng và khác biệt giữa các nội dung, góp phần làm phong phú vốn hiểu biết của các em. Hơn thế nữa, việc rèn luyện kĩ năng liên hệ, so sánh, kết nối sẽ giúp HS lớp 4, 5 hình thành thói quen phân tích đa chiều, từ đó nâng cao khả năng đọc hiểu sâu VBTT, phát triển tư duy phản biện và tư duy sáng tạo ngay từ những năm cuối cấp tiểu học.

2.2.5.2. Nội dung biện pháp

Nội dung trọng tâm của biện pháp bao gồm việc hướng dẫn HS thực hiện những hoạt động sau trong quá trình đọc hiểu VBTT:

- Liên hệ nội dung văn bản với kiến thức, kinh nghiệm cá nhân của bản thân.
- Tìm ra mối liên hệ giữa thông tin trong văn bản với những hiểu biết từ các lĩnh vực khác.
- So sánh các thông tin trong cùng một văn bản hoặc giữa các văn bản khác nhau.
- Phân tích điểm giống và khác nhau giữa các đối tượng, hiện tượng được đề cập trong văn bản.
- Kết nối thông tin từ văn bản với thực tiễn cuộc sống hàng ngày.
- Xây dựng mạng lưới kiến thức liên môn dựa trên nội dung văn bản đọc.

2.2.5.3. Cách thức thực hiện

Bước 1. Sử dụng sơ đồ tư duy và bảng so sánh

GV hướng dẫn HS xây dựng những sơ đồ tư duy đa nhánh nhằm thiết lập những mối liên hệ giữa thông tin chính trong văn bản với những kiến thức liên quan mà các em đã được học trước đó hoặc từng trải nghiệm trong cuộc sống thường ngày. Ví dụ, khi học bài về “Bài 12: Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long”, HS có thể vẽ sơ đồ liên hệ với những hiểu biết về đảo tiêu biểu trên Vịnh.

GV cung cấp những mẫu bảng so sánh chi tiết để HS ghi chép và phân tích những điểm tương đồng cũng như khác biệt giữa các đối tượng trong văn bản.

Bước 2. Áp dụng phương pháp đọc tương tác liên hệ với bản thân, liên hệ với văn bản khác, liên hệ với thế giới.

GV tổ chức cho HS thực hành phương pháp đọc tương tác thông qua ba mối liên hệ cơ bản:

- Liên hệ văn bản với bản thân: Sau khi đọc một đoạn văn bản về Vịnh Hạ Long, HS được khuyến khích viết ra những trải nghiệm cá nhân liên quan đến bảo vệ di sản thiên nhiên mà các em từng tham gia tại gia đình, trường học hay địa phương.
- Liên hệ văn bản với văn bản khác: GV cho HS đọc nhiều văn bản cùng chủ đề.

- Liên hệ văn bản với thế giới: HS được khuyến khích tìm ra mối liên hệ giữa nội dung đọc với những vấn đề xã hội rộng lớn hơn.

Bước 3. Tổ chức hoạt động nhóm thảo luận và chia sẻ

GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm nhỏ 4-5 em sau khi đọc văn bản. Mỗi nhóm được giao nhiệm vụ thảo luận về những liên hệ, so sánh và kết nối khác nhau từ nội dung đọc. Sau đó, đại diện các nhóm lên trình bày kết quả thảo luận trước toàn lớp. Hoạt động thảo luận nhóm giúp HS tiếp cận vấn đề từ nhiều góc nhìn đa dạng, phát hiện những mối liên hệ mà bản thân chưa nghĩ tới.

Bước 4. Ứng dụng kỹ thuật đặt câu hỏi định hướng

GV chuẩn bị những câu hỏi mở nhằm hướng dẫn HS thiết lập mối liên hệ và so sánh trong quá trình đọc hiểu. Những câu hỏi nên được thiết kế theo cấp độ tư duy từ thấp đến cao, giúp HS từng bước phát triển khả năng phân tích và tổng hợp thông tin.

2.2.5.4. Điều kiện thực hiện

GV cần có kiến thức vững về văn bản học và năng lực thiết kế hệ thống câu hỏi tư duy bậc cao. Biết cách linh hoạt điều chỉnh hoạt động học tập phù hợp với trình độ và nền tảng của HS. Có khả năng tổ chức lớp học theo hình thức tương tác, khuyến khích thảo luận, tranh luận học thuật ở mức độ phù hợp với lứa tuổi.

HS đã có kỹ năng đọc hiểu cơ bản, có thể nắm được nội dung chính của văn bản. Có vốn trải nghiệm thực tế hoặc đã từng đọc các văn bản khác để có thể hình thành mối liên hệ, so sánh. Biết cách làm việc nhóm, trình bày ý kiến cá nhân và tôn trọng ý kiến người khác.

Thời gian dạy học đủ linh hoạt để lồng ghép hoạt động liên hệ – kết nối. Có thể sử dụng đồ dùng trực quan, sơ đồ, bảng biểu để hỗ trợ hoạt động so sánh. Có tài liệu hoặc văn bản bổ sung (nếu cần) để HS có cơ sở thực hành kỹ năng kết nối liên văn bản.

2.2.5.5. Ví dụ minh họa

Để làm rõ quy trình sử dụng biện pháp phát triển kỹ năng liên hệ, so sánh, kết nối, đề tài vận dụng vào tiết dạy Bài 30 – Đọc : Thành phố thông minh Mát-xcơ (SGK Tiếng Việt lớp 5 tập 2 – Bộ KNTTVCS) cụ thể như sau:



Để đối phó với tình trạng nóng lên do biến đổi khí hậu, ở Mát-xđa, các tòa nhà được thiết kế chụm lại với nhau, có lối đi ở giữa, giúp không khí lưu thông được dễ dàng và giúp giảm nhiệt độ mùa hè. Ngoài ra, một tháp gió được xây dựng nhằm lấy dòng không khí trên cao, mang làn gió mát mẽ vào thành phố, cũng góp phần làm giảm đáng kể nhiệt độ nơi đây so với vùng sa mạc ở xung quanh.

Các công viên và khu thương mại ở Mát-xđa được xây dựng theo mô hình khu vườn Ả Rập truyền thống, ngập tràn màu xanh, giúp giảm tối đa lượng khí thải. Chính quyền thành phố cũng khuyến khích người dân đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng các phương tiện giao thông công cộng chạy bằng điện năng lượng mặt trời để bảo vệ môi trường.

Việc xây dựng thành công thành phố thông minh Mát-xđa đã truyền cảm hứng cho một số dự án phát triển nhà ở Anh, Bồ Đào Nha,... Đây sẽ là những đô thị sinh thái tiếp theo giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

(Lâm Anh tổng hợp)

Từ ngữ

- Ốc đảo: khoảng đất có nước và cây cối giữa sa mạc.
- Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất: quốc gia Tây Á nằm ở phía đông nam bán đảo Ả Rập, bên vịnh Ba Tư.



1. Tìm trong bài đọc một số thông tin về dự án “Thành phố thông minh Mát-xđa”.

Địa điểm đặt dự án

Thời gian khởi công dự án

Mục đích của dự án



2. Thành phố Mát-xđa được thiết kế như thế nào để có thể tự vận hành bằng việc sử dụng điện năng lượng mặt trời?
3. Vì sao thành phố Mát-xđa có thể đối phó với tình trạng nóng lên do biến đổi khí hậu?
4. Những chi tiết nào trong bài cho thấy thành phố Mát-xđa giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường?
5. Câu “Việc xây dựng thành công thành phố thông minh Mát-xđa đã truyền cảm hứng cho một số dự án phát triển nhà ở Anh, Bồ Đào Nha,...” gợi cho em suy nghĩ gì?

Hình 2.12. Trang sách Bài 30 – Đọc : Thành phố thông minh Mát-xđa SGK Tiếng Việt lớp 5 tập 2 (Bộ KNTTVCS)

Bước 1. Sử dụng sơ đồ tư duy và bảng so sánh

GV yêu cầu HS xây dựng sơ đồ tư duy của văn bản “Thành phố thông minh Mát-xđa” hoặc tạo bảng so sánh các đặc điểm nổi bật của Thành phố thông minh Mát-xđa và thành phố bình thường khác

Bảng 2.1. Bảng so sánh đặc điểm nổi bật của Thành phố thông minh Mát-xđa

Tiêu chí	Thành phố thông minh Mát-xđa	Thành phố thông thường
Nguồn năng lượng	Năng lượng mặt trời từ ô hình hoa hướng dương	Chủ yếu dựa vào nhiên liệu hóa thạch (dầu, than, khí đốt)
Kiến trúc	- Tòa nhà chụm tạo lối đi giữa - Tháp gió lấy không khí từ trên cao - Thiết kế hướng đến tối	- Thiết kế thông thường không chú trọng yếu tố khí hậu - Tòa nhà riêng lẻ - Phụ thuộc nhiều vào điều

	ưu nhiệt độ	hòa nhân tạo
Giải pháp làm mát	- Tháp gió tự nhiên - Lối đi giữa các tòa nhà tạo luồng không khí - Che nắng bằng ô hướng dương	- Hệ thống điều hòa không khí tiêu thụ nhiều điện - Các giải pháp làm mát nhân tạo tốn năng lượng
Nhiệt độ	Mát hơn đáng kể so với vùng sa mạc xung quanh	Hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, nóng hơn vùng ngoại ô
Giao thông	- Đi bộ - Xe đạp - Phương tiện điện sử dụng năng lượng mặt trời	- Xe ô tô cá nhân - Phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch - Gây tắc nghẽn và ô nhiễm không khí
Lượng khí thải	Không các-bô-níc (zero carbon)	Phát thải CO ₂ cao từ giao thông, điện năng và sưởi ấm/làm mát
Không gian xanh	- Mô hình vườn ươm truyền thống - Công viên ngập tràn cây xanh - Khu thương mại xanh	- Không gian xanh hạn chế - Nhiều bề mặt bê tông, đường nhựa - Thiếu cây xanh
Tác động môi trường	- Giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tiêu cực - Hòa hợp với thiên nhiên - Bảo vệ môi trường	- Tác động lớn đến môi trường - Gây ô nhiễm không khí, nước - Tạo ra lượng rác thải lớn
Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Được thiết kế để ứng phó với tình trạng nóng lên toàn cầu	Dễ bị tổn thương trước biến đổi khí hậu
Tầm nhìn phát triển	Bền vững, dài hạn, bảo vệ tương lai	Ngắn hạn, ưu tiên phát triển kinh tế trước môi trường

Bước 2. Áp dụng phương pháp đọc tương tác

*Liên hệ văn bản với bản thân:

Câu hỏi gợi mở:

- Em đã từng đến thăm thành phố nào có điều kiện khí hậu khắc nghiệt như sa mạc chưa? Cảm nhận của em khi ở đó?

- Em đã từng sử dụng hoặc nhìn thấy thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời chưa?

- Em có cảm nghĩ gì nếu được sống trong thành phố thông minh như Mát-xcơ?

* Liên hệ văn bản với văn bản:

- So sánh “Thành phố Mát-xcơ” với “Kì diệu rừng xanh”: cả hai đều mô tả không gian đặc biệt (Thành phố - nơi sinh sống của con người, rừng – nơi sinh sống của các loài thực vật, động vật)

- So sánh với các văn bản khác về đô thị sinh thái, thành phố xanh mà em đã đọc

*Liên hệ văn bản với thế giới:

Thảo luận về:

- Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu và vai trò của các thành phố thông minh
- Tầm quan trọng của việc sử dụng năng lượng tái tạo
- Xu hướng phát triển đô thị bền vững trên thế giới
- Thách thức của việc xây dựng đô thị xanh trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt

Bước 3. Tổ chức hoạt động nhóm thảo luận và chia sẻ

GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận, làm nhiệm vụ khi về nhà :

Nhóm 1: Công nghệ năng lượng mặt trời - tìm hiểu về những chiếc ô hình hoa hướng dương, cách thức hoạt động, ứng dụng của năng lượng mặt trời trong đời sống.

Nhóm 2: Kiến trúc bền vững - nghiên cứu về thiết kế tòa nhà chum, tháp gió và ảnh hưởng của chúng đến nhiệt độ và khí hậu thành phố.

Nhóm 3: Không gian xanh đô thị - tìm hiểu về mô hình vườn Ắ Rập truyền thống, cách thức tạo không gian xanh trong đô thị sa mạc.

Nhóm 4: Giao thông bền vững - phân tích các phương tiện giao thông công cộng chạy bằng điện năng lượng mặt trời, lợi ích của việc đi bộ và đi xe đạp.

Bước 4. Ứng dụng kỹ thuật đặt câu hỏi định hướng

- Tại sao các tòa nhà ở Mát-xcơ được thiết kế chum lại

- So sánh cách giải quyết vấn đề khí hậu khắc nghiệt ở Mát-xcơ-vơ với những giải pháp thông thường ở các thành phố khác.

Để các biện pháp này được sử dụng một cách hiệu quả, người GV cần biết cách kết hợp rèn luyện kỹ năng đọc hiểu VBTT trong giờ dạy đọc hiểu và trong các giờ dạy khác có ngữ liệu là VBTT

Kết luận chương 2

Chương 2 đã trình bày một cách hệ thống về các nguyên tắc xây dựng và biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5. Những nội dung được nghiên cứu trong chương này dựa trên cơ sở lý luận về đặc điểm tâm lý nhận thức của HS tiểu học, yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT mới, nguyên tắc xây dựng VBTT.

Nghiên cứu đã đề xuất năm biện pháp chính để nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5, cụ thể: Thứ nhất, phát triển kỹ năng nhận biết mục đích của VBTT - giúp HS hiểu được tại sao văn bản được viết và thông tin nào cần được chú ý. Biện pháp này tạo nền tảng quan trọng cho việc tiếp cận văn bản một cách có mục đích và định hướng. Thứ hai, phát triển kỹ năng tìm hiểu ý và xác định chi tiết quan trọng trong VBTT - giúp HS biết cách phân biệt thông tin chính và thông tin phụ, từ đó nắm bắt được nội dung cốt lõi của văn bản. Thứ ba, phát triển kỹ năng nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của các yếu tố hình thức - giúp HS hiểu được cách thức tổ chức và trình bày VBTT như tiêu đề, đoạn văn, sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu và cách thức khai thác hiệu quả các yếu tố này. Thứ tư, phát triển kỹ năng tóm tắt VBTT - giúp HS rèn luyện khả năng tổng hợp, khái quát hóa thông tin và diễn đạt lại bằng ngôn ngữ của riêng mình, một kỹ năng quan trọng trong đọc hiểu trong học tập nói chung. Thứ năm, phát triển kỹ năng liên hệ, so sánh, kết nối - giúp HS biết cách kết nối kiến thức mới với kiến thức đã có, liên hệ thông tin trong văn bản với thực tiễn, và so sánh các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, từ đó hình thành tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề.

Mỗi biện pháp đều được phân tích cụ thể về mục tiêu, nội dung, quy trình thực hiện và minh họa bằng các ví dụ thực tế áp dụng trong dạy học. Các biện pháp này không tách rời mà có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau, tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh nhằm nâng cao toàn diện năng lực đọc hiểu VBTT cho HS. Áp dụng đồng bộ các biện pháp này trong quá trình dạy học sẽ không chỉ giúp HS nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT mà còn phát triển tư duy, khả năng tự học và kỹ năng học tập suốt đời - những phẩm chất và năng lực cốt lõi được đề cao trong chương trình GDPT mới

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong toàn bộ nghiên cứu này, chúng tôi đã trình bày một cách cơ bản những vấn đề liên quan đến VBTT và dạy học đọc hiểu VB. Qua đó, tiến hành nghiên cứu và đề xuất nhóm biện pháp hướng dẫn đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5. Từ đó, tiến hành thực nghiệm sư phạm và kết quả đạt được khá khả quan, đó là minh chứng thực tiễn nhất cho đề tài của chúng tôi. Từ kết quả nghiên cứu thu được, có thể rút ra một số kết luận như sau:

1.1. VBTT là một khái niệm mới trong Chương trình Ngữ văn 2018, sự xuất hiện của kiểu văn bản này đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thực tế đời sống và đưa môn Tiếng Việt trở nên gần gũi hơn.

1.2. Môn Tiếng Việt là một môn học có những đặc thù riêng, đòi hỏi nhiều ở năng lực tự học, tìm kiếm thông tin của HS. Vì vậy, phát triển năng lực đọc hiểu VBTT trong môn Tiếng Việt là rất cần thiết. Trong quá trình dạy học cần phát triển những kỹ năng cơ bản cho HS (Đọc - Viết - Nghe và Nói).

1.3. Để việc đọc hiểu VBTT trở nên hiệu quả phụ thuộc ở sự tích cực, chủ động, sáng tạo, sự hợp tác giữa GV và HS, trong đó GV đóng vai trò: tổ chức, hướng dẫn, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học khác nhau, giúp HS có hứng thú, thu hút HS vào bài học,... HS đóng vai trò: tham gia các hoạt động GV tổ chức, tích cực tham gia xây dựng bài,...

1.4. Trong nghiên cứu này chúng tôi đã đề xuất 05 biện pháp dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 theo Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018.

2. Kiến nghị

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu và thực tế giảng dạy để nâng cao năng lực đọc hiểu VBTT, chất lượng dạy và học môn Tiếng Việt, chúng tôi mạnh dạn đưa ra một số khuyến nghị như sau:

- Về phía GV

Để thực hiện có hiệu quả các biện pháp rèn luyện kỹ năng đọc hiểu VBTT môn Tiếng Việt, GV cần không ngừng nâng cao chuyên môn, nắm chắc lí luận, phương pháp dạy học bộ môn và vận dụng linh hoạt vào thực tế giảng dạy.

Ngoài ra, GV cần có sự đầu tư thời gian, công sức, đổi mới phương pháp dạy học, có những biện pháp hợp lý tùy thuộc vào thực tế nhà trường để có thể áp dụng những đề xuất dạy học một cách hợp lý.

- Về phía HS

HS cần nhận thức đúng và đầy đủ tầm quan trọng của việc đọc hiểu VB. Có ý thức thực hiện việc tự học một cách chủ động, sáng tạo, có hiệu quả.

Thực hiện rèn luyện kỹ năng đọc hiểu theo hướng dẫn, giám sát của GV một cách tích cực. Thường xuyên trao đổi, góp ý với GV về nội dung, biện pháp học tập.

- Về phía nhà trường

Nhà trường cần chú ý đầu tư thêm các thiết bị dạy học phục vụ cho dạy văn học, xây dựng, phát triển đội ngũ GV, đổi mới kiểm tra, đánh giá... nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Cả trường nói chung và khối 4,5 nói riêng cần thảo luận chuyên môn để đưa ra được những phương pháp dạy học hay, giúp HS ngày càng yêu thích môn Tiếng Việt hơn.

Tổ chức trao đổi kinh nghiệm tự học giữa các lớp, các khóa học với nhau, xây dựng những giờ tự học, nội dung, chuyên đề tự học.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tiếng Việt

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình GDPT tổng hợp (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình GDPT môn Ngữ văn (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [3] Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (2024), Tập huấn Sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 5 – Bộ Sách Kết nối Tri thức với Cuộc sống.
- [4] Nguyễn Thị Hạnh (2017), *Năng lực đọc trong môn Ngữ văn bậc phổ thông và cấp tiểu học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 137, tháng 2/2017
- [5] Phạm Thị Thu Hiền (2016), *Đề xuất về việc dạy học đọc hiểu VBTT ở trường trung học của Việt Nam trong thời gian tới*, in trong Kỉ yếu Hội thảo khoa học toàn quốc Đổi mới và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường Sư phạm của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, NXB Giáo dục Việt Nam
- [6] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lệ Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 —Kết nối Tri thức với Cuộc sống*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lệ Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng (2023), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 —Kết nối Tri thức với Cuộc sống*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [8] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lệ Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5 —Kết nối Tri thức với Cuộc sống*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lệ Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng (2024), *Sách giáo khoa Tiếng Việt 5 —Kết nối Tri thức với Cuộc sống*, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam.

- [10] Bùi Mạnh Hùng (2014), *Phác thảo chương trình ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực*, Tạp chí Khoa học, 3/2014.
- [11] Dương Thị Hương (2015), *Cảm thụ văn học*, NXB Đại học Sư phạm.
- [12] Phạm Thị Thu Hương (2018), *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm.
- [13] Vũ Thị Thu Hương (9/2019), *Văn bản thông tin và vấn đề phát triển năng lực dạy học hiểu VBTT cho GV Ngữ văn trung học*, Tạp chí Giáo dục, số 416, tr.25-29
- [14] Trịnh Thị Lan, *Ngôn ngữ văn bản và việc dạy đọc hiểu văn bản thông tin ở trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục số 407, năm 2017
- [15] Trịnh Cam Ly (2015), *Dạy học đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 4, 5 theo tiếp cận năng lực*, luận án tiến sĩ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- [16] Nguyễn Thị Hồng Nam (2017), *Phương pháp dạy đọc văn bản*, Nxb. Đại học Cần Thơ.
- [17] Hoàng Phê (2021), *Từ điển Tiếng Việt*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
- [18] Lê Thị Phượng (2023), *Phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS trong dạy học môn Ngữ văn trung học cơ sở*, Tạp chí khoa học trường Đại học Hồng Đức, 63.
- [19] Đặng Thị Lệ Tâm (2020), *Văn bản thông tin trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 1 Chương trình 2018*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 28, tháng 4/2020
- [20] Đỗ Xuân Thảo (2021), *Dạy đọc hiểu văn bản thông tin ở tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, 495.
- [21] Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên), Phan Thị Hồ Diệp, Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở trường Tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- [22] Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên), Phan Thị Hồ Diệp, Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ Văn ở trường trung học cơ sở*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
- [23] Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên), Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên), Phan Thị Hồ Diệp, Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ Văn ở trường trung học phổ thông*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

- [24] Đỗ Ngọc Thống (2008), *Đánh giá năng lực đọc hiểu của HS - Nhìn từ yêu cầu của PISA*, Tạp chí Tia sáng tháng 12
- [25] Nguyễn Thị Ngọc Thúy (2016), *Văn bản thông tin trong Chương trình Ngữ văn của một số nước trên thế giới*, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [26] Hoàng Thị Tuyết (2013), *Phát triển chương trình đại học theo cách tiếp cận năng lực*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, Số 9 – tháng 03-04/2013.
- [27] Hoàng Quốc Việt (2020), *Nghiên cứu đọc hiểu và dạy học đọc hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường phổ thông*”, Tạp chí Giáo dục, số 469, tr.31-34.
- [28] Nguyễn Thị Xuân Yên, Trần Thị Thanh Tuyền (2023) *Xây dựng ngữ liệu đa phương thức rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4*, Tạp chí Giáo dục số 23 (1), năm 2023

2. Tiếng Anh

- [29] Brown, A. L., DeLoache, J. S. (1978), "Skills, plans, and self-regulation", *Children's thinking: What develops*, New York: Lawrence Erlbaum Associates, tr.3-35
- [30] Erikson, E. H. (1950), *Childhood and society*, New York: Norton
- [31] Langer, J.A (1992), *Authentic Texts and Innovative Instruments in NAEP's 1992 Surve*.
- [32] Piaget, J. (1964), "Part I: Cognitive development in children: Piaget development and learning", *Journal of Research in Science Teaching*, 2(3), tr.176-186

3. Website

- [33] <http://www.cde.ca.gov> ngày truy cập : 20/12/2024

PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN LỚP 4, 5
(BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)

Phiếu khảo sát này nhằm tìm hiểu thực trạng dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống), trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt nói chung và dạy học đọc hiểu VBTT lớp 4, 5 nói riêng. Kính mong Quý thầy (cô) cho biết ý kiến của mình về vấn đề dưới đây bằng cách đánh dấu “X” vào ô trống hoặc trả lời vào chỗ chấm. Chúng tôi cam kết các thông tin mà Quý thầy (cô) cung cấp sẽ được bảo mật và chỉ sử dụng cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

Rất mong sự hợp tác của Quý thầy/cô!

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên GV:.....Tuổi:.....

Đơn vị công tác:.....

Số điện thoại:.....

Email:.....

Số năm công tác trong ngành:.....

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Thầy (Cô) đánh giá mức độ cần thiết của việc phát triển năng lực đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 như thế nào?

☐ Rất cần thiết

☐ Ít cần thiết

☐ Cần thiết

☐ Không cần thiết

Câu 2. Thầy (Cô) đánh giá như thế nào về năng lực đọc hiểu VBTT của HS lớp 4, 5 hiện nay?

☐ Giỏi

☐ Trung bình

☐ Khá

☐ Yếu

Câu 3. Thầy (Cô) đánh giá mức độ hứng thú của HS trong dạy học đọc hiểu VBTT như thế nào?

☐ Rất hứng thú

☐ Bình thường

☐ Hứng thú

☐ Không hứng thú

Câu 4. Theo thầy (cô), ý nghĩa của việc dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5 là gì?

- ☐ Giúp HS làm quen với VBTT và hiểu nội dung cơ bản của VBTT.
- ☐ Cung cấp cho HS những thông tin liên quan đến đời sống tự nhiên, xã hội và con người.
- ☐ Giúp giải thích, hướng dẫn, giới thiệu một sự vật, hiện tượng nào đó phục vụ cuộc sống, con người và cộng đồng.
- ☐ Giúp phát triển kĩ năng tạo lập VBTT mới.

Câu 5. Theo thầy (cô), những kĩ năng nào cần phát triển trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?

- ☐ Kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của các yếu tố hình thức như: tiêu đề, hình ảnh, nhãn hiệu, chú thích, đồ thị, bảng biểu, thông cáo, áp phích, sơ đồ...
- ☐ Kĩ năng nhận diện thông tin chính trong văn bản.
- ☐ Kĩ năng nhận diện được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- ☐ Kĩ năng nhận diện bố cục của văn bản.
- ☐ Kĩ năng nhận diện cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc tầm quan trọng.
- ☐ Kĩ năng nhận diện các quan điểm, các lí do, lập luận và các bằng chứng từ các văn bản – nhất là đối với những văn bản giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội.
- ☐ Kĩ năng xác định đề tài, các chủ đề lớn, chủ đề nhỏ, những phần quan trọng và các ý, dữ liệu liên quan trong văn bản đọc.
- ☐ Kĩ năng tóm tắt VBTT.
- ☐ Kĩ năng liên hệ bài học từ thực tế cuộc sống.
- ☐ Kĩ năng tạo lập những VBTT mới liên quan đến những vấn đề thiết thực trong cuộc sống.
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 6. Theo thầy (cô), những kĩ năng nào dưới đây còn chưa đạt hiệu quả trong dạy học đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?

- ☐ Kĩ năng nhận biết các yếu tố hình thức và tác dụng của các yếu tố hình thức như: tiêu đề, hình ảnh, nhãn hiệu, chú thích, đồ thị, bảng biểu, thông cáo, áp phích, sơ đồ...

- ☐ Kỹ năng nhận diện thông tin chính trong văn bản.
- ☐ Kỹ năng nhận diện được đặc điểm của một số loại văn bản thông dụng, đơn giản và mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- ☐ Kỹ năng nhận diện bố cục của văn bản.
- ☐ Kỹ năng nhận diện cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc tầm quan trọng.
- ☐ Kỹ năng nhận diện các quan điểm, các lí do, lập luận và các bằng chứng từ các văn bản – nhất là đối với những văn bản giải thích các hiện tượng tự nhiên và xã hội.
- ☐ Kỹ năng xác định đề tài, các chủ đề lớn, chủ đề nhỏ, những phần quan trọng và các ý, dữ liệu liên quan trong văn bản đọc.
- ☐ Kỹ năng tóm tắt VBTT.
- ☐ Kỹ năng liên hệ bài học từ thực tế cuộc sống.
- ☐ Kỹ năng tạo lập những VBTT mới liên quan đến những vấn đề thiết thực trong cuộc sống.
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 7. Thầy (Cô) hướng dẫn HS đọc hiểu VBTT theo trình tự nào?

(Đánh số thứ tự vào ô trống theo trình tự các bước mà thầy cô đang thực hiện)

- ☐ Yêu cầu HS tìm ra những câu có ý nghĩa then chốt trong văn bản.
- ☐ Đánh dấu từ, cụm từ, vạch ra các ghi chú về ý chính của văn bản.
- ☐ Khuyến khích HS tóm tắt lại văn bản.
- ☐ Yêu cầu HS đọc lướt văn bản để nắm được ý chính.
- ☐ Hướng dẫn HS tìm kiếm các thông tin về ý chính trong văn bản.
- ☐ Yêu cầu HS đọc lại văn bản là đưa ra những suy nghĩ, ý kiến của mình
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 8. Thầy (Cô) thường hướng dẫn HS tìm ý chính trong VBTT như thế nào?

- ☐ Dựa vào các yếu tố hình thức như tựa đề, tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu...
- ☐ Dựa vào câu mở đầu hoặc câu kết thúc của văn bản
- ☐ Dựa vào các từ in đậm, những từ khóa trong VBTT.
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 9. Thầy (Cô) gặp những thuận lợi gì khi dạy đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?

- ☐ HS có kiến thức, thông tin về nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống và xã hội.
- ☐ HS dễ dàng đọc hiểu các VBTT trong và ngoài sách giáo khoa.
- ☐ HS có thể sử dụng công nghệ thông tin đơn giản để hệ thống hóa kiến thức đã học.
- ☐ HS có thể trình bày kết quả sau thảo luận.
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 10. Thầy (Cô) gặp những khó khăn gì khi dạy đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?

- ☐ HS không hứng thú với VBTT vì cho rằng nội dung không quan trọng.
- ☐ HS nhầm lẫn giữa cách đọc hiểu văn bản văn học và VBTT.
- ☐ HS gặp khó khăn trong việc tìm ý chính của VBTT.
- ☐ GV gặp khó khăn trong việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp.
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 11. Thầy (Cô) thường sử dụng những phương pháp dạy học nào trong dạy đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4, 5?

- ☐ Làm việc nhóm
- ☐ Dạy học theo dự án
- ☐ Nêu và giải quyết vấn đề
- ☐ Ý kiến khác:.....

Câu 12. Những đề xuất của thầy (cô) để phát triển kĩ năng đọc hiểu VBTT cho HS lớp 4,5 là:

.....
.....
.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn Quý thầy/cô!

PHỤ LỤC 2
PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN
(Dành cho học sinh lớp 4)

Để góp phần nâng cao hiệu quả dạy học đọc hiểu văn bản thông tin, các em vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu “X” vào ô trả lời mà các em chọn hoặc viết vào chỗ chấm.

Rất mong sự hợp tác của các em!

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên HS:.....

Lớp :.....Trường:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Em hiểu văn bản thông tin là gì?

.....

.....

.....

Câu 2. Kể tên một số văn bản thông tin em đã học?

.....

.....

Câu 3. Em thích giờ đọc hiểu văn bản nào trong những văn bản dưới đây:

- | | |
|---|-------------------------------|
| ☐ Truyện và văn xuôi | ☐ Thơ |
| ☐ Văn bản thông tin | ☐ Kịch |

Em hãy cho biết lí do:

Câu 4. Em được phát triển những kĩ năng nào qua giờ học đọc hiểu VBTT?

- ☐ Kĩ năng nhận biết ý nghĩa tiêu đề, hình ảnh, sơ đồ...
- ☐ Kĩ năng xác định ý chính của VBTT.
- ☐ Kĩ năng xác định bố cục VBTT.
- ☐ Kĩ năng tóm tắt văn bản.
- ☐ Kĩ năng tạo lập VBTT mới.

Ý kiến khác:.....

Câu 5. Em gặp những khó khăn gì khi đọc hiểu VBTT?

- ☐ Khó xác định ý nghĩa tiêu đề, hình ảnh, sơ đồ...
- ☐ Khó xác định ý chính của VBTT.
- ☐ Khó xác định bố cục VBTT.
- ☐ Chưa biết tóm tắt văn bản.
- ☐ Chưa biết tạo lập VBTT mới.

Ý kiến khác:.....

II. BÀI KIỂM TRA

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi dưới đây:

Có thể bạn đã biết

Quan sát những cây cầu hiện đại xuất hiện ngày càng nhiều, bạn có thể hình dung được một phần sự phát triển của đất nước ta.



Cầu Cần Thơ

Cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu, nối thành phố Cần Thơ và tỉnh Vĩnh Long. Năm 2010, đây là cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất Đông Nam Á. Cây cầu này đã góp phần làm nên những chuyển biến tích cực của nhiều tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Cầu Rồng bắc qua sông Hàn (Đà Nẵng) là cây cầu thép độc đáo với những màn trình diễn phun lửa, phun nước, đổi màu hết sức ấn tượng. Cây cầu này đã nhận được nhiều giải thưởng danh giá về kỹ thuật.



Cầu Rồng



Cầu Vĩnh Tuy là một trong nhiều cây cầu bắc qua sông Hồng (trên địa bàn Hà Nội). Vào thời điểm hoàn thành (năm 2010), đây là cây cầu lớn và hiện đại nhất được người Việt Nam thực hiện ở tất cả các khâu trong xây dựng.

Bạn còn biết cây cầu nào khác trên đất nước Việt Nam thân yêu?

PHAN ANH tổng hợp

Câu 1. Bài đọc trên nói về công trình kiến trúc nào?

- A. Những cây cầu
B. Những sân bay
C. Những tòa nhà cao tầng
D. Những khu đô thị phát triển

Câu 2. Ghép các ý ở cột A với các ý ở cột B để tạo câu đúng.

Cột A		Cột B	
1. Cầu Rồng		A. tạo cơ hội cho nhiều tỉnh miền Tây Nam Bộ nước ta phát triển mạnh mẽ.	
2. Cầu Cần Thơ		B. được vinh danh là cây cầu đẹp nhất nước ta cho đến thời điểm hiện tại	
3. Cầu Vĩnh Tuy		C. là cây cầu lớn nhất và hiện đại nhất được người Việt Nam thực hiện ở tất cả các khâu trong xây dựng (tính tại thời điểm hoàn thành năm 2010).	
		D. nhận được nhiều giải thưởng danh giá về kỹ thuật	
1 -	2 -	3 -	

Câu 3. Điền Đ (Đúng) hoặc S (Sai) vào ô trống đứng trước các câu sau:

- ☐ Cầu Cần Thơ được công nhận là cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất Đông Nam Á vào năm 2010.
 - ☐ Cầu Vĩnh Tuy bắc ngang qua sông Hàn.
 - ☐ Cầu Rồng được làm từ chất liệu thép.
 - ☐ Cầu Vĩnh Tuy là cây cầu lớn nhất Việt Nam vào thời điểm hoàn thành.
 - ☐ Cầu Rồng đã góp phần không nhỏ trong sự phát triển nền kinh tế của

Trung du và Miền núi phía Bắc nước ta.

☐

Cầu Cần Thơ có thể phun lửa, đổi màu hết sức ấn tượng.

Câu 4. Bài đọc giới thiệu những cây cầu trên theo trình tự nào?

.....

.....

Câu 5. Theo em, sự xuất hiện của những cây cầu hiện đại có ý nghĩa như thế nào?

.....

.....

.....

Câu 6. Kể tên một số cây cầu khác trên đất nước ta mà em biết.

.....

.....

Câu 7. Viết một đoạn văn ngắn nói về cây cầu mà em biết (trong đó có tên, địa chỉ, đặc điểm nổi bật, giá trị của cây cầu)

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 3
PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN
(Dành cho học sinh lớp 5)

Để góp phần nâng cao hiệu quả dạy học đọc hiểu văn bản thông tin, các em vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu “X” vào ô trả lời mà các em chọn hoặc viết vào chỗ chấm.

Rất mong sự hợp tác của các em HS!

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên HS:.....

Lớp :.....Trường:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 1. Em hiểu VBTT là gì?

.....

.....

.....

Câu 2. Kể tên một số VBTT em đã học?

.....

.....

.....

Câu 3. Em thích giờ đọc hiểu văn bản nào trong những văn bản dưới đây:

☐ Truyện và văn xuôi

☐ Thơ

☐ Văn bản thông tin

☐ Kịch

Em hãy cho biết lí do:

Câu 4. Em được phát triển những kĩ năng nào qua giờ học đọc hiểu VBTT?

☐ Kĩ năng nhận biết ý nghĩa tiêu đề, hình ảnh, sơ đồ...

☐ Kĩ năng xác định ý chính của VBTT.

☐ Kĩ năng xác định bố cục VBTT.

☐ Kĩ năng tóm tắt văn bản.

☐ Kĩ năng tạo lập VBTT mới.

Ý kiến khác:.....

.....

Câu 5. Em gặp những khó khăn gì trong khi đọc hiểu VBTT?

- ☐ Khó xác định ý nghĩa tiêu đề, hình ảnh, sơ đồ...
- ☐ Khó xác định ý chính của VBTT.
- ☐ Khó xác định bố cục VBTT.
- ☐ Chưa biết tóm tắt văn bản.
- ☐ Chưa biết tạo lập VBTT mới.

Ý kiến khác:.....

.....

II. BÀI KIỂM TRA

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi dưới đây:

Một bản hùng ca

Bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ tại Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên được vẽ bằng chất liệu sơn dầu theo một vòng tròn với đường kính 42 mét, chiều dài 132 mét, chiều cao 20,5 mét.

Thiết kế mái nhà vòm của bức tranh là hai bầu trời. Vòng trong là bầu trời trong xanh thể hiện khát vọng hoà bình. Vòng ngoài là bầu trời bom đạn rực lửa, tái hiện liên hoàn bốn trường đoạn lịch sử của chiến dịch:





Bức tranh chính là bản hùng ca về chiến tranh, tái hiện sống động và đầy đủ chiến dịch 56 ngày đêm chiến đấu của quân và dân ta, làm nên chiến thắng lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu.

Hoàng Nguyên tổng hợp

Trường đoạn: một phần của tác phẩm nghệ thuật có kết cấu tương đối hoàn chỉnh và độc lập, thể hiện một vấn đề của nội dung tác phẩm.

Câu 1. Nêu những thông tin chung về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ:

- Chất liệu:.....
- Bố cục:.....
- Kích thước:.....
- Thông tin khác:.....

Câu 2. Hai bầu trời trong thiết kế mái nhà vòm của bức tranh thể hiện điều gì?

- Bầu trời xanh:.....
- Bầu trời bom đạn rực lửa:.....

Câu 3. Ghép ý ở cột A với ý ở cột B để thể hiện đúng hình ảnh các Trường đoạn:

Cột A

Cột B

4. "Toàn dân ra trận"

E. Trận Him Lam mở màn Chiến dịch

	Điện Biên phủ
5. “Khúc dạo đầu hùng tráng”	F. Tái hiện sống động và đầy đủ chiến dịch 56 ngày đêm chiến đấu của quân và dân ta
6. “Cuộc đối đầu lịch sử”	G. Hình ảnh bộ đội cầm cờ đỏ sao vàng hàm tướng Đờ Ca-xơ-ri, khẳng định chủ quyền và chiến thắng của quân và dân ta
7. “Chiến thắng Điện Biên”	H. Hình ảnh từng đoàn dân, quân thô hàng, trèo non lội suối cung cấp lương thực cho tiền tuyến
	I. Hình ảnh hầm hào, dây thép gai và hình ảnh bộc phá phát nổ trên đồi A1

1 -	2 -	3 -	4 -
-----	-----	-----	-----

Câu 4. Ý nghĩa của trường đoạn “Cuộc đối đầu lịch sử” là gì?

- A. Cho thấy sự khốc liệt của chiến trường trong kháng chiến.
- B. Cho thấy những hi sinh và vất vả của các chiến sĩ trên chiến trường.
- C. Cho thấy sự hào hùng, anh dũng của các chiến sĩ trên chiến trường.
- D. Cho thấy sự mạnh mẽ áp đảo của quân dân ta trong kháng chiến.

Câu 5. Theo em, tại sao bức tranh được thiết kế theo hình vòng tròn?

- A. Để tượng trưng cho sự tuần hoàn của lịch sử.
- B. Để thể hiện sự khép kín của chiến thắng.
- C. Để thể hiện sự phát triển không ngừng của quân đội.
- D. Để thể hiện sự trường cửu, bền bỉ của chiến thắng.

Câu 6. Qua bài đọc, em thấy Chiến dịch Điện Biên Phủ có giá trị và ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Việt Nam?

.....

.....

.....

.....

.....

.....